PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2013/TT-BTNMT *Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Thái Nguyên được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện", TX. là chữ viết tắt của "thị xã";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh;

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH THÁI NGUYÊN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Thái Nguyên	
2	Thị xã Sông Công	
3	Huyện Đại Từ	
4	Huyện Định Hóa	
5	Huyện Đồng Hỷ	
6	Huyện Phổ Yên	
7	Huyện Phú Bình	
8	Huyện Phú Lương	
9	Huyện Võ Nhai	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cầu	TV	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên			21° 34' 19"	105° 51' 47"	21° 33' 17"	105° 53' 25"	F-48-56-D-d
xóm Lau	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 34' 16"	105° 53' 18"					F-48-56-D-d
cầu Lưu Xá	KX	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 04"	105° 51' 53"					F-48-56-D-c
xóm Mới	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 58"	105° 53' 11"					F-48-56-D-d
xóm Nải	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 34' 12"	105° 52' 54"					F-48-56-D-d
xóm Nến	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 34' 09"	105° 52' 19"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 2	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 58"	105° 51' 19"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 22	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 05"	105° 52' 43"					F-48-56-D-d
tổ dân phố Số 28	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 05"	105° 52' 18"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 30	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 05"	105° 52' 09"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 5	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 59"	105° 51' 42"					F-48-56-D-c
Xí nghiệp Tấm lợp Cam Giá	KX	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 34' 05"	105° 52' 14"					F-48-56-D-c
xóm Tân Thịnh	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 41"	105° 52' 48"					F-48-56-D-d
xóm Xen	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 49"	105° 52' 22"					F-48-56-D-c
khối 2	DC	P. Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 18"	105° 51' 05"					F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	P. Gia Sàng	TP. Thái Nguyên			21° 34' 01"	105° 50' 23"	21° 34' 18"	105° 51' 46"	F-48-56-D-c
Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng	KX	P. Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 38"	105° 50' 39"					F-48-56-D-c
suối Loàng	TV	P. Gia Sàng	TP. Thái Nguyên			21° 34' 51"	105° 51' 32"	21° 34' 19"	105° 51' 47"	F-48-56-D-c
khu 2	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 38"	105° 52' 39"					F-48-56-D-d
khu 3	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 39"	105° 52' 26"					F-48-56-D-c
khu 4	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 35"	105° 52' 58"					F-48-56-D-d
xóm An Ninh	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 33' 03"	105° 53' 32"					F-48-56-D-d
xóm Bình Dân	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 24"	105° 53' 01"					F-48-56-D-d
xóm Cam Gia	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 34"	105° 53' 29"					F-48-56-D-d
suối Vó Ngựa	TV	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên			21° 32' 03"	105° 52' 46"	21° 32' 35"	105° 53' 37"	F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cụm 2	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 28"	105° 50' 30"					F-48-56-D-c
quốc lộ 3	KX	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên			21° 33' 15"	105° 50' 18"	21° 32' 29"	105° 51' 20"	F-48-56-D-c
cụm 4	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 11"	105° 50' 46"					F-48-56-D-c
cụm 6	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 03"	105° 51' 29"					F-48-56-D-c
cụm 7	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 32' 56"	105° 51' 06"					F-48-56-D-c
ga Lưu Xá	KX	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 49"	105° 50' 46"					F-48-56-D-c
xóm Ngõ	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 46"	105° 50' 35"					F-48-56-D-c
xóm Phú Thọ	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 32' 42"	105° 51' 13"					F-48-56-D-c
Nhà máy Xi măng Lưu Xá	KX	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 51"	105° 50' 60"					F-48-56-D-c
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	KX	P. Quan Triều	TP. Thái Nguyên	21° 36' 48"	105° 48' 19"					F-48-56-D-c
Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	KX	P. Quan Triều	TP. Thái Nguyên	21° 36' 48"	105° 48' 42"					F-48-56-D-c
Quan Triều	DC	P. Quan Triều	TP. Thái Nguyên	21° 36' 07"	105° 48' 09"					F-48-56-D-c
ga Quan Triều	KX	P. Quan Triều	TP. Thái Nguyên	21° 36' 21"	105° 47' 60"					F-48-56-D-c
xóm Thống Nhất	DC	P. Quang Trung	TP. Thái Nguyên	21° 36' 04"	105° 49' 09"					F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên			21° 36' 52"	105° 48' 55"	21° 36' 06"	105° 49' 55"	F-48-56-D-c
tổ Cửa Ngòi	DC	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 16"	105° 49' 48"					F-48-56-D-c
cầu Mỏ Bạch	KX	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 15"	105° 49' 06"					F-48-56-D-c
tổ Quang Vinh	DC	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 27"	105° 49' 30"					F-48-56-D-c
tổ Quyết Tiến	DC	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 53"	105° 49' 56"					F-48-56-D-c
tổ Soi Dâu	DC	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 38"	105° 49' 44"					F-48-56-D-c
tổ Thân Vì	DC	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 17"	105° 48' 43"					F-48-56-D-c
tổ 10	DC	P. Tân Lập	TP. Thái Nguyên	21° 33' 22"	105° 49' 38"					F-48-56-D-c
tổ 11	DC	P. Tân Lập	TP. Thái Nguyên	21° 33' 02"	105° 49' 48"					F-48-56-D-c
tổ 12	DC	P. Tân Lập	TP. Thái Nguyên	21° 33' 45"	105° 49' 54"					F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cơ khí 19-5	KX	P. Tân Lập	TP. Thái Nguyên	21° 33' 56"	105° 49' 50"					F-48-56-D-c
Xí nghiệp Kết cấu Thép Quân đội	KX	P. Tân Lập	TP. Thái Nguyên	21° 33' 31"	105° 50' 06"					F-48-56-D-c
quốc lộ 3	KX	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên			21° 36' 48"	105° 48' 04"	21° 37' 27"	105° 47' 19"	F-48-56-D-c
xóm Cầu	DC	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên	21° 36' 60"	105° 47' 01"					F-48-56-D-c
xóm Cây Sui	DC	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên	21° 37' 07"	105° 47' 06"					F-48-56-D-c
xóm Chùa	DC	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên	21° 36' 56"	105° 47' 55"					F-48-56-D-c
xóm Đồng Sang	DC	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên	21° 37' 09"	105° 47' 27"					F-48-56-D-c
cầu Số 5	KX	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên	21° 37' 00"	105° 47' 41"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 3	DC	P. Tân Thành	TP. Thái Nguyên	21° 31' 29"	105° 52' 09"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 8	DC	P. Tân Thành	TP. Thái Nguyên	21° 31' 40"	105° 52' 38"					F-48-56-D-d
tổ dân phố Số 14	DC	P. Tân Thành	TP. Thái Nguyên	21° 32' 03"	105° 53' 12"					F-48-56-D-d
Bệnh viện A	KX	P. Thịnh Đán	TP. Thái Nguyên	21° 33' 49"	105° 48' 45"					F-48-56-D-c
quốc lộ 3	KX	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên			21° 31' 34"	105° 51' 56"	21° 33' 17"	105° 50' 08"	F-48-56-D-c
cầu Ba Cống	KX	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 34"	105° 51' 56"					F-48-56-D-c
xóm Bắc Lương	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 56"	105° 50' 08"					F-48-56-D-c
xóm Cầu Thông	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 38"	105° 50' 36"					F-48-56-D-c
xóm Chám Lãm	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 06"	105° 51' 10"					F-48-56-D-c
núi Cọc Mốc	SV	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 11"	105° 49' 30"					F-48-56-D-c
Trường Đào tạo nghề Cơ điện Luyện kim	KX	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 49"	105° 51' 15"					F-48-56-D-c
xóm Đồng Yên	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 10"	105° 49' 55"					F-48-56-D-c
xóm Hào Thọ	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 26"	105° 51' 12"					F-48-56-D-c
núi Kiều	SV	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 53"	105° 50' 17"					F-48-56-D-c
xóm Na Cớm	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 03"	105° 51' 07"					F-48-56-D-c
suối Nà Đà	TV	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên			21° 31' 58"	105° 50' 47"	21° 31' 34"	105° 51' 56"	F-48-56-D-c
xóm Trung Lương	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 06"	105° 51' 35"					F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tung	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 20"	105° 50' 11"					F-48-56-D-c
cụm 6	DC	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên	21° 32' 24"	105° 52' 02"					F-48-56-D-c
tập thể Cán 650	DC	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên	21° 32' 12"	105° 52' 17"					F-48-56-D-c
xóm Khau Muối	DC	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên	21° 32' 19"	105° 51' 45"					F-48-56-D-c
xóm La Lánh	DC	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên	21° 32' 41"	105° 51' 44"					F-48-56-D-c
xóm Phố Hương	DC	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên	21° 31' 58"	105° 52' 08"					F-48-56-D-c
suối Vó Ngựa	TV	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên			21° 31' 34"	105° 51' 56"	21° 32' 03"	105° 52' 46"	F-48-56-D-c
xóm Dân Tiến	DC	P. Túc Xuyên	TP. Thái Nguyên	21° 35' 33"	105° 51' 20"					F-48-56-D-c
xóm Oánh	DC	P. Túc Xuyên	TP. Thái Nguyên	21° 36' 16"	105° 50' 57"					F-48-56-D-c
ngòi Vúi Tiên	TV	P. Túc Xuyên	TP. Thái Nguyên			21° 35' 17"	105° 51' 08"	21° 34' 52"	105° 51' 30"	F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên			21° 38' 57"	105° 48' 28"	21° 37' 03"	105° 50' 09"	F-48-56-D-a, F-48-56-D-c
xóm Cổ Rùa	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 27"	105° 49' 59"					F-48-56-D-c
xóm Gò Chè	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 37"	105° 48' 59"					F-48-56-D-a
xóm Gốc Vối I	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 44"	105° 48' 44"					F-48-56-D-a
xóm Hội Hiếu	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 41"	105° 48' 25"					F-48-56-D-a
xóm Hợp Thành	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 19"	105° 48' 51"					F-48-56-D-a
xóm Làng Vàng	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 38"	105° 48' 41"					F-48-56-D-a
xóm Phúc Lộc	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 43"	105° 49' 51"					F-48-56-D-a
xóm Phúc Thành	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 02"	105° 49' 11"					F-48-56-D-a
cầu Quán Triều	KX	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 54"	105° 48' 15"					F-48-56-D-a
xóm Quyết Thắng	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 36"	105° 48' 58"					F-48-56-D-a
xóm Thác Lở	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 10"	105° 49' 32"					F-48-56-D-c
xóm Vải	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 36' 52"	105° 49' 15"					F-48-56-D-c
Nhà máy Xi măng Cao Ngạn	KX	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 05"	105° 48' 50"					F-48-56-D-a
quốc lộ 1B	KX	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên			21° 36' 01"	105° 50' 01"	21° 36' 52"	105° 50' 15"	F-48-56-D-c
xóm Đông	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 21"	105° 50' 16"					F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Bẩm	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 54"	105° 50' 38"					F-48-56-D-c
xóm Đồng Tâm	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 15"	105° 50' 00"					F-48-56-D-c
xóm Gia Bẩy	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 05"	105° 50' 11"					F-48-56-D-c
cầu Gia Bẩy	KX	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 01"	105° 50' 01"					F-48-56-D-c
xóm Nhị Hòa	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 37' 13"	105° 51' 04"					F-48-56-D-c
xóm Tân Hương	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 54"	105° 50' 30"					F-48-56-D-c
xóm Tân Thành	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 52"	105° 50' 55"					F-48-56-D-c
xóm Văn Thánh	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 24"	105° 50' 38"					F-48-56-D-c
quốc lộ 3	KX	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên			21° 29' 13"	105° 52' 21"	21° 30' 55"	105° 52' 01"	F-48-56-D-c
quốc lộ 37	KX	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên			21° 31' 39"	105° 53' 02"	21° 30' 32"	105° 53' 47"	F-48-56-D-d
xóm Bần	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 23"	105° 53' 12"					F-48-56-D-d
xóm Cầu	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 30' 58"	105° 54' 01"					F-48-56-D-d
sông Cầu	TV	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên			21° 32' 38"	105° 53' 39"	21° 31' 03"	105° 54' 51"	F-48-56-D-d
kênh Chính	TV	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên			21° 30' 44"	105° 51' 59"	21° 29' 41"	105° 53' 07"	F-48-56-D-d
xóm Cử	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 49"	105° 53' 55"					F-48-56-D-d
xóm Đông	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 24"	105° 53' 32"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Tiến	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 44"	105° 53' 21"					F-48-56-D-d
xóm Ga	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 29' 45"	105° 52' 52"					F-48-68-B-b
xóm Kè	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 16"	105° 54' 34"					F-48-56-D-d
xóm Linh Sơn	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 38"	105° 53' 15"					F-48-56-D-d
ga Lương Sơn	KX	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 29' 33"	105° 52' 33"					F-48-68-B-b
xóm Ngân	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 30' 19"	105° 52' 47"					F-48-56-D-c
xóm Nha Làng	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 32"	105° 54' 01"					F-48-56-D-d
xóm Pha	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 30' 21"	105° 53' 20"					F-48-56-D-d
xóm Phú Thái	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 30' 48"	105° 53' 43"					F-48-56-D-d
xóm Sau	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 29' 53"	105° 51' 59"					F-48-68-B-a
xóm Soi	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 15"	105° 54' 04"					F-48-56-D-d
xóm Thái Lương	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 11"	105° 52' 16"					F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tiến Bộ	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 30' 37"	105° 53' 07"					F-48-56-D-d
xóm Trước	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 29' 46"	105° 52' 24"					F-48-68-B-a
Trường Văn hóa Công An	KX	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 29' 33"	105° 52' 33"					F-48-68-B-b
xóm Chàm Hồng	DC	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 35' 38"	105° 47' 14"					F-48-56-D-c
xóm Hà	DC	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 36' 00"	105° 47' 07"					F-48-56-D-c
xóm Hồng	DC	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 35' 42"	105° 46' 34"					F-48-56-D-c
Mỏ than Khánh Hòa	KX	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 36' 40"	105° 46' 54"					F-48-56-D-c
xóm Nam Tiến	DC	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 36' 30"	105° 46' 28"					F-48-56-D-c
suối Nam Tiến	TV	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên			21° 36' 30"	105° 46' 16"	21° 36' 52"	105° 46' 38"	F-48-56-D-c
xóm Um	DC	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 36' 27"	105° 47' 32"					F-48-56-D-c
đường tỉnh 267	KX	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên			21° 34' 47"	105° 44' 01"	21° 32' 51"	105° 44' 51"	F-48-56-C-d
núi Ao Trời	SV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 32' 47"	105° 43' 12"					F-48-56-C-d
xóm Cây Re	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 46"	105° 44' 50"					F-48-56-C-d
kênh Chính	TV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên			21° 33' 30"	105° 43' 47"	21° 33' 41"	105° 46' 33"	F-48-56-C-d
sông Công	TV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên			21° 33' 19"	105° 43' 32"	21° 32' 45"	105° 44' 48"	F-48-56-C-d
đảo Dê Lòng Hồ	TV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 49"	105° 42' 39"					F-48-56-C-d
xóm Đá Dựng	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 34' 19"	105° 43' 60"					F-48-56-C-d
xóm Đồng Nội	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 34' 02"	105° 45' 57"					F-48-56-D-c
xóm Hồng Phúc	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 04"	105° 44' 02"					F-48-56-C-d
xóm Khuôn 2	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 16"	105° 45' 17"					F-48-56-D-c
đảo Kim Bằng	TV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 24"	105° 42' 24"					F-48-56-C-d
xóm Lai Thành	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 49"	105° 45' 36"					F-48-56-D-c
khu du lịch Nam Phương	KX	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 52"	105° 43' 32"					F-48-56-C-d
xóm Nhà Thờ	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 20"	105° 45' 48"					F-48-56-D-c
xóm Phúc Thuần	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 34' 03"	105° 44' 26"					F-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phúc Tiến	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 26"	105° 44' 31"					F-48-56-C-d
xóm Phúc Trìu	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 19"	105° 46' 36"					F-48-56-D-c
xóm Soi Mít	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 22"	105° 44' 51"					F-48-56-C-d
xóm Thanh Phong	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 34' 16"	105° 46' 12"					F-48-56-D-c
núi Voi Phun	SV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 53"	105° 43' 39"					F-48-56-C-d
đường tỉnh 270	KX	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên			21° 35' 25"	105° 42' 45"	21° 34' 59"	105° 45' 53"	F-48-56-D-c
xóm Cao Khánh	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 30"	105° 44' 07"					F-48-56-C-d
xóm Cao Trãng	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 34' 57"	105° 44' 13"					F-48-56-C-d
xóm Cây Sy	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 34"	105° 44' 42"					F-48-56-C-d
xóm Cây Thị	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 12"	105° 45' 14"					F-48-56-C-d
xóm Đèo Đá	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 32"	105° 45' 10"					F-48-56-D-c
xóm Đồng Kiệm	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 19"	105° 45' 57"					F-48-56-D-c
xóm Đồng Lạnh	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 34' 32"	105° 45' 13"					F-48-56-D-c
xóm Giữa	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 34' 53"	105° 45' 44"					F-48-56-D-c
cầu Khuôn Năm	KX	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 27"	105° 43' 23"					F-48-56-C-d
xóm Long Giang	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 34' 19"	105° 45' 17"					F-48-56-D-c
xóm Năm	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 36' 08"	105° 42' 55"					F-48-56-C-d
cầu Suối Đá	KX	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 04"	105° 44' 30"					F-48-56-C-d
xóm Xuân Hòa	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 34' 53"	105° 44' 47"					F-48-56-C-d
đường tỉnh 270	KX	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên			21° 34' 59"	105° 45' 53"	21° 34' 34"	105° 48' 02"	F-48-56-D-c
xóm Cây Xanh	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 45"	105° 47' 08"					F-48-56-D-c
kênh Chính	TV	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên			21° 33' 41"	105° 46' 33"	21° 33' 45"	105° 48' 12"	F-48-56-D-c
xóm Gia	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 25"	105° 47' 45"					F-48-56-D-c
xóm Gò Móc	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 32"	105° 46' 50"					F-48-56-D-c
suối Mỏ Bạch	TV	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên			21° 35' 13"	105° 46' 38"	21° 35' 58"	105° 48' 43"	F-48-56-D-c
xóm Nam Thành	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 05"	105° 47' 26"					F-48-56-D-c
xóm Nhà Thờ	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 35' 08"	105° 46' 15"					F-48-56-D-c
xóm Nước Hai	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 33' 53"	105° 46' 50"					F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Rừng Chùa	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 51"	105° 46' 11"					F-48-56-D-c
xóm Sơn Tiến	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 35' 05"	105° 47' 45"					F-48-56-D-c
xóm Tân Lập	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 35' 45"	105° 47' 56"					F-48-56-D-c
xóm Thái Sơn	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 35' 08"	105° 46' 59"					F-48-56-D-c
xóm Trung Thành	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 46"	105° 46' 29"					F-48-56-D-c
Nhà máy X84	KX	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 58"	105° 47' 06"					F-48-56-D-c
Nhà máy Z115	KX	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 35' 26"	105° 47' 33"					F-48-56-D-c
đường tỉnh 267	KX	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên			21° 32' 51"	105° 44' 51"	21° 32' 38"	105° 46' 43"	F-48-56-D-c
suối Cầu Tây	TV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên			21° 32' 15"	105° 46' 57"	21° 31' 56"	105° 47' 37"	F-48-56-D-c
núi Con Phượng	SV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 03"	105° 45' 04"					F-48-56-D-c
sông Công	TV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên			21° 32' 45"	105° 44' 48"	21° 31' 34"	105° 47' 15"	F-48-56-D-c
xóm Đội Cấn	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 39"	105° 45' 54"					F-48-56-D-c
xóm Guộc	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 58"	105° 47' 12"					F-48-56-D-c
núi Guộc	SV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 54"	105° 46' 44"					F-48-56-D-c
xóm Hồng Thái II	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 48"	105° 45' 24"					F-48-56-D-c
dãy Mỏ Vàng	SV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 29"	105° 45' 51"					F-48-56-D-c
xóm Nam Hưng	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 08"	105° 46' 37"					F-48-56-D-c
xóm Nam Thái	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 16"	105° 46' 09"					F-48-56-D-c
núi Ông Nhì	SV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 16"	105° 05' 02"					F-48-56-D-c
xóm Soi Vàng	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 59"	105° 46' 02"					F-48-56-D-c
xóm Tân Thái	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 09"	105° 45' 32"					F-48-56-D-c
suối Trại Trâu	TV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên			21° 33' 04"	105° 45' 35"	21° 31' 39"	105° 46' 25"	F-48-56-D-c
xóm Y Na 2	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 57"	105° 46' 24"					F-48-56-D-c
nhà máy Z159	KX	xã Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên	21° 34' 59"	105° 48' 43"					F-48-56-D-c
xóm Ao Miếu	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 31' 42"	105° 49' 05"					F-48-56-D-c
xóm Bến Đò	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 31' 01"	105° 48' 36"					F-48-56-D-c
xóm Cầu Đá	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 56"	105° 48' 57"					F-48-56-D-c
kênh Chính	TV	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên			21° 33' 45"	105° 48' 12"	21° 32' 47"	105° 49' 42"	F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cương Lăng	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 31' 33"	105° 47' 50"					F-48-56-D-c
xóm Đầu Phần	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 24"	105° 47' 44"					F-48-56-D-c
suối Đầu Trâu	TV	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên			21° 32' 19"	105° 49' 26"	21° 31' 22"	105° 49' 12"	F-48-56-D-c
xóm Đức Cường	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 31' 40"	105° 48' 24"					F-48-56-D-c
xóm Đức Hòa	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 05"	105° 48' 32"					F-48-56-D-c
xóm Lượt	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 53"	105° 48' 14"					F-48-56-D-c
suối Na Đà	TV	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên			21° 31' 56"	105° 47' 37"	21° 31' 13"	105° 48' 18"	F-48-56-D-c
xóm Nhân Hòa	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 33' 13"	105° 47' 35"					F-48-56-D-c
xóm Phúc Hòa	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 35"	105° 47' 01"					F-48-56-D-c
xóm Tân Đức	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 33' 38"	105° 47' 17"					F-48-56-D-c
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 01"	105° 48' 04"					F-48-56-D-c
quốc lộ 3	KX	P. Cải Đan	TX. Sông Công			21° 28' 25"	105° 51' 56"	21° 26' 25"	105° 51' 39"	F-48-68-B-a
tổ dân phố Ao Ngo	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 19"	105° 52' 08"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Khuynh Thạch	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 28' 02"	105° 51' 59"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Nguyên Bẫy	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 31"	105° 51' 52"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Nguyên Giả	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 28' 13"	105° 51' 38"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Phố Mới	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 47"	105° 51' 57"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Xuân Gáo	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 42"	105° 51' 26"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Xuân Miếu	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 56"	105° 50' 50"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Xuân Thành	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 29"	105° 51' 08"					F-48-68-B-a
đường tỉnh 262	KX	P. Lương Châu	TX. Sông Công			21° 29' 16"	105° 50' 01"	21° 28' 42"	105° 50' 16"	F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Bá Xuyên	DC	P. Lương Châu	TX. Sông Công	21° 28' 48"	105° 50' 04"					F-48-68-B-a
Nhà máy ĐIEZEN	KX	P. Lương Châu	TX. Sông Công	21° 28' 41"	105° 49' 43"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Na Kháng	DC	P. Lương Châu	TX. Sông Công	21° 28' 49"	105° 49' 25"					F-48-68-B-a
xóm Lương Châu	DC	P. Mỏ Chè	TX. Sông Công	21° 28' 36"	105° 50' 24"					F-48-68-B-a
bệnh viện C	KX	P. Phố Cò	TX. Sông Công	21° 26' 50"	105° 51' 36"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Phố Cò	DC	P. Phố Cò	TX. Sông Công	21° 27' 09"	105° 51' 25"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Tân Huyện	DC	P. Phố Cò	TX. Sông Công	21° 26' 49"	105° 50' 50"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Tân Mới	DC	P. Phố Cò	TX. Sông Công	21° 27' 20"	105° 50' 49"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Du	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 27' 52"	105° 50' 05"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Hợp Thành	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 27' 43"	105° 50' 51"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Kè	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 27' 20"	105° 49' 45"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Tân Lập	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 28' 15"	105° 50' 30"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Ưng	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 27' 29"	105° 50' 14"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Vượng	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 27' 44"	105° 49' 35"					F-48-68-B-a
xóm Ao Cang	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 31' 00"	105° 49' 00"					F-48-56-D-c
xóm Bãi Hát	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 29' 50"	105° 49' 39"					F-48-68-B-a
xóm Chùa	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 29' 40"	105° 50' 06"					F-48-68-B-a
xóm Chúc	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 29' 45"	105° 49' 29"					F-48-68-B-a
xóm La Cảnh	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 29' 24"	105° 49' 49"					F-48-68-B-a
xóm La Giang	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 30' 07"	105° 49' 23"					F-48-56-D-c
núi Sắt	SV	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 31' 17"	105° 49' 32"					F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bá Vân I	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 60"	105° 48' 01"					F-48-56-D-c
xóm Bá Vân II	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 44"	105° 47' 29"					F-48-56-D-c
xóm Bá Vân III	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 58"	105° 47' 39"					F-48-56-D-c
xóm Bá Vân V	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 26"	105° 47' 41"					F-48-56-D-c
xóm Bình Định	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 31' 11"	105° 47' 15"					F-48-56-D-c
núi Con Phượng	SV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 38"	105° 45' 38"					F-48-56-D-c
sông Công	TV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công			21° 31' 36"	105° 46' 16"	21° 28' 49"	105° 49' 04"	F-48-56-D-c
xóm Đông Hưng	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 29' 54"	105° 47' 44"					F-48-68-B-a
đập Ghềnh Chè	TV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 49"	105° 46' 56"					F-48-56-D-c
sông Hai Luồng	TV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công			21° 30' 51"	105° 46' 56"	21° 31' 17"	105° 47' 40"	F-48-56-D-c
xóm Kim Long	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 29' 50"	105° 46' 12"					F-48-68-B-a
xóm Lát Đá	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 16"	105° 46' 56"					F-48-56-D-c
xóm Linh Sơn	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 29' 19"	105° 47' 11"					F-48-68-B-a
xóm Long Vân	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 25"	105° 48' 32"					F-48-56-D-c
đèo Ngang	SV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 31' 11"	105° 46' 07"					F-48-56-D-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 26"	105° 45' 45"					F-48-56-D-c
xóm Tiền Tiến	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 53"	105° 46' 37"					F-48-56-D-c
núi Túc	SV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 13"	105° 46' 46"					F-48-56-D-c
xóm Xuân Đăng	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 29' 39"	105° 48' 37"					F-48-68-B-a
làng Cả	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 30' 20"	105° 51' 11"					F-48-56-D-c
xóm Cầu Gáo	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 28' 50"	105° 51' 17"					F-48-68-B-a
suối Cầu Xóm	TV	xã Tân Quang	TX. Sông Công			21° 31' 47"	105° 49' 45"	21° 30' 36"	105° 50' 01"	F-48-56-D-c
kênh Chính	TV	xã Tân Quang	TX. Sông Công			21° 31' 29"	105° 50' 56"	21° 30' 44"	105° 51' 59"	F-48-56-D-c
xóm Đồi	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 28' 42"	105° 50' 35"					F-48-68-B-a
xóm Khu Thờ	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 28"	105° 51' 16"					F-48-68-B-a
xóm Khu Yên	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 27"	105° 51' 03"					F-48-68-B-a
xóm La Chám	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 28' 30"	105° 51' 22"					F-48-68-B-a
xóm La Đình	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 28' 44"	105° 50' 53"					F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm La Doan	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 30' 40"	105° 50' 23"					F-48-56-D-c
xóm La Vai	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 50"	105° 51' 28"					F-48-68-B-a
xóm Làng Cả	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 50"	105° 51' 26"					F-48-68-B-a
xóm Làng Dỗ	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 30' 22"	105° 51' 02"					F-48-56-D-c
xóm Làng Mới	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 10"	105° 51' 27"					F-48-68-B-a
xóm Làng Săn	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 07"	105° 50' 28"					F-48-68-B-a
Khu công nghiệp Sông Công	KX	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 28' 57"	105° 52' 02"					F-48-68-B-a
xóm Tân Mỹ	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 31' 26"	105° 50' 10"					F-48-56-D-c
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 31' 04"	105° 51' 52"					F-48-56-D-c
xóm Tân Yên	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 31' 15"	105° 51' 25"					F-48-56-D-c
sông Công	TV	xã Vinh Sơn	TX. Sông Công			21° 28' 49"	105° 49' 04"	21° 27' 23"	105° 49' 29"	F-48-68-B-a
xóm Đồng Cam	DC	xã Vinh Sơn	TX. Sông Công	21° 28' 01"	105° 48' 42"					F-48-68-B-a
xóm Sơn Tía	DC	xã Vinh Sơn	TX. Sông Công	21° 28' 21"	105° 48' 39"					F-48-68-B-a
xóm Thu Quang	DC	xã Vinh Sơn	TX. Sông Công	21° 27' 32"	105° 48' 36"					F-48-68-B-a
cầu Treo	KX	xã Vinh Sơn	TX. Sông Công	21° 28' 14"	105° 49' 12"					F-48-68-B-a
xóm 4	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 24"	105° 42' 13"					F-48-68-A-b
xóm 6	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 30' 21"	105° 42' 43"					F-48-56-C-d
quốc lộ 37	KX	TT. Quân Chu	H. Đại Từ			21° 37' 60"	105° 38' 31"	21° 38' 15"	105° 37' 48"	F-48-56-C-b
nhà máy Chè Quân Chu	KX	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 08"	105° 42' 49"					F-48-68-A-b
xóm 8A	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 40"	105° 43' 26"					F-48-68-A-b
xóm 8B	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 18"	105° 43' 55"					F-48-68-A-b
xóm Cây Hồng	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 59"	105° 43' 02"					F-48-68-A-b
suối Đền	TV	TT. Quân Chu	H. Đại Từ			21° 29' 11"	105° 43' 07"	21° 28' 55"	105° 43' 32"	F-48-68-A-b
xóm Khe Cua 1	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 42"	105° 43' 47"					F-48-68-A-b
xóm Khe Cua 2	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 53"	105° 42' 56"					F-48-68-A-b
xóm An Bình	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 36' 29"	105° 44' 43"					F-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm An Thanh	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 36' 57"	105° 44' 24"					F-48-56-C-d
xóm Đạt	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 32"	105° 44' 11"					F-48-56-C-b
xóm Đoàn Kết	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 58"	105° 45' 09"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Bục	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 36' 45"	105° 45' 22"					F-48-56-D-c
xóm Hàng	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 56"	105° 44' 49"					F-48-56-C-b
suối Làng Ngò	TV	xã An Khánh	H. Đại Từ			21° 36' 18"	105° 45' 11"	21° 36' 30"	105° 46' 17"	F-48-56-D-c
xóm Ngò	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 36' 51"	105° 45' 52"					F-48-56-D-c
núi Phượng Hoàng	SV	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 35' 39"	105° 45' 21"					F-48-56-D-c
xóm Sòng	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 25"	105° 44' 47"					F-48-56-C-d
xóm Tân Bình	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 18"	105° 45' 32"					F-48-56-D-c
xóm Tân Tiến	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 35' 50"	105° 45' 55"					F-48-56-D-c
xóm Thác Vạng	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 18"	105° 45' 16"					F-48-56-D-c
quốc lộ 37	KX	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ			21° 39' 08"	105° 36' 55"	21° 39' 43"	105° 35' 05"	F-48-56-C-a
xóm Ba Giăng	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 91' 11"	105° 36' 36"					F-48-56-C-a
xóm Đầm Bàng	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 40' 30"	105° 37' 11"					F-48-56-C-a
xóm Đội 6	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 41"	105° 36' 48"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Ngã	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 20"	105° 35' 03"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Ninh	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 40' 28"	105° 35' 44"					F-48-56-C-a
xóm Gò Vãn	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 12"	105° 36' 51"					F-48-56-C-a
xóm Khâu Giang	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 30"	105° 36' 07"					F-48-56-C-a
xóm Khâu Giáo	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 38' 56"	105° 34' 54"					F-48-56-C-a
sông La Bằng	TV	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ			21° 38' 41"	105° 34' 23"	21° 39' 03"	105° 36' 46"	F-48-56-C-a
xóm Lâm Giang	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 40' 08"	105° 35' 53"					F-48-56-C-a
xóm Lê Lợi	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 26"	105° 36' 38"					F-48-56-C-a
xóm Nà Mân	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 40' 09"	105° 37' 40"					F-48-56-C-b
xóm Phố	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 49"	105° 36' 47"					F-48-56-C-a
xóm Phú Hạ	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 29"	105° 35' 34"					F-48-56-C-a
xóm Thanh Giang	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 40' 04"	105° 36' 36"					F-48-56-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bình Khang	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 37' 09"	105° 38' 03"					F-48-56-C-d
xóm Bình Xuân	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 36' 57"	105° 37' 46"					F-48-56-C-d
xóm Chùa	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 37' 12"	105° 39' 15"					F-48-56-C-d
xóm Đình	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 37' 06"	105° 38' 53"					F-48-56-C-d
cầu Gốc Duối	KX	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 36' 56"	105° 38' 28"					F-48-56-C-d
xóm Nà Giang	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 35' 59"	105° 36' 47"					F-48-56-C-c
cầu Suối Tấm	KX	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 37' 28"	105° 38' 22"					F-48-56-C-d
xóm Thuận Phong	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 36' 37"	105° 38' 06"					F-48-56-C-d
xóm Tiến Thành	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 36' 30"	105° 39' 19"					F-48-56-C-d
xóm Trại	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 37' 23"	105° 38' 33"					F-48-56-C-d
xóm Văn Khúc	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 36' 44"	105° 38' 36"					F-48-56-C-d
xóm 1	DC	xã Cát Nê	H. Đại Từ	21° 32' 17"	105° 39' 47"					F-48-56-C-d
xóm 2	DC	xã Cát Nê	H. Đại Từ	21° 30' 17"	105° 41' 46"					F-48-56-C-d
xóm 3	DC	xã Cát Nê	H. Đại Từ	21° 30' 15"	105° 40' 58"					F-48-56-C-d
đường tỉnh 261	KX	xã Cát Nê	H. Đại Từ			21° 32' 21"	105° 39' 30"	21° 30' 07"	105° 41' 02"	F-48-56-C-d
xóm Đầu Cầu	DC	xã Cát Nê	H. Đại Từ	21° 31' 26"	105° 40' 28"					F-48-56-C-d
xóm Đồng Gốc	DC	xã Cát Nê	H. Đại Từ	21° 31' 41"	105° 40' 10"					F-48-56-C-d
xóm Gò Cao	DC	xã Cát Nê	H. Đại Từ	21° 31' 33"	105° 39' 07"					F-48-56-C-d
xóm La Vĩnh	DC	xã Cát Nê	H. Đại Từ	21° 31' 36"	105° 39' 22"					F-48-56-C-d
xóm Tân Phú	DC	xã Cát Nê	H. Đại Từ	21° 31' 18"	105° 39' 37"					F-48-56-C-d
xóm Thình	DC	xã Cát Nê	H. Đại Từ	21° 31' 19"	105° 42' 09"					F-48-56-C-d
xóm Trang Nhang	DC	xã Cát Nê	H. Đại Từ	21° 32' 10"	105° 40' 22"					F-48-56-C-d
quốc lộ 37	KX	xã Cù Vân	H. Đại Từ			21° 38' 12"	105° 44' 37"	21° 38' 20"	105° 42' 32"	F-48-56-C-b
xóm Bắc Máng	DC	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 37' 24"	105° 43' 31"					F-48-56-C-d
xóm Bãi Chè	DC	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 38' 08"	105° 43' 26"					F-48-56-C-b
cầu Chảy	KX	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 38' 18"	105° 42' 41"					F-48-56-C-b
núi Chéo Vành	SV	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 37' 04"	105° 42' 45"					F-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nhà máy Cơ khí Mỏ	KX	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 38' 14"	105° 43' 06"					F-48-56-C-b
xóm Đình	DC	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 38' 15"	105° 43' 54"					F-48-56-C-b
xóm Đồng Đa	DC	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 37' 50"	105° 43' 40"					F-48-56-C-b
xóm Đồng Lìm	DC	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 38' 50"	105° 43' 33"					F-48-56-C-b
xóm Đồng Tiến	DC	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 38' 60"	105° 43' 11"					F-48-56-C-b
hồ Phượng Hoàng	TV	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 36' 47"	105° 43' 22"					F-48-56-C-d
xóm Suối Huyền	DC	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 38' 11"	105° 44' 27"					F-48-56-C-b
núi Tán	SV	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 38' 50"	105° 42' 37"					F-48-56-C-b
cầu Tây	KX	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 38' 14"	105° 44' 08"					F-48-56-C-b
xóm Trung Đài	DC	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 39' 37"	105° 43' 35"					F-48-56-C-b
xóm Cây Xoan	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 53"	105° 35' 40"					F-48-56-C-a
xóm Chùa Chinh	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 02"	105° 36' 06"					F-48-56-C-a
xóm Dộc Mán	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 42' 45"	105° 35' 36"					F-48-56-C-a
xóm Đất Đỏ	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 36"	105° 36' 29"					F-48-56-C-a
xóm Đầu Cầu	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 42' 58"	105° 36' 36"					F-48-56-C-a
xóm Đình Giữa	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 44"	105° 36' 06"					F-48-56-C-a
xóm Đồi	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 24' 45"	105° 36' 04"					F-48-56-C-a
núi Gao Diên	SV	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 42' 48"	105° 35' 01"					F-48-56-C-a
xóm Hữu Sào	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 23' 38"	105° 36' 55"					F-48-56-C-a
xóm La Muống	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 11"	105° 36' 23"					F-48-56-C-a
xóm Mon Đình	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 19"	105° 36' 08"					F-48-56-C-a
xóm Mon Đình	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 07"	105° 35' 57"					F-48-56-C-a
xóm Nhất Quyết	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 36"	105° 36' 56"					F-48-56-C-a
xóm Thống Nhất	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 27"	105° 35' 12"					F-48-56-C-a
xóm Tiền Phong	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 42' 33"	105° 35' 25"					F-48-56-C-a
cầu Trại Vải	KX	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 45"	105° 36' 44"					F-48-56-C-a
xóm 1	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 39' 02"	105° 40' 16"					F-48-56-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 2	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 20"	105° 40' 10"					F-48-56-C-b
xóm 3	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 39' 20"	105° 40' 43"					F-48-56-C-b
xóm 4	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 50"	105° 40' 41"					F-48-56-C-b
xóm 5	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 17"	105° 41' 31"					F-48-56-C-b
xóm 6	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 60"	105° 41' 14"					F-48-56-C-b
xóm 7	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 31"	105° 41' 10"					F-48-56-C-b
xóm 8	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 38"	105° 41' 35"					F-48-56-C-b
xóm 9	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 04"	105° 41' 23"					F-48-56-C-b
xóm 10	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 37' 55"	105° 42' 08"					F-48-56-C-b
xóm 11	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 56"	105° 42' 17"					F-48-56-C-b
xóm 12	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 12"	105° 42' 24"					F-48-56-C-b
xóm 13	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 13"	105° 42' 05"					F-48-56-C-b
quốc lộ 37	KX	xã Hà Thượng	H. Đại Từ			21° 38' 20"	105° 42' 32"	21° 38' 52"	105° 39' 39"	F-48-56-C-b
xóm Cấm	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 37' 51"	105° 40' 49"					F-48-56-C-b
cầu Đồng Bông	KX	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 53"	105° 41' 14"					F-48-56-C-b
xóm Đồng Đảng	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 39' 04"	105° 40' 41"					F-48-56-C-b
cầu Khe Lạnh	KX	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 20"	105° 42' 32"					F-48-56-C-b
xóm Khe Vối	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 39' 00"	105° 40' 36"					F-48-56-C-b
xóm Suối Bát	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 40"	105° 39' 58"					F-48-56-C-b
xóm Suối Cát	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 46"	105° 40' 57"					F-48-56-C-b
cầu Suối Cát	KX	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 56"	105° 40' 56"					F-48-56-C-b
xóm Ao Mật	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 34"	105° 35' 04"					F-48-56-C-a
suối Bé	TV	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ			21° 35' 53"	105° 34' 01"	21° 37' 05"	105° 33' 59"	F-48-56-C-c
suối Cải	TV	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ			21° 35' 12"	105° 31' 37"	21° 37' 36"	105° 35' 10"	F-48-56-C-c, F-48-56-C-a
xóm Cào Hải	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 37' 46"	105° 35' 30"					F-48-56-C-a
xóm Cầu Đá	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 07"	105° 34' 33"					F-48-56-C-a
xóm Đình Cường	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 37' 23"	105° 34' 16"					F-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đoàn Kết	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 27"	105° 35' 17"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Khuôn	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 36' 56"	105° 33' 18"					F-48-56-C-c
xóm Hưu	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 37' 33"	105° 33' 41"					F-48-56-C-a
xóm La Dây	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 00"	105° 35' 53"					F-48-56-C-a
xóm La Lương	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 16"	105° 34' 10"					F-48-56-C-a
xóm Làng Đảng	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 08"	105° 35' 19"					F-48-56-C-a
xóm Nà Khan	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 37' 46"	105° 35' 07"					F-48-56-C-a
xóm Suối Chùn	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 36' 45"	105° 33' 52"					F-48-56-C-c
dãy Tam Đảo	SV	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 35' 46"	105° 31' 04"					F-48-56-C-c
Khu di tích 27-7	KX	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 37' 46"	105° 37' 52"					F-48-56-C-b
xóm An Long	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 38' 10"	105° 39' 18"					F-48-56-C-b
xóm Bàn Cờ	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 37' 55"	105° 37' 56"					F-48-56-C-b
xóm Bảy	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 37' 36"	105° 39' 27"					F-48-56-C-b
xóm Cầu Thành	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 37' 51"	105° 38' 54"					F-48-56-C-b
sông Công	TV	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ			21° 38' 37"	105° 37' 55"	21° 37' 07"	105° 39' 38"	F-48-56-C-b, F-48-56-C-d
xóm Đồng Đậm	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 38' 19"	105° 38' 33"					F-48-56-C-b
cầu Huy Ngọc	KX	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 80' 10"	105° 38' 54"					F-48-56-C-b
xóm Liên Giới	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 38' 45"	105° 39' 31"					F-48-56-C-b
xóm Tám	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 37' 57"	105° 39' 48"					F-48-56-C-b
xóm Trung Hòa	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 38' 08"	105° 38' 20"					F-48-56-C-b
xóm Vân Long	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 39' 23"	105° 38' 32"					F-48-56-C-b
xóm Chùa	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 21"	105° 36' 27"					F-48-56-C-c
xóm Cuốn Cờ	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 26"	105° 35' 33"					F-48-56-C-d
hồ Đoàn Vỹ	TV	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 41"	105° 35' 10"					F-48-56-C-c
xóm Đồng Bãi	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 18"	105° 37' 10"					F-48-56-C-c
xóm Đồng Cà	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 35"	105° 36' 54"					F-48-56-C-c
xóm Đồng Hoan	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 34"	105° 36' 13"					F-48-56-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Mè	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 31"	105° 36' 14"					F-48-56-C-c
xóm Đức Long	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 04"	105° 36' 57"					F-48-56-C-c
xóm Gò Chòi	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 14"	105° 35' 49"					F-48-56-C-c
xóm Gò Da	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 52"	105° 36' 35"					F-48-56-C-c
xóm Gò Thang	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 59"	105° 37' 04"					F-48-56-C-a
xóm Hoà Bình	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 38"	105° 37' 22"					F-48-56-C-a
xóm Nà Phác	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 21"	105° 35' 25"					F-48-56-C-c
núi Quạt Nan	SV	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 58"	105° 34' 33"					F-48-56-C-c
xóm Cả	DC	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 32' 55"	105° 38' 42"					F-48-56-C-d
suối Cái	TV	xã Ký Phú	H. Đại Từ			21° 31' 59"	105° 38' 41"	21° 34' 22"	105° 39' 07"	F-48-56-C-d
núi Cấm Cờ	SV	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 32' 31"	105° 37' 48"					F-48-56-C-d
xóm Cạn	DC	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 33' 39"	105° 38' 44"					F-48-56-C-d
xóm Chuối	DC	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 31' 56"	105° 39' 05"					F-48-56-C-d
xóm Dứa	DC	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 32' 26"	105° 38' 47"					F-48-56-C-d
xóm Duyên	DC	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 34' 28"	105° 38' 43"					F-48-56-C-d
cầu Đá Đen	KX	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 33' 54"	105° 38' 41"					F-48-56-C-d
xóm Đặn	DC	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 33' 17"	105° 39' 17"					F-48-56-C-d
xóm Gió	DC	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 33' 09"	105° 38' 15"					F-48-56-C-d
hồ Gò Miếu	TV	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 31' 54"	105° 38' 34"					F-48-56-C-d
cầu Kỳ Phú	KX	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 33' 05"	105° 38' 46"					F-48-56-C-d
suối Nguồn	TV	xã Ký Phú	H. Đại Từ			21° 31' 53"	105° 37' 45"	21° 31' 58"	105° 38' 15"	F-48-56-C-d
cầu Núi Văn	KX	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 33' 42"	105° 38' 40"					F-48-56-C-d
cầu Trà Ho	KX	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 34' 43"	105° 39' 02"					F-48-56-C-d
núi Văn	SV	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 33' 42"	105° 38' 29"					F-48-56-C-d
xóm Xoi	DC	xã Ký Phú	H. Đại Từ	21° 32' 43"	105° 39' 20"					F-48-56-C-d
Nhà máy Chè La Bằng	KX	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 39' 07"	105° 33' 05"					F-48-56-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Điệng	SV	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 41"	105° 32' 13"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Bao	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 39' 06"	105° 34' 06"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Đình	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 14"	105° 33' 56"					F-48-56-C-a
xóm La Bằng	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 39' 02"	105° 33' 28"					F-48-56-C-a
sông La Bằng	TV	xã La Bằng	H. Đại Từ			21° 37' 18"	105° 31' 08"	21° 38' 58"	105° 34' 38"	F-48-56-C-c, F-48-56-C-a
xóm La Cút	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 34"	105° 33' 02"					F-48-56-C-a
xóm Lau Sau	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 53"	105° 33' 34"					F-48-56-C-a
xóm Nà Nạc	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 52"	105° 34' 20"					F-48-56-C-a
xóm Rừng Vần	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 00"	105° 32' 51"					F-48-56-C-a
xóm Rừng Văn	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 25"	105° 32' 51"					F-48-56-C-a
núi Vuốt	SV	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 37' 24"	105° 33' 07"					F-48-56-C-a
xóm Xóm Kẹm	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 14"	105° 32' 30"					F-48-56-C-a
đường tỉnh 261	KX	xã Lục Ba	H. Đại Từ			21° 34' 46"	105° 39' 01"	21° 36' 32"	105° 38' 39"	F-48-56-C-d
xóm Bãi Bao	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 25"	105° 39' 21"					F-48-56-C-d
xóm Bẫu Châu	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 34' 54"	105° 39' 03"					F-48-56-C-d
xóm Bình Hương	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 36' 08"	105° 38' 41"					F-48-56-C-d
xóm Đầm Giáo	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 22"	105° 39' 04"					F-48-56-C-d
cầu Đầu	KX	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 36' 14"	105° 38' 53"					F-48-56-C-d
xóm Đồng Mưa	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 54"	105° 38' 48"					F-48-56-C-d
xóm Thành Lập	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 55"	105° 37' 38"					F-48-56-C-d
cầu Trắng	KX	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 39"	105° 38' 49"					F-48-56-C-d
xóm Văn Thanh	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 30"	105° 38' 21"					F-48-56-C-d
sông Công	TV	xã Minh Tiến	H. Đại Từ			21° 44' 56"	105° 34' 11"	21° 43' 30"	105° 33' 13"	F-48-56-C-a
xóm Gốc Gạo	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 36"	105° 32' 21"					F-48-56-C-a
xóm Hòa Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 30"	105° 33' 29"					F-48-56-C-a
xóm Khôn Ria	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 10"	105° 34' 48"					F-48-56-C-a
xóm Khôn Tắng	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 39"	105° 34' 43"					F-48-56-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khuân Goai	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 28"	105° 34' 30"					F-48-56-C-a
xóm Lưu Quang	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 35"	105° 32' 59"					F-48-56-C-a
xóm Tân Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 38"	105° 34' 10"					F-48-56-C-a
xóm Thổm Cẩn	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 43' 53"	105° 33' 13"					F-48-56-C-a
xóm Bắc Hà	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 36' 00"	105° 35' 45"					F-48-56-C-c
xóm Cao Chùa	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 41' 18"	105° 35' 34"					F-48-56-C-c
suối Cao Chùa	TV	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ			21° 34' 21"	105° 35' 53"	21° 34' 23"	105° 36' 15"	F-48-56-C-c
xóm Cầu Tràm	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 47"	105° 36' 14"					F-48-56-C-c
suối Đát Cái	TV	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ			21° 34' 37"	105° 33' 20"	21° 35' 21"	105° 36' 10"	F-48-56-C-c
xóm Đồng Cạn	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 05"	105° 35' 54"					F-48-56-C-c
xóm Đồng Cháy	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 42' 29"	105° 35' 58"					F-48-56-C-c
xóm Đồng Khâm	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 40' 08"	105° 35' 50"					F-48-56-C-c
xóm Đồng Phiêng	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 42"	105° 35' 49"					F-48-56-C-c
suối Huộn	TV	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ			21° 33' 32"	105° 34' 16"	21° 35' 02"	105° 34' 33"	F-48-56-C-c
xóm Kỳ Linh Ngoài	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 58"	105° 36' 11"					F-48-56-C-c
xóm Kỳ Linh Trong	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 40' 07"	105° 36' 26"					F-48-56-C-c
xóm La Hang	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 23"	105° 35' 18"					F-48-56-C-c
xóm La Tre	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 01"	105° 35' 00"					F-48-56-C-c
xóm La Vương	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 23"	105° 36' 05"					F-48-56-C-c
xóm La Yến	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 34' 32"	105° 35' 16"					F-48-56-C-c
xóm Lớn	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 50' 01"	105° 35' 23"					F-48-56-C-c
sông Nước Giáp	TV	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ			21° 35' 21"	105° 36' 10"	21° 36' 02"	105° 36' 35"	F-48-56-C-c
xóm Suối Trì	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 36' 00"	105° 36' 20"					F-48-56-C-c
xóm Tân Yên	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 36"	105° 35' 11"					F-48-56-C-c
xóm Trại Cọ	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 14"	105° 36' 06"					F-48-56-C-c
xóm Việt Yên	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 36' 11"	105° 35' 14"					F-48-56-C-c
xóm Ao	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 42' 10"	105° 32' 07"					F-48-56-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cầu Bất	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 42' 06"	105° 31' 49"					F-48-56-C-a
xóm Cầu Hoàn	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 43"	105° 32' 28"					F-48-56-C-a
xóm Cây Lai	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 49"	105° 32' 09"					F-48-56-C-a
xóm Cây Thổ	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 42' 41"	105° 32' 29"					F-48-56-C-a
xóm Chính Tắc	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 53"	105° 32' 51"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Bản	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 05"	105° 33' 02"					F-48-56-C-a
xóm Khôn U	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 22"	105° 32' 45"					F-48-56-C-a
xóm Minh Thắng	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 42' 08"	105° 32' 47"					F-48-56-C-a
xóm Nam Thắng	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 24"	105° 33' 17"					F-48-56-C-a
mỏ than Núi Hồng	KX	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 45"	105° 31' 41"					F-48-56-C-a
xóm Văn Minh	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 40' 54"	105° 33' 03"					F-48-56-C-a
xóm Bán Luông	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 41' 50"	105° 34' 24"					F-48-56-C-a
xóm Cây Sữa	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 43' 20"	105° 33' 04"					F-48-56-C-a
xóm Chiềng	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 43' 06"	105° 32' 51"					F-48-56-C-a
sông Công	TV	xã Phú Cường	H. Đại Từ			21° 43' 30"	105° 33' 13"	21° 41' 12"	105° 34' 19"	F-48-56-C-a
xóm Đèo	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 41' 26"	105° 33' 58"					F-48-56-C-a
xóm Đồi Sen	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 42' 17"	105° 34' 05"					F-48-56-C-a
xóm Khôn Thông	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 42' 57"	105° 33' 17"					F-48-56-C-a
xóm Nà Mấn	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 42' 05"	105° 33' 28"					F-48-56-C-a
xóm Nà Nhu	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 42' 47"	105° 34' 05"					F-48-56-C-a
xóm Na Quýt	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 42' 31"	105° 34' 10"					F-48-56-C-a
mỏ than Phú Cường	KX	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 43' 08"	105° 32' 14"					F-48-56-C-a
xóm Thanh My	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 43' 31"	105° 34' 14"					F-48-56-C-a
xóm Cây Như	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 38"	105° 37' 13"					F-48-56-C-a
núi Chúa	SV	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 43' 18"	105° 38' 19"					F-48-56-C-b
sông Công	TV	xã Phú Lạc	H. Đại Từ			21° 40' 36"	105° 35' 44"	21° 40' 20"	105° 36' 44"	F-48-56-C-a
xóm Cống Đáp	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 42' 23"	105° 36' 22"					F-48-56-C-a
xóm Đại Hà	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 56"	105° 38' 27"					F-48-56-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Dín	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 02' 28"	105° 36' 04"					F-48-56-C-a
cầu Đồng Lỏm	KX	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 56"	105° 35' 27"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Sim	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 32"	105° 36' 23"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 42' 05"	105° 35' 54"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Vẽn	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 03"	105° 36' 34"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Vòng	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 01' 18"	105° 36' 25"					F-48-56-C-a
xóm La Thức	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 13' 31"	105° 36' 42"					F-48-56-C-a
xóm Liên Minh	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 58"	105° 36' 31"					F-48-56-C-a
xóm Lũng	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 42' 11"	105° 37' 58"					F-48-56-C-b
núi Mun	SV	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 42' 55"	105° 37' 40"					F-48-56-C-a
xóm Na Hoàn	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 12"	105° 35' 56"					F-48-56-C-a
xóm Phương Nam 1	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 40' 53"	105° 37' 00"					F-48-56-C-a
xóm Phương Nam 2	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 11' 19"	105° 37' 12"					F-48-56-C-a
xóm Tân Lập	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 45"	105° 35' 43"					F-48-56-C-a
cầu Thông	KX	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 26"	105° 35' 48"					F-48-56-C-a
xóm Trại Mới	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 04' 44"	105° 36' 23"					F-48-56-C-a
xóm Trại The	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 12' 27"	105° 35' 52"					F-48-56-C-a
xóm Văn Giang	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 53"	105° 35' 20"					F-48-56-C-a
xóm Cường Thịnh	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 41' 09"	105° 34' 29"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Chầm	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 10"	105° 34' 28"					F-48-56-C-a
xóm Gò Trò	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 38"	105° 33' 45"					F-48-56-C-a
xóm Hùng Cường	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 48"	105° 35' 03"					F-48-56-C-a
xóm Kim Tào	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 29"	105° 34' 09"					F-48-56-C-a
xóm Làng Thượng	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 15"	105° 34' 53"					F-48-56-C-a
xóm Phú Thịnh	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 41' 03"	105° 35' 15"					F-48-56-C-a
xóm Tân Quy	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 56"	105° 34' 40"					F-48-56-C-a
xóm Cây Đa Đôi	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 28"	105° 32' 57"					F-48-56-C-a
xóm Chính Phú	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 27"	105° 33' 04"					F-48-56-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Chuông	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 30"	105° 32' 10"					F-48-56-C-a
xóm Điệng	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 56"	105° 32' 55"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Giang	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 44"	105° 34' 38"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Mon	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 01"	105° 32' 59"					F-48-56-C-a
cầu Khôn Ngàn	KX	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 46"	105° 34' 15"					F-48-56-C-a
xóm Mẫn	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 51"	105° 31' 55"					F-48-56-C-a
cầu Phú Xuyên	KX	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 12"	105° 32' 52"					F-48-56-C-a
xóm Quyên	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 25"	105° 32' 29"					F-48-56-C-a
xóm Sậy	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 11"	105° 32' 11"					F-48-56-C-a
dãy Tam Đảo	SV	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 37' 47"	105° 31' 10"					F-48-56-C-a
núi Tam Đảo	SV	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 38' 09"	105° 29' 45"					F-48-56-C-a
cầu Trà	KX	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 43"	105° 31' 55"					F-48-56-C-a
đập Vai Bành	KX	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 38"	105° 31' 33"					F-48-56-C-a
xóm Vẽ	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 58"	105° 32' 02"					F-48-56-C-a
xóm Yên Từ	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 55"	105° 31' 26"					F-48-56-C-a
xóm Cẩm	DC	xã Phục Linh	H. Đại Từ	21° 39' 30"	105° 42' 45"					F-48-56-C-b
xóm Khôn	DC	xã Phục Linh	H. Đại Từ	21° 39' 17"	105° 41' 50"					F-48-56-C-b
mỏ than Làng Cẩm	KX	xã Phục Linh	H. Đại Từ	21° 39' 47"	105° 42' 52"					F-48-56-C-b
xóm Mận	DC	xã Phục Linh	H. Đại Từ	21° 39' 39"	105° 41' 05"					F-48-56-C-b
xóm Ngọc Linh	DC	xã Phục Linh	H. Đại Từ	21° 40' 04"	105° 42' 01"					F-48-56-C-b
xóm Quéo	DC	xã Phục Linh	H. Đại Từ	21° 40' 35"	105° 41' 17"					F-48-56-C-b
xóm Thọ	DC	xã Phục Linh	H. Đại Từ	21° 40' 19"	105° 41' 20"					F-48-56-C-b
đường tỉnh 263	KX	xã Phúc Lương	H. Đại Từ			21° 43' 44"	105° 36' 57"	21° 45' 49"	105° 37' 46"	F-48-56-A-c
xóm Bắc Máng	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 54"	105° 37' 01"					F-48-56-A-c
xóm Cầu Tuất	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 43' 58"	105° 37' 09"					F-48-56-C-a
xóm Cây Hồng	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 28"	105° 36' 12"					F-48-56-C-a
xóm Cây Ngái	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 31"	105° 37' 44"					F-48-56-C-b
xóm Cây Tâm	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 34"	105° 37' 33"					F-48-56-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cây Thống	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 43' 56"	105° 37' 49"					F-48-56-C-b
xóm Cây Vải	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 31"	105° 36' 21"					F-48-56-A-c
xóm Cỏ Rôm	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 35"	105° 36' 25"					F-48-56-C-a
xóm Hàm Rồng	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 56"	105° 38' 21"					F-48-56-C-b
xóm Khuôn Thủng	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 42"	105° 36' 41"					F-48-56-A-c
xóm Mặt Giăng	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 46' 05"	105° 37' 23"					F-48-56-A-c
xóm Mè	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 17"	105° 35' 55"					F-48-56-A-c
xóm Nà Đon	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 53"	105° 35' 31"					F-48-56-C-a
xóm Nà Khôm	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 15"	105° 37' 17"					F-48-56-A-c
xóm Nà Pài	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 12"	105° 35' 25"					F-48-56-A-c
xóm Nhất Tâm	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 54"	105° 37' 02"					F-48-56-C-a
cầu Nhất Tâm	KX	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 59"	105° 37' 03"					F-48-56-C-a
xóm Phúc Sơn	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 20"	105° 37' 47"					F-48-56-A-d
đường tỉnh 261	KX	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 30' 07"	105° 41' 02"	21° 29' 34"	105° 42' 00"	F-48-68-A-b
xóm An Thái	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 30"	105° 42' 28"					F-48-68-A-b
xóm Đa Đen	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 58"	105° 40' 21"					F-48-68-A-b
suối Đá Đen	TV	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 27' 43"	105° 39' 11"	21° 28' 35"	105° 39' 56"	F-48-68-A-b
suối Đá Trắng	TV	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 28' 59"	105° 37' 48"	21° 28' 35"	105° 39' 56"	F-48-68-A-b
trạm phát sóng Đài truyền hình Việt Nam	KX	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 27' 54"	105° 38' 42"					F-48-68-A-b
xóm Đền	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 48"	105° 41' 04"					F-48-68-A-b
suối Đền	TV	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 29' 27"	105° 40' 55"	21° 29' 46"	105° 42' 07"	F-48-68-A-b
suối Đối	TV	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 27' 08"	105° 41' 14"	21° 28' 55"	105° 42' 52"	F-48-68-A-b
xóm Hàng Sơn	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 39"	105° 41' 41"					F-48-68-A-b
xóm Hòa Bình 1	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 23"	105° 40' 37"					F-48-68-A-b
xóm Hòa Bình 2	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 51"	105° 40' 23"					F-48-68-A-b
suối Sông Vang	TV	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 29' 23"	105° 37' 52"	21° 29' 26"	105° 40' 55"	F-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Vườn quốc gia Tam Đảo	KX	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 51"	105° 38' 34"					F-48-68-A-b
xóm Tân Sinh	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 27"	105° 42' 38"					F-48-68-A-b
xóm Tân Tiến 1	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 27' 39"	105° 42' 46"					F-48-68-A-b
xóm Tân Tiến 2	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 11"	105° 43' 05"					F-48-68-A-b
xóm Tân Yên 1	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 27' 50"	105° 42' 11"					F-48-68-A-b
xóm Tân Yên 1	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 16"	105° 42' 38"					F-48-68-A-b
xóm Tân Yên 2	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 34"	105° 42' 17"					F-48-68-A-b
xóm Vạn Thành	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 09"	105° 40' 51"					F-48-68-A-b
xóm Vang	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 37"	105° 40' 25"					F-48-68-A-b
xóm Vụ Tây	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 51"	105° 42' 39"					F-48-68-A-b
xóm 8	DC	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 40' 49"	105° 39' 42"					F-48-56-C-b
xóm 11	DC	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 40' 23"	105° 37' 51"					F-48-56-C-b
xóm 13	DC	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 39' 31"	105° 39' 50"					F-48-56-C-b
xóm 14	DC	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 39' 36"	105° 40' 18"					F-48-56-C-b
suối Cái	TV	xã Tân Linh	H. Đại Từ			21° 42' 00"	105° 39' 09"	21° 42' 27"	105° 38' 59"	F-48-56-C-b
núi Dong Ke	SV	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 41' 41"	105° 39' 46"					F-48-56-C-b
núi Đông Khê	SV	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 41' 15"	105° 40' 17"					F-48-56-C-b
xóm Khóm Mai	DC	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 41' 52"	105° 39' 11"					F-48-56-C-b
xóm Thàn Mát	DC	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 40' 13"	105° 39' 29"					F-48-56-C-b
xóm Vực Xanh	DC	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 41' 02"	105° 38' 46"					F-48-56-C-b
đường tỉnh 270	KX	xã Tân Thái	H. Đại Từ			21° 37' 12"	105° 39' 44"	21° 35' 25"	105° 42' 45"	F-48-56-C-d
xóm Bãi Bằng	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 45"	105° 41' 34"					F-48-56-C-d
xóm Cổ Ngựa	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 32"	105° 42' 25"					F-48-56-C-d
sông Cộng	TV	xã Tân Thái	H. Đại Từ			21° 37' 12"	105° 39' 34"	21° 35' 57"	105° 40' 10"	F-48-56-C-d
xóm Dốc Đỏ	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 36' 10"	105° 41' 15"					F-48-56-C-d
xóm Đồng Đảng	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 36' 48"	105° 40' 10"					F-48-56-C-d
xóm Đồng Tiến	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 37' 07"	105° 39' 47"					F-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Gốc Mít	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 10"	105° 42' 13"					F-48-56-C-d
Khách sạn Mỏ Việt Bắc	KX	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 20"	105° 41' 34"					F-48-56-C-d
Khu du lịch Núi Cốc	KX	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 38"	105° 41' 01"					F-48-56-C-d
sông Pháo	SV	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 37' 08"	105° 41' 12"					F-48-56-C-d
xóm Sơn Đô	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 59"	105° 40' 24"					F-48-56-C-d
xóm Suối Cái	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 36' 31"	105° 41' 35"					F-48-56-C-d
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 49"	105° 40' 59"					F-48-56-C-d
xóm Thái Hòa	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 36' 36"	105° 40' 24"					F-48-56-C-d
xóm Yên Thái	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 36' 14"	105° 40' 42"					F-48-56-C-d
suối Cái	TV	xã Tiến Hội	H. Đại Từ			21° 37' 47"	105° 35' 58"	21° 38' 38"	105° 37' 54"	F-48-56-C-c
xóm Chung Na	DC	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 38' 10"	105° 37' 29"					F-48-56-C-a
ga Đại Từ	KX	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 39' 07"	105° 36' 57"					F-48-56-C-a
cầu Điệp	KX	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 38' 57"	105° 37' 09"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Mạc	DC	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 38' 35"	105° 37' 23"					F-48-56-C-a
xóm Lập Mỹ	DC	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 38' 11"	105° 36' 14"					F-48-56-C-a
xóm Phúc Lầm	DC	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 39' 28"	105° 37' 47"					F-48-56-C-b
xóm Quang Trung	DC	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 38' 55"	105° 36' 12"					F-48-56-C-a
xóm Soi Chè	DC	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 39' 00"	105° 37' 44"					F-48-56-C-b
cầu Suối Mang	KX	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 38' 15"	105° 37' 48"					F-48-56-C-b
xóm Tiên Trường	DC	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 38' 52"	105° 35' 51"					F-48-56-C-a
xóm Yên Bình	DC	xã Tiến Hội	H. Đại Từ	21° 38' 47"	105° 36' 53"					F-48-56-C-a
xóm 1	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 33' 34"	105° 39' 39"					F-48-56-C-d
xóm 2	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 33' 48"	105° 39' 47"					F-48-56-C-d
xóm 3	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 07"	105° 39' 24"					F-48-56-C-d
xóm 4	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 19"	105° 39' 25"					F-48-56-C-d
xóm 5	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 17"	105° 39' 52"					F-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 6	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 02"	105° 39' 50"					F-48-56-C-d
xóm 7	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 39"	105° 39' 22"					F-48-56-C-d
xóm 8	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 37"	105° 39' 48"					F-48-56-C-d
xóm 9	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 37"	105° 39' 58"					F-48-56-C-d
xóm 10	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 38"	105° 40' 08"					F-48-56-C-d
suối Hai Huyện	TV	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ			21° 33' 10"	105° 39' 26"	21° 34' 22"	105° 39' 07"	F-48-56-C-a
xóm Vai Xoay	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 33' 17"	105° 39' 24"					F-48-56-C-d
xóm Bầu	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 33' 30"	105° 37' 10"					F-48-56-C-c
xóm Bầu 1	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 33' 23"	105° 38' 24"					F-48-56-C-d
xóm Bầu 2	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 33' 23"	105° 37' 55"					F-48-56-C-d
núi Ca	SV	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 48"	105° 36' 40"					F-48-56-C-c
xóm Cầu Giăng	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 10"	105° 37' 11"					F-48-56-C-c
xóm Dưới	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 25"	105° 38' 15"					F-48-56-C-d
suối Đá Ghềnh	TV	xã Văn Yên	H. Đại Từ			21° 34' 23"	105° 36' 12"	21° 33' 38"	105° 38' 21"	F-48-56-C-d
suối Đá Lạnh	TV	xã Văn Yên	H. Đại Từ			21° 33' 52"	105° 37' 33"	21° 33' 57"	105° 38' 33"	F-48-56-C-d
xóm Đình 2	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 34"	105° 37' 20"					F-48-56-C-c
xóm Giữa	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 07"	105° 37' 54"					F-48-56-C-d
xóm Kỳ Linh	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 05"	105° 36' 45"					F-48-56-C-c
xóm Mây	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 27"	105° 36' 49"					F-48-56-C-c
xóm Núi	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 33' 42"	105° 37' 17"					F-48-56-C-c
quốc lộ 37	KX	xã Yên Lăng	H. Đại Từ			21° 40' 43"	105° 31' 55"	21° 41' 13"	105° 29' 09"	F-48-56-C-a, F-48-55-D-b
xóm Ao Trũng	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 03"	105° 31' 32"					F-48-56-C-a
xóm Cầu Trà	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 40' 35"	105° 31' 31"					F-48-56-C-a
xóm Cây Hồng	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 42' 17"	105° 30' 29"					F-48-56-C-a
xóm Chiến Thắng	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 42"	105° 31' 22"					F-48-56-C-a
xóm Đầm Làng	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 40' 35"	105° 30' 28"					F-48-56-C-a
xóm Đèo Khế	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 40' 48"	105° 29' 29"					F-48-55-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đoàn Kết	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 06"	105° 31' 01"					F-48-56-C-a
xóm Đồi Cây	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 13"	105° 30' 41"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Cẩm	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 27"	105° 31' 45"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Cọ	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 42' 02"	105° 30' 39"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Măng	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 52"	105° 30' 25"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Ổm	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 35"	105° 32' 04"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Trăng	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 42' 07"	105° 29' 44"					F-48-55-D-b
xóm Giữa	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 40' 52"	105° 31' 18"					F-48-56-C-a
núi Hồng	SV	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 43' 20"	105° 31' 33"					F-48-56-C-a
đèo Khế	SV	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 13"	105° 29' 08"					F-48-55-D-b
xóm Khôn Nanh	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 40' 18"	105° 30' 51"					F-48-56-C-a
xóm Mới	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 42' 02"	105° 31' 00"					F-48-56-C-a
xóm Nhất Trí	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 40"	105° 30' 38"					F-48-56-C-a
ga Núi Hồng	KX	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 40' 58"	105° 31' 38"					F-48-56-C-a
mỏ Núi Hồng	KX	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 42' 40"	105° 31' 37"					F-48-56-C-a
xí nghiệp Núi Hồng	KX	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 29"	105° 30' 55"					F-48-56-C-a
xóm Quyết Tâm	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 21"	105° 30' 55"					F-48-56-C-a
xóm Thắng Lợi	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 13"	105° 30' 34"					F-48-56-C-a
xóm Tiền Đốc	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 40' 52"	105° 30' 29"					F-48-56-C-a
cầu Yên Lăng	KX	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 41' 04"	105° 31' 08"					F-48-56-C-a
xóm Yên Từ	DC	xã Yên Lăng	H. Đại Từ	21° 39' 60"	105° 31' 07"					F-48-56-C-a
cầu Ba Ngạc	KX	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 04"	105° 38' 17"					F-48-56-A
xóm Bãi Á	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 19"	105° 38' 11"					F-A-56-A
xóm Đồng Chùa	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 07"	105° 38' 22"					F-A-56-A
xóm Hồ Rũ	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 27"	105° 38' 48"					F-A-56-A
xóm Hợp Thành	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 50"	105° 38' 05"					F-A-56-A
xóm Nản Dưới	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 55' 00"	105° 38' 38"					F-A-56-A
xóm Nản Trên	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 18"	105° 38' 23"					F-A-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bãi Lềnh	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 37"	105° 37' 03"					F-48-56-A
xóm Cát Chang	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 54' 17"	105° 36' 32"					F-48-56-A
dãy núi Con Rồng	SV	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 12"	105° 38' 06"					F-48-56-A
xóm Đồng Màn	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 43"	105° 37' 57"					F-48-56-A
xóm Đồng Tủm	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 54' 36"	105° 37' 43"					F-48-56-A
xóm Khấu Bảo	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 54' 01"	105° 37' 37"					F-48-56-A
xóm Làng Chùa 1	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 54' 31"	105° 36' 50"					F-48-56-A
xóm Làng Mạ	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 26"	105° 37' 10"					F-48-56-A
xóm Làng Mới	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 57"	105° 37' 57"					F-48-56-A
hồ Nà Ngòa	TV	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 38"	105° 36' 58"					F-48-56-A
cầu Tà Ma	KX	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 24"	105° 37' 52"					F-48-56-A
xóm Thôm Tý	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 54' 22"	105° 37' 22"					F-48-56-A
xóm A Nhì	DC	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 54' 25"	105° 34' 14"					F-48-56-A
xóm Bản Pù	DC	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 55' 01"	105° 34' 53"					F-48-56-A
xóm Bản Thoi	DC	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 54' 29"	105° 34' 56"					F-48-56-A
xóm Bảo Biên	DC	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 53' 20"	105° 33' 19"					F-48-56-A
hồ Bảo Linh	TV	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 54' 40"	105° 34' 38"					F-48-56-A
xóm Đèo Muồng	DC	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 54' 06"	105° 33' 31"					F-48-56-A
xóm Bản Là 1	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 37"	105° 33' 21"					F-48-56-A-c
xóm Bản Là 2	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 29"	105° 33' 42"					F-48-56-A-c
xóm Bình Tiến	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 19"	105° 34' 19"					F-48-56-A-c
xóm Cây Coóc	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 30"	105° 34' 28"					F-48-56-A-c
xóm Cây Thị	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 43"	105° 33' 26"					F-48-56-A-c
sông Công	TV	xã Bình Thành	H. Định Hóa			21° 47' 56"	105° 33' 16"	21° 44' 57"	105° 34' 12"	F-48-56-A-c
xóm Đoàn Kết	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 43"	105° 34' 35"					F-48-56-A-c
xóm Đồn	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 50"	105° 34' 46"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Danh	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 15"	105° 35' 29"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Đình	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 55"	105° 34' 25"					F-48-56-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông Thành	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 48' 02"	105° 33' 58"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Tô	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 15"	105° 34' 30"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Vượng	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 42"	105° 34' 14"					F-48-56-A-c
xóm Hồng Thái	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 44"	105° 32' 56"					F-48-56-A-c
xóm Làng Đầm	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 33"	105° 33' 47"					F-48-56-A-c
xóm Làng Luông	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 10"	105° 33' 36"					F-48-56-A-c
xóm Làng Nập	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 13"	105° 34' 47"					F-48-56-A-c
xóm Làng Pháng	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 12"	105° 32' 51"					F-48-56-A-c
chợ Lập	KX	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 33"	105° 34' 24"					F-48-56-A-c
núi Mao Len	SV	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 12"	105° 35' 24"					F-48-56-A-c
xóm Na Rao	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 59"	105° 34' 05"					F-48-56-A-c
xóm Phố	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 23"	105° 34' 40"					F-48-56-A-c
cầu Quản Thơ	KX	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 37"	105° 34' 48"					F-48-56-A-c
xóm Sơn Tiến	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 02"	105° 33' 19"					F-48-56-A-c
xóm Thanh Bần	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 19"	105° 33' 08"					F-48-56-A-c
xóm Vũ Hồng	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 53"	105° 33' 48"					F-48-56-A-c
xóm Đá Bay	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 50' 34"	105° 34' 05"					F-48-56-A
hồ Đá Bay	TV	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 51' 03"	105° 34' 08"					F-48-56-A
xóm Đoàn Kết	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 51' 51"	105° 34' 52"					F-48-56-A
xóm Hùng Lập	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 50' 54"	105° 33' 27"					F-48-56-A
xóm Khang Hạ	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 50' 38"	105° 34' 56"					F-48-56-A
xóm Nà Mộc	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 50' 10"	105° 34' 13"					F-48-56-A
xóm Thồm Rộc	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 51' 19"	105° 34' 40"					F-48-56-A
xóm Yên Hòa 2	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 50' 17"	105° 34' 50"					F-48-56-A
xóm Yên Thông	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 51' 07"	105° 35' 01"					F-48-56-A
xóm Bục	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 48' 08"	105° 36' 43"					F-48-56-A-c
núi Chu Quyết	SV	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 48' 36"	105° 38' 24"					F-48-56-A-d
xóm Chúc	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 48' 55"	105° 37' 46"					F-48-56-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Dạo	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 48' 58"	105° 37' 05"					F-48-56-A-c
xóm Đình	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 48' 08"	105° 37' 02"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Tâm	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 46' 29"	105° 36' 18"					F-48-56-A-c
xóm Lạc Nhiêu	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 49' 25"	105° 36' 16"					F-48-56-A-d
xóm Rịn	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 47' 27"	105° 37' 01"					F-48-56-A-c
xóm Vân Nhiêu	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 46' 43"	105° 36' 59"					F-48-56-A-c
xóm Việt Nhiêu	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 47' 40"	105° 35' 33"					F-48-56-A-c
xóm Bắc	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 49"	105° 32' 17"					F-48-56-A-c
xóm Bắc Chẩu	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 06"	105° 33' 13"					F-48-56-A-c
xóm Bản Quyên	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 56"	105° 33' 22"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Lự	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 21"	105° 32' 36"					F-48-56-A-c
xóm Khảo Quyện	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 50' 01"	105° 32' 09"					F-48-56-A-c
xóm Khẩu Khuống	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 20"	105° 31' 48"					F-48-56-A-c
xóm Nạ Cha	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 46"	105° 33' 08"					F-48-56-A-c
xóm Nạ Đút	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 48' 51"	105° 31' 58"					F-48-56-A-c
cầu Nà Tẩm	KX	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 48' 50"	105° 32' 38"					F-48-56-A-c
xóm Nạ Tống	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 33"	105° 32' 10"					F-48-56-A-c
Khu di tích Phụng Hiểu	KX	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 00"	105° 31' 40"					F-48-56-A-c
xóm Song Thái	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 50' 22"	105° 32' 47"					F-48-56-A
xóm Thẩm Dooc	DC	xã Điềm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 04"	105° 32' 09"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Đau	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 52' 27"	105° 34' 09"					F-48-56-A
xóm Gốc Thông	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 52' 08"	105° 34' 40"					F-48-56-A
xóm Khau Diều	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 53' 01"	105° 34' 34"					F-48-56-A
xóm Làng Quặng	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 52' 45"	105° 34' 33"					F-48-56-A
xóm Làng Vẹ	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 52' 57"	105° 34' 03"					F-48-56-A
xóm Nà To	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 51' 59"	105° 34' 25"					F-48-56-A
xóm Noong Nia	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 52' 33"	105° 34' 56"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pác Máng	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 54' 09"	105° 34' 24"					F-48-56-A
xóm An Thịnh 1	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 54' 18"	105° 35' 05"					F-48-56-A
xóm Búc 1	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 12"	105° 35' 41"					F-48-56-A
sông Chợ Chu	TV	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa			21° 52' 30"	105° 35' 18"	21° 53' 04"	105° 36' 57"	F-48-56-A
xóm Co Quân	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 53' 08"	105° 36' 42"					F-48-56-A
xóm Du Nghệ 1	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 53' 10"	105° 34' 53"					F-48-56-A
xóm Đồng Bo	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 53' 39"	105° 34' 49"					F-48-56-A
xóm Đồng Làn	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 37"	105° 35' 13"					F-48-56-A
xóm Đồng Phương	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 37"	105° 35' 42"					F-48-56-A
xóm Khuôn Ca	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 53' 29"	105° 35' 59"					F-48-56-A
xóm Làng Bằng	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 47"	105° 36' 12"					F-48-56-A
xóm Làng Bèn	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 36"	105° 35' 33"					F-48-56-A
xóm Nà Lẹng	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 54' 10"	105° 35' 34"					F-48-56-A
xóm Nà Táp	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 53' 10"	105° 36' 25"					F-48-56-A
xóm Thôm Bây	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 13"	105° 35' 20"					F-48-56-A
xóm Bản Kết	DC	xã Kim Phượng	H. Định Hóa	21° 56' 16"	105° 39' 17"					F-48-56-A
xóm Cạm Phước	DC	xã Kim Phượng	H. Định Hóa	21° 55' 27"	105° 39' 01"					F-48-56-A
xóm Đồng Nghè	DC	xã Kim Phượng	H. Định Hóa	21° 55' 55"	105° 39' 03"					F-48-56-A
hồ Láng Giềng	TV	xã Kim Phượng	H. Định Hóa	21° 57' 07"	105° 39' 47"					F-48-56-A
xóm Lanh	DC	xã Kim Phượng	H. Định Hóa	21° 57' 31"	105° 39' 13"					F-48-56-A
xóm Mới	DC	xã Kim Phượng	H. Định Hóa	21° 56' 27"	105° 39' 20"					F-48-56-A
xóm Nà Bó	DC	xã Kim Phượng	H. Định Hóa	21° 55' 12"	105° 39' 09"					F-48-56-A
xóm Nà Pẻn	DC	xã Kim Phượng	H. Định Hóa	21° 55' 41"	105° 39' 17"					F-48-56-A
xóm Ngói	DC	xã Kim Phượng	H. Định Hóa	21° 56' 56"	105° 39' 19"					F-48-56-A
sông Quang Cao	TV	xã Kim Phượng	H. Định Hóa			21° 57' 40"	105° 39' 00"	21° 54' 50"	105° 39' 18"	F-48-56-A
Thôm Pất	TV	xã Kim Phượng	H. Định Hóa	21° 56' 42"	105° 39' 40"					F-48-56-A
xóm Ao Sen	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 59"	105° 38' 06"					F-48-56-A
xóm Chang	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 55' 57"	105° 38' 05"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Hiền Tấc	TV	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 35"	105° 38' 17"					F-48-56-A
xóm Hin Tắc	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 27"	105° 38' 03"					F-48-56-A
xóm Khuổi Hưng	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 26"	105° 37' 23"					F-48-56-A
xóm Kim Tiến	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 07"	105° 37' 56"					F-48-56-A
xóm Kốc Ka	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 53"	105° 37' 49"					F-48-56-A
xóm Nà Áng	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 45"	105° 38' 29"					F-48-56-A
xóm Nà Điểm	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 55' 48"	105° 37' 46"					F-48-56-A
xóm Nghĩa Trang	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 37"	105° 37' 36"					F-48-56-A
xóm Tổng Kệt	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 11"	105° 38' 18"					F-48-56-A
xóm Bản Cáu	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 59' 05"	105° 41' 52"					F-48-56-A
xóm Cốc Ngận	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 17"	105° 40' 39"					F-48-56-A
xóm Đồng Keng	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 49"	105° 41' 24"					F-48-56-A
xóm Há	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 53"	105° 41' 48"					F-48-56-A
xóm Khau Viềng	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 59' 14"	105° 42' 43"					F-48-56-A
xóm Làng Cỏ	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 52"	105° 41' 35"					F-48-56-A
xóm Làng Giản	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 31"	105° 41' 16"					F-48-56-A
xóm Làng Hống	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 50"	105° 40' 38"					F-48-56-A
xóm Làng Quyền	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 31"	105° 41' 50"					F-48-56-A
xóm Nà Đin	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 59' 54"	105° 41' 34"					F-48-56-A
xóm Nà Làng	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 38"	105° 42' 18"					F-48-56-A
xóm Nà Tấc	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	22° 00' 17"	105° 43' 28"					F-48-44-C
suối Nà Tấc	TV	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa			22° 00' 22"	105° 43' 23"	21° 59' 24"	105° 42' 50"	F-48-56-A
xóm Nà Tiến	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 59' 57"	105° 41' 43"					F-48-56-A
xóm Nà Toán	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 15"	105° 41' 49"					F-48-56-A
xóm Thôm Kết	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 56"	105° 41' 20"					F-48-56-A
xóm Thôm Pục	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 45"	105° 42' 23"					F-48-56-A
hồ Thủm Ngày	TV	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 29"	105° 41' 35"					F-48-56-A
hồ Thủm Xa	TV	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 59' 17"	105° 40' 37"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Văn La	TV	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa			22° 00' 00"	105° 41' 24"	22° 00' 25"	105° 40' 58"	F-48-56-A, F-48-44-C
suối Văn Lá	TV	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa			22° 01' 27"	105° 43' 06"	22° 00' 00"	105° 43' 27"	F-48-44-C
xóm Bản Chang	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 22"	105° 40' 13"					F-48-44-C
xóm Bản Noóng	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 55"	105° 40' 24"					F-48-44-C
xóm Cốc Móc	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 33"	105° 40' 46"					F-48-44-C
suối Đèo Phượng	TV	xã Linh Thông	H. Định Hóa			22° 01' 30"	105° 38' 53"	22° 01' 05"	105° 38' 38"	F-48-44-C
xóm Lại	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 15"	105° 39' 43"					F-48-44-C
xóm Mới	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 29"	105° 39' 05"					F-48-44-C
xóm Nà Chát	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	21° 59' 54"	105° 39' 53"					F-A-56-A
xóm Nà Chú	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 52"	105° 39' 43"					F-48-44-C
xóm Nà Lá	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 38"	105° 39' 35"					F-48-44-C
xóm Nà Mị	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 49"	105° 40' 32"					F-48-44-C
suối Pác Káp	TV	xã Linh Thông	H. Định Hóa			22° 01' 30"	105° 40' 37"	22° 00' 50"	105° 41' 02"	F-48-44-C
suối Phượng	TV	xã Linh Thông	H. Định Hóa			22° 00' 00"	105° 40' 01"	22° 00' 18"	105° 40' 26"	F-48-44-C
suối Pục	TV	xã Linh Thông	H. Định Hóa			22° 01' 08"	105° 40' 12"	22° 00' 43"	105° 40' 19"	F-48-44-C
xóm Tân Thái	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 36"	105° 40' 18"					F-48-44-C
xóm Tân Trào	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 01' 21"	105° 40' 22"					F-48-44-C
xóm Tân Vàng	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 59"	105° 41' 14"					F-48-44-C
xóm Vèn	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 44"	105° 40' 58"					F-48-44-C
Nhà tưởng niệm Bác Hồ	KX	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 19"	105° 30' 31"					F-48-56-A-c
sông Bình Nguyên	TV	xã Phú Đình	H. Định Hóa			21° 48' 52"	105° 32' 36"	21° 48' 01"	105° 33' 01"	F-48-56-A-c
xóm Cam Đưa	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 46"	105° 31' 20"					F-48-56-A-c
sông Công	TV	xã Phú Đình	H. Định Hóa			21° 49' 34"	105° 30' 00"	21° 48' 05"	105° 33' 07"	F-48-56-A-c
đèo De	SV	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 24"	105° 30' 40"					F-48-56-A-c
xóm Duyên Phú 2	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 48' 32"	105° 32' 05"					F-48-56-A-c
xóm Đèo	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 29"	105° 30' 16"					F-48-56-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đèo De	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 18"	105° 30' 20"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Ban	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 48' 01"	105° 32' 39"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Chùng	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 33"	105° 31' 45"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Giằng	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 14"	105° 31' 51"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Hoàng	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 48' 06"	105° 31' 50"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Kệu	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 24"	105° 31' 29"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Muông	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 36"	105° 31' 17"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Tấm	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 48' 44"	105° 32' 07"					F-48-56-A-c
núi Hồng	SV	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 48' 00"	105° 29' 24"					F-48-56-A-c
xóm Khẩu Đưa	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 48' 25"	105° 32' 28"					F-48-56-A-c
xóm Khau Tỏa	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 50"	105° 31' 36"					F-48-56-A-c
xóm Khôn Tát	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 48"	105° 30' 21"					F-48-56-A-c
cầu Khôn Tát	KX	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 49"	105° 30' 25"					F-48-56-A-c
khu di tích Khôn Tát	KX	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 48' 05"	105° 30' 24"					F-48-56-A-c
khu di tích Nà Mòn	KX	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 48' 17"	105° 31' 33"					F-48-56-A-c
xóm Nà Mùi	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 14"	105° 32' 29"					F-48-56-A-c
xóm Nà Sai	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 59"	105° 31' 38"					F-48-56-A-c
xóm Phú Hà	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 21"	105° 31' 04"					F-48-56-A-c
xóm Phú Ninh 1	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 51"	105° 32' 52"					F-48-56-A-c
xóm Quan Lang	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 43"	105° 31' 25"					F-48-56-A-c
xóm Thốm Pụng	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 31"	105° 32' 07"					F-48-56-A-c
xóm Thôm Tum	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 49' 00"	105° 32' 56"					F-48-56-A-c
xóm Tỉn Keo	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 35"	105° 30' 48"					F-48-56-A-c
cầu Tỉn Keo	KX	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 24"	105° 31' 12"					F-48-56-A-c
khu di tích Tỉn Keo	KX	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 32"	105° 31' 03"					F-48-56-A-c
xóm Trung Tâm	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 57"	105° 32' 15"					F-48-56-A-c
đường tỉnh 254	KX	xã Phú Tiến	H. Định Hóa			21° 50' 28"	105° 38' 05"	21° 48' 47"	105° 40' 31"	F-48-56-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cây Chám	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 50' 00"	105° 38' 33"					F-48-56-A-d
xóm Cây Sung	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 47' 59"	105° 40' 07"					F-48-56-A-d
núi Chí Guỵt	SV	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 25"	105° 39' 07"					F-48-56-A-d
xóm Đầu	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 48' 54"	105° 39' 49"					F-48-56-A-d
xóm Đậu	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 48' 09"	105° 40' 23"					F-48-56-A-d
xóm Đáy	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 48' 27"	105° 39' 40"					F-48-56-A-d
khe Khuổi Chè	SV	xã Phú Tiến	H. Định Hóa			21° 50' 01"	105° 38' 17"	21° 50' 51"	105° 39' 16"	F-48-56-A
xóm Khuôn Cây	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 51' 10"	105° 33' 48"					F-48-56-A
xóm Mơ	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 45"	105° 40' 24"					F-48-56-A-d
xóm Nà Chạt	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 33"	105° 39' 46"					F-48-56-A-d
xóm Nà Diện	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 15"	105° 40' 04"					F-48-56-A-d
xóm Nà Pỏ	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 38"	105° 39' 40"					F-48-56-A-d
xóm Nhậu	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 38"	105° 40' 12"					F-48-56-A-d
xóm Pắc Mây	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 48' 30"	105° 40' 12"					F-48-56-A-d
xóm Phổ	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 26"	105° 40' 06"					F-48-56-A-d
núi Phố Ngữ	SV	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 48"	105° 39' 00"					F-48-56-A-d
cầu Phố Ngữ	KX	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 13"	105° 40' 07"					F-48-56-A-d
xóm Thốm Luông	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 23"	105° 39' 35"					F-48-56-A-d
xóm Đồng Kè	DC	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 54' 56"	105° 36' 46"					F-48-56-A
xóm Gày	DC	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 55' 24"	105° 36' 50"					F-48-56-A
xóm Làng Hoèn	DC	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 54' 49"	105° 36' 46"					F-48-56-A
xóm Làng Mới	DC	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 55' 16"	105° 37' 35"					F-48-56-A
xóm Nà Lom	DC	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 55' 23"	105° 37' 23"					F-48-56-A
hồ Thốm Bẻn	TV	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 54' 43"	105° 37' 44"					F-48-56-A
xóm Cấm	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 59"	105° 39' 42"					F-48-56-A-b
xóm Đình	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 37"	105° 38' 39"					F-48-56-A-b
xóm Đồng Then	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 58"	105° 39' 28"					F-48-56-A-b
xóm Héo	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 56"	105° 40' 21"					F-48-56-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Mẫu	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 20"	105° 38' 43"					F-48-56-A-b
xóm Nà Lang	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 46"	105° 40' 19"					F-48-56-A-b
xóm Nà Liền	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 27"	105° 40' 01"					F-48-56-A-b
xóm Nà Què	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 38"	105° 39' 34"					F-48-56-A-b
xóm Pa Trò	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 38"	105° 38' 56"					F-48-56-A-b
hồ Pác Xoay	TV	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 55"	105° 40' 23"					F-48-56-A
xóm Pải	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 54' 22"	105° 39' 18"					F-48-56-A-b
xóm Pỉnh	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 35"	105° 38' 45"					F-48-56-A-b
hồ Thẩm Men	TV	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 06"	105° 38' 46"					F-48-56-A
hồ Thẩm Pín	TV	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 17"	105° 39' 47"					F-48-56-A
xóm Tổ	DC	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 39"	105° 39' 26"					F-48-56-A-b
núi Tổng Khún	SV	xã Phượng Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 12"	105° 40' 12"					F-48-56-A-b
xóm Bản Cọ	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 05"	105° 38' 39"					F-48-56-A
xóm Bản Noóng	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 08"	105° 38' 34"					F-48-56-A
xóm Bản Pẩu	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 15"	105° 38' 13"					F-48-56-A
xóm Đăng Mò	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 32"	105° 35' 40"					F-48-56-A
cầu Đăng Mò	KX	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 42"	105° 36' 04"					F-48-44-C
suối Đèo So	TV	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa			21° 58' 44"	105° 36' 18"	21° 58' 26"	105° 36' 40"	F-48-56-A
xóm Định Hóa	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 59"	105° 36' 04"					F-48-56-A
xóm Đồng Củm	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 12"	105° 37' 51"					F-48-56-A
xóm Đồng Hẩu	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 38"	105° 37' 55"					F-48-56-A
xóm Gốc Hồng	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 33"	105° 38' 51"					F-48-56-A
xóm Khôn Câm	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 14"	105° 36' 50"					F-48-56-A
xóm Khôn Nhà	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 57' 53"	105° 37' 02"					F-48-56-A
xóm Khuổi Tát	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 32"	105° 35' 54"					F-48-56-A
xóm Nà Áng	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 43"	105° 38' 38"					F-48-56-A
xóm Nà Kéo	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 22"	105° 38' 49"					F-48-56-A
hồ Nà Kéo	TV	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 28"	105° 38' 38"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Nà Rì	TV	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 34"	105° 38' 28"					F-48-56-A
xóm Nà Ro	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 46"	105° 38' 46"					F-48-56-A
xóm Sự Thật	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 57' 06"	105° 35' 57"					F-48-56-A
xóm Tân Hợp	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 57' 53"	105° 38' 03"					F-48-56-A
xóm Túc Duyên	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 57' 19"	105° 38' 25"					F-48-56-A
xóm Bản Giáo 2	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 11"	105° 34' 47"					F-48-56-A-c
xóm Bản Thanh	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 49' 32"	105° 35' 09"					F-48-56-A-c
xóm Bản Trang	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 39"	105° 33' 49"					F-48-56-A-c
xóm Hin	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 35"	105° 33' 22"					F-48-56-A-c
núi Khau Cúc	SV	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 49' 50"	105° 34' 38"					F-48-56-A
xóm Làng Phẩy	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 23"	105° 35' 07"					F-48-56-A-c
xóm Lương Bình	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 49' 19"	105° 35' 25"					F-48-56-A-c
xóm Nà Khuất	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 55"	105° 34' 18"					F-48-56-A-c
xóm Phú Hội	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 22"	105° 33' 39"					F-48-56-A-c
xóm Sơn Đầu	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 56"	105° 35' 01"					F-48-56-A-c
xóm Sơn Thắng	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 34"	105° 34' 34"					F-48-56-A-c
xóm Sơn Vinh 1	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 49' 35"	105° 34' 29"					F-48-56-A-c
xóm Sơn Vinh 2	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 49' 29"	105° 34' 11"					F-48-56-A-c
xóm Tiếp Tế	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 18"	105° 33' 15"					F-48-56-A-c
xóm Trường Sơn	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 52"	105° 35' 24"					F-48-56-A-c
xóm Văn Phú	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 42"	105° 35' 16"					F-48-56-A-c
xóm Bẩy	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 53' 40"	105° 41' 30"					F-48-56-A
hồ Cầu Chú	TV	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 16"	105° 41' 56"					F-48-56-A
sông Chợ Chu	TV	xã Tân Dương	H. Định Hóa			21° 54' 49"	105° 39' 21"	21° 54' 12"	105° 43' 35"	F-48-56-A
xóm Coóc	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 26"	105° 40' 49"					F-48-56-A
xóm Cút	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 09"	105° 41' 56"					F-48-56-A
xóm Kèn	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 33"	105° 41' 17"					F-48-56-A
xóm Nà Chay	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 00"	105° 42' 27"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tả	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 24"	105° 40' 57"					F-48-56-A
xóm Tân Phương	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 51"	105° 42' 07"					F-48-56-A
xóm Tân Tiến 1	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 43"	105° 39' 32"					F-48-56-A
xóm Tân Tiến 2	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 49"	105° 39' 37"					F-48-56-A
xóm Tân Tiến 3	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 58"	105° 40' 04"					F-48-56-A
xóm Tân Tiến 4	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 07"	105° 40' 17"					F-48-56-A
xóm Tân Tiến 5	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 23"	105° 40' 40"					F-48-56-A
hồ Thẩm Khi	TV	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 22"	105° 40' 34"					F-48-56-A
núi Ba Chòm	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 00"	105° 46' 12"					F-48-56-B-a
suối Bản Cái	TV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa			21° 56' 35"	105° 41' 35"	21° 55' 41"	105° 41' 28"	F-48-56-A
xóm Bản Màn	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 55' 59"	105° 41' 16"					F-48-56-A
Bản Mù	TV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa			21° 55' 55"	105° 45' 18"	21° 55' 37"	105° 45' 14"	F-48-56-B-a
xóm Bản Pán	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 17"	105° 41' 54"					F-48-56-A
xóm Đồng Khiếu	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 08"	105° 41' 37"					F-48-56-A
xóm Đồng Muống	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 05"	105° 41' 46"					F-48-56-A
xóm Đồng Tốc	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 46"	105° 41' 26"					F-48-56-A
hồ Đồng Vang	TV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 31"	105° 40' 55"					F-48-56-A
núi Kéo Pụt	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 59' 24"	105° 45' 00"					F-48-56-B-a
xóm Khau Lang	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 27"	105° 41' 35"					F-48-56-A
núi Khe Loóng	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 58' 48"	105° 45' 36"					F-48-56-B-a
khau Khim	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 00"	105° 45' 00"					F-48-56-B-a
núi Khuổi Bó	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 24"	105° 45' 36"					F-48-56-B-a
xóm Khuổi Lừa	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 58' 16"	105° 44' 41"					F-48-56-A
xóm Khuổi Trai	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 48"	105° 44' 59"					F-48-56-B-a
núi Khuổi Trai	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 24"	105° 45' 00"					F-48-56-A-b
xóm Làng Đúc	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 21"	105° 43' 20"					F-48-56-A
xóm Làng Lải	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 59"	105° 43' 59"					F-48-56-A
xóm Làng Ngõa	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 43"	105° 42' 19"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Làng Quàn	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 58' 03"	105° 43' 38"					F-48-56-A
khuổi Lùa	TV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa			21° 59' 13"	105° 45' 29"	21° 58' 16"	105° 44' 42"	F-48-56-B-a
hồ Nà Kén	TV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 35"	105° 42' 18"					F-48-56-A
xóm Nà Leng	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 55' 00"	105° 43' 42"					F-48-56-A
xóm Pác Cập	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 01"	105° 41' 21"					F-48-56-A
xóm Thâm Yên	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 37"	105° 41' 54"					F-48-56-A
xóm Thịnh Mỹ 1	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 55' 49"	105° 45' 02"					F-48-56-B-a
xóm Thịnh Mỹ 3	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 55' 27"	105° 43' 44"					F-48-56-A
xóm Cái	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 52' 32"	105° 32' 51"					F-48-56-A
xóm Cò Bánh	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 52' 36"	105° 32' 23"					F-48-56-A
xóm Hùng Lập	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 30"	105° 33' 19"					F-48-56-A
xóm Keo En	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 52' 42"	105° 32' 45"					F-48-56-A
xóm Khẩu Cuộng	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 52' 24"	105° 32' 12"					F-48-56-A
xóm Khẩu Rị	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 54"	105° 33' 54"					F-48-56-A
xóm Nà Mao	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 39"	105° 33' 17"					F-48-56-A
xóm Piềng	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 13"	105° 32' 47"					F-48-56-A
xóm Thổm Quẩn	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 39"	105° 33' 42"					F-48-56-A
xóm Thổm Thia	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 23"	105° 33' 46"					F-48-56-A
xóm Đoàn Kết	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 52' 59"	105° 37' 40"					F-48-56-A
xóm Đồng Mon	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 51' 05"	105° 38' 16"					F-48-56-A
xóm Nà Khao	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 52' 50"	105° 37' 26"					F-48-56-A
xóm Quán Vuông	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 52' 17"	105° 37' 56"					F-48-56-A
xóm Quỳnh Hội	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 52' 15"	105° 37' 55"					F-48-56-A
xóm Tân Hợi	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 51' 58"	105° 37' 39"					F-48-56-A
xóm Tân Tiến	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 51' 01"	105° 38' 03"					F-48-56-A
xóm Trung Kiên	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 52' 02"	105° 36' 58"					F-48-56-A
xóm Vầy	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 51' 55"	105° 38' 02"					F-48-56-A
xóm Bẩy Bung	DC	xã Trung Lượng	H. Định Hóa	21° 49' 44"	105° 35' 19"					F-48-56-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bình Định	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 27"	105° 36' 06"					F-48-56-A
xóm Hồng Lương	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 10"	105° 36' 37"					F-48-56-A
xóm Hồng Tiến	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 55"	105° 36' 23"					F-48-56-A
xóm Lương Trung	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 49' 53"	105° 35' 38"					F-48-56-A-c
xóm Quang Trung	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 39"	105° 36' 38"					F-48-56-A
xóm Tân Tiến	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 57"	105° 36' 46"					F-48-56-A
xóm Tân Vinh	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 29"	105° 36' 46"					F-48-56-A
xóm Thẩm Tang	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 01"	105° 35' 57"					F-48-56-A
xóm Văn Lương	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 50' 44"	105° 36' 24"					F-48-56-A
xóm Vũ Lương	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 50' 14"	105° 35' 33"					F-48-56-A
tổ 37	DC	TT. Chùa Hang	H. Đồng Hỷ	21° 38' 12"	105° 49' 12"					F-48-56-D-a
tổ 41	DC	TT. Chùa Hang	H. Đồng Hỷ	21° 38' 20"	105° 49' 05"					F-48-56-D-a
Nhà máy Xi măng Núi Voi	KX	TT. Chùa Hang	H. Đồng Hỷ	21° 38' 04"	105° 49' 39"					F-48-56-D-a
đội 5	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 39' 45"	105° 51' 17"					F-48-56-D-a
xóm Cây Lim	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 40' 03"	105° 50' 48"					F-48-56-D-a
xóm Chợ	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 40' 20"	105° 51' 04"					F-48-56-D-a
xóm Dọc Hèo	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 40' 52"	105° 52' 21"					F-48-56-D-a
suối Dùng	TV	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ			21° 40' 23"	105° 51' 30"	21° 39' 31"	105° 51' 06"	F-48-56-D-a
suối Đèo Khế	TV	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ			21° 41' 31"	105° 53' 18"	21° 41' 22"	105° 52' 27"	F-48-56-D-b
xóm La Đành	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 41' 13"	105° 51' 12"					F-48-56-D-a
xóm La Giang	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 41' 47"	105° 51' 35"					F-48-56-D-a
xóm La Thông	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 41' 23"	105° 51' 20"					F-48-56-D-a
suối Linh Nham	TV	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ			21° 41' 47"	105° 52' 18"	21° 41' 23"	105° 52' 27"	F-48-56-D-a
suối Nà Nưa	TV	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ			21° 40' 20"	105° 50' 56"	21° 39' 31"	105° 51' 06"	F-48-56-D-a
xóm Sông Cầu	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 40' 38"	105° 51' 21"					F-48-56-D-a
Nông trường Sông Cầu	KX	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 41' 35"	105° 52' 13"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Tau	SV	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 41' 38"	105° 53' 11"					F-48-56-D-b
tổ 1	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 36' 00"	105° 56' 39"					F-48-56-D-d
tổ 3	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 43"	105° 56' 43"					F-48-56-D-d
tổ 5	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 44"	105° 56' 54"					F-48-56-D-d
tổ 6	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 35"	105° 56' 44"					F-48-56-D-d
tổ 8	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 19"	105° 57' 04"					F-48-56-D-d
tổ 9	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 11"	105° 57' 09"					F-48-56-D-d
tổ 10	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 07"	105° 57' 19"					F-48-56-D-d
tổ 11	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 09"	105° 57' 23"					F-48-56-D-d
tổ 14	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 37"	105° 57' 23"					F-48-56-D-d
tổ 15	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 31"	105° 57' 44"					F-48-56-D-d
tổ 16	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 10"	105° 58' 09"					F-48-56-D-d
tổ 17	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 19"	105° 58' 36"					F-48-56-D-d
đường tỉnh 269	KX	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ			21° 36' 00"	105° 56' 25"	21° 35' 11"	105° 58' 41"	F-48-56-D-d
núi Ba Chòm 1	SV	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 36' 17"	105° 58' 47"					F-48-56-D-d
xóm Tân Lập	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 56"	105° 56' 20"					F-48-56-D-d
núi Ba Chòm	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 38' 12"	106° 00' 23"					F-48-57-C-a
núi Ba Chòm Hai	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 38' 40"	105° 59' 53"					F-48-56-D-b
núi Bãi Nâu	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 36' 21"	105° 58' 22"					F-48-56-D-d
núi Bồ Cu	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 40' 19"	106° 01' 02"					F-48-57-C-a
xóm Cây Thị	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 36' 47"	105° 58' 30"					F-48-56-D-d
núi Chỏm Vung	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 35' 44"	105° 57' 40"					F-48-56-D-d
núi Đà Thiên	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 37' 54"	105° 59' 33"					F-48-56-D-b
suối Hố Trại	TV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ			21° 39' 54"	106° 00' 44"	21° 38' 59"	106° 00' 09"	F-48-57-C-a
xóm Hoan	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 39' 40"	105° 59' 27"					F-48-56-D-b
núi Hoan	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 39' 19"	105° 59' 13"					F-48-56-D-b
suối Hoan	TV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ			21° 39' 00"	106° 00' 10"	21° 36' 42"	105° 57' 42"	F-48-56-D-b F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khe Cạn	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 38' 54"	106° 00' 20"					F-48-57-C-a
suối Khe Cạn	TV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ			21° 39' 38"	106° 01' 30"	21° 38' 50"	106° 00' 16"	F-48-57-C-a
xóm Kim Cương	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 35' 32"	105° 58' 01"					F-48-56-D-d
núi Lâu Hạ	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 40' 43"	106° 00' 32"					F-48-57-C-a
khe Măng	TV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ			21° 36' 42"	105° 57' 42"	21° 35' 47"	105° 57' 15"	F-48-56-D-d
xóm Mỹ Hòa	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 36' 38"	105° 57' 46"					F-48-56-D-d
xóm Suối Găng	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 38' 33"	105° 58' 53"					F-48-56-D-b
xóm Trại Cau	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 35' 58"	105° 57' 35"					F-48-56-D-d
sông Cầu	TV	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ			21° 45' 17"	105° 49' 34"	21° 42' 41"	105° 48' 47"	F-48-56-B-c
suối Cầu Khế	TV	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ			21° 44' 37"	105° 50' 10"	21° 44' 55"	105° 49' 52"	F-48-56-D-a
suối Cầu Trai	TV	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ			21° 44' 15"	105° 50' 35"	21° 44' 08"	105° 49' 31"	F-48-56-D-a
xóm Đồng Vung	DC	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ	21° 44' 47"	105° 49' 21"					F-48-56-D-a
núi Hích	SV	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ	21° 44' 07"	105° 48' 56"					F-48-56-D-a
núi Ngõa	SV	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ	21° 45' 21"	105° 50' 26"					F-48-56-B-c
suối Ngõa	TV	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ			21° 45' 01"	105° 50' 45"	21° 44' 58"	105° 49' 53"	F-48-56-D-a
xóm Phố Hích	DC	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ	21° 43' 54"	105° 49' 36"					F-48-56-D-a
xóm Tân Đô	DC	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ	21° 44' 28"	105° 49' 58"					F-48-56-D-a
xóm Tân Thành	DC	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ	21° 42' 25"	105° 48' 55"					F-48-56-D-a
xóm Tân Yên	DC	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ	21° 44' 14"	105° 49' 13"					F-48-56-D-a
xóm Trung Thành	DC	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ	21° 43' 20"	105° 49' 23"					F-48-56-D-a
xóm Vịt	DC	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ	21° 45' 13"	105° 49' 44"					F-48-56-B-c
quốc lộ 1B	KX	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ			21° 39' 41"	105° 49' 43"	21° 37' 38"	105° 50' 35"	F-48-56-D-a
Xí nghiệp Bình Minh	KX	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 28"	105° 50' 29"					F-48-56-D-a
sông Cầu	TV	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ			21° 39' 22"	105° 48' 07"	21° 38' 57"	105° 48' 28"	F-48-56-D-a
Trại Chăn nuôi Tân Thái	KX	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 25"	105° 50' 58"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đèo Đá	SV	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 43"	105° 50' 57"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Thịnh	DC	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 48"	105° 50' 08"					F-48-56-D-a
xóm Hưng Thái	DC	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 05"	105° 50' 23"					F-48-56-D-a
suối Khe Cái	TV	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ			21° 40' 10"	105° 48' 42"	21° 39' 23"	105° 48' 08"	F-48-56-D-a
sông Linh Nham	TV	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ			21° 38' 31"	105° 51' 13"	21° 37' 39"	105° 51' 13"	F-48-56-D-a
cầu Linh Nham	KX	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 10"	105° 51' 18"					F-48-56-D-a
xóm Luông	DC	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 39' 09"	105° 49' 14"					F-48-56-D-a
Bộ tư lệnh Quân Khu I	KX	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 26"	105° 50' 04"					F-48-56-D-a
xóm Sơn Thái	DC	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 42"	105° 49' 20"					F-48-56-D-a
xóm Tam Thái	DC	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 11"	105° 50' 52"					F-48-56-D-a
xóm Tân Thái	DC	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 37' 53"	105° 51' 08"					F-48-56-D-a
xóm Tướng Quân	DC	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 40' 06"	105° 49' 06"					F-48-56-D-a
xóm Vải	DC	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 55"	105° 49' 45"					F-48-56-D-a
xóm Văn Hữu	DC	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 40' 07"	105° 49' 31"					F-48-56-D-a
xóm Việt Cường	DC	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 39' 11"	105° 48' 59"					F-48-56-D-a
núi Voi	SV	xã Hóa Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 38' 29"	105° 49' 34"					F-48-56-D-a
quốc lộ 1B	KX	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ			21° 39' 35"	105° 49' 41"	21° 41' 47"	105° 51' 11"	F-48-56-D-a
xóm Đồng Chăn	DC	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 40' 53"	105° 50' 42"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Chao	DC	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 40' 53"	105° 50' 42"					F-48-56-D-a
xóm Hang Cô	DC	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 42' 10"	105° 50' 25"					F-48-56-D-a
núi Kháo	SV	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 39' 10"	105° 50' 11"					F-48-56-D-a
suối Khe Nừa	TV	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ			21° 41' 38"	105° 50' 24"	21° 40' 20"	105° 50' 56"	F-48-56-D-a
xóm La Thông	DC	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 41' 36"	105° 50' 22"					F-48-56-D-a
xóm Mới	DC	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 41' 32"	105° 51' 11"					F-48-56-D-a
cầu Na Đành	KX	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 40' 31"	105° 50' 31"					F-48-56-D-a
xóm Na Long	DC	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 40' 48"	105° 50' 09"					F-48-56-D-a
xóm Phúc Thành	DC	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 39' 07"	105° 50' 30"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Pồ Mồ	SV	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 42' 14"	105° 49' 56"					F-48-56-D-a
xóm Trung Thần	DC	xã Hóa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 39' 46"	105° 50' 00"					F-48-56-D-a
đường tỉnh 259	KX	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ			21° 35' 10"	105° 59' 19"	21° 33' 53"	106° 01' 49"	F-48-57-C-c
xóm Bãi Bông	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 34' 55"	106° 01' 16"					F-48-57-C-c
xóm Bãi Vàng	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 36' 59"	106° 03' 26"					F-48-57-C-c
núi Bóng	SV	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 32' 59"	106° 01' 51"					F-48-57-C-c
xóm Cao Phong	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 34' 18"	106° 00' 32"					F-48-57-C-c
hồ Cập Kè	TV	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 35' 42"	106° 01' 02"					F-48-57-C-c
xóm Đèo Bụt	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 32' 05"	106° 02' 29"					F-48-57-C-c
xóm Đèo Hanh	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 35' 10"	105° 59' 31"					F-48-56-D-d
xóm Đoàn Kết	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 34' 11"	106° 00' 53"					F-48-57-C-c
xóm Đồn Trình	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 33' 35"	106° 01' 11"					F-48-57-C-c
núi Hố Cóc	SV	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 33' 31"	105° 59' 36"					F-48-56-D-d
ga Hợp Tiến	KX	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 34' 21"	106° 00' 56"					F-48-57-C-c
đèo Kéo	SV	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 31' 29"	106° 02' 24"					F-48-57-C-c
đồi Khau	SV	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 34' 13"	105° 59' 41"					F-48-56-D-d
xóm Mỏ Sắt	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 35' 03"	106° 01' 42"					F-48-57-C-c
xóm Suối Ó	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 36' 28"	106° 03' 10"					F-48-57-C-c
hồ Ba Chân	TV	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 34' 57"	105° 53' 27"					F-48-56-D-d
xóm Bầu	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 34' 52"	105° 52' 06"					F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ			21° 35' 35"	105° 51' 27"	21° 34' 31"	105° 52' 27"	F-48-56-D-c
xóm Cậy	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 34' 56"	105° 51' 54"					F-48-56-D-c
xóm Đảng	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 19"	105° 52' 43"					F-48-56-D-d
sông Đào	TV	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ			21° 34' 31"	105° 52' 27"	21° 34' 50"	105° 53' 39"	F-48-56-D-d
xóm Già	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 01"	105° 52' 55"					F-48-56-D-d
xóm Gò Chè	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 39"	105° 53' 02"					F-48-56-D-d
xóm Hóc	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 06"	105° 52' 02"					F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Huống Trung	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 55"	105° 51' 49"					F-48-56-D-c
xóm Sộp	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 34' 32"	105° 52' 17"					F-48-56-D-c
xóm Trám	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 48"	105° 52' 19"					F-48-56-D-c
xóm Ao Đậu	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 26"	105° 51' 33"					F-48-56-D-a
xóm Ao Rôm 2	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 50"	105° 51' 45"					F-48-56-D-a
dãy Cao Sơn	SV	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 37' 45"	105° 53' 24"					F-48-56-D-b
xóm Dọc Hèo	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 39' 52"	105° 53' 08"					F-48-56-D-b
suối Đèo Khế	TV	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ			21° 41' 20"	105° 55' 04"	21° 41' 11"	105° 52' 48"	F-48-56-D-b
xóm Hải Hà	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 39"	105° 52' 08"					F-48-56-D-a
đèo Khế	SV	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 41' 41"	105° 54' 33"					F-48-56-D-b
cầu Khe Mo	KX	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 35"	105° 51' 45"					F-48-56-D-a
xóm Khe Mo 2	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 39' 57"	105° 53' 15"					F-48-56-D-b
xóm La Đàn	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 25"	105° 53' 47"					F-48-56-D-b
xóm La Dãy	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 15"	105° 53' 43"					F-48-56-D-b
xóm La Đường	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 40' 14"	105° 51' 41"					F-48-56-D-a
xóm La Nưa	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 42"	105° 52' 46"					F-48-56-D-b
xóm Làng Cháy	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 41' 02"	105° 53' 03"					F-48-56-D-b
xóm Long Dàn	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 41' 11"	105° 54' 04"					F-48-56-D-b
đền Long Dàn	KX	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 41' 07"	105° 54' 03"					F-48-56-D-b
núi Mỏ	SV	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 13"	105° 51' 34"					F-48-56-D-a
xóm Thống Nhất	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 41' 34"	105° 55' 33"					F-48-56-D-b
xóm Tiền Phong	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 39' 42"	105° 52' 14"					F-48-56-D-a
đường tỉnh 259	KX	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ			21° 37' 16"	105° 51' 27"	21° 36' 20"	105° 53' 42"	F-48-56-D-c F-58-56-D-d
xóm Bến Đò	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 25"	105° 51' 29"					F-48-56-D-c
xóm Cây Sơn	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 15"	105° 52' 45"					F-48-56-D-d
xóm Cây Thị	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 55"	105° 52' 18"					F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ngòi Giang	TV	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ			21° 36' 14"	105° 51' 58"	21° 35' 37"	105° 51' 27"	F-48-56-D-c
xóm Hưng Sơn	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 25"	105° 51' 31"					F-48-56-D-c
xóm Hùng Vương	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 59"	105° 51' 20"					F-48-56-D-c
xóm Khánh Hòa	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 19"	105° 52' 13"					F-48-56-D-c
xóm Làng Phan	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 02"	105° 52' 37"					F-48-56-D-d
sông Linh Nham	TV	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ			21° 38' 10"	105° 51' 18"	21° 36' 26"	105° 51' 06"	F-48-56-D-a, F-48-56-D-c
núi Long Hi	SV	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 52"	105° 52' 21"					F-48-56-D-a
xóm Mỏ Đá	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 54"	105° 51' 35"					F-48-56-D-a
xóm Nam Sơn	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 42"	105° 51' 54"					F-48-56-D-c
xóm Núi Hột	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 12"	105° 51' 38"					F-48-56-D-c
núi Quăng	SV	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 47"	105° 52' 45"					F-48-56-D-b
xóm Tân Lập	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 40"	105° 53' 14"					F-48-56-D-d
xóm Thanh Trử	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 04"	105° 53' 31"					F-48-56-D-d
xóm Thông Nhãn	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 49"	105° 52' 51"					F-48-56-D-d
xóm Ao Sơn	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 55"	105° 47' 36"					F-48-56-D-a
xóm Bà Đanh	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 04"	105° 48' 06"					F-48-56-D-a
núi Bầu	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 56"	105° 47' 46"					F-48-56-D-a
suối Cà Phê	TV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ			21° 41' 42"	105° 48' 00"	21° 41' 24"	105° 47' 19"	F-48-56-D-a
xóm Cà Phê 1	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 51"	105° 47' 57"					F-48-56-D-a
sông Cầu	TV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ			21° 42' 41"	105° 48' 47"	21° 39' 22"	105° 48' 07"	F-48-56-D-a
xóm Cầu Mơn	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 01"	105° 49' 14"					F-48-56-D-a
suối Cầu Mơn	TV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ			21° 41' 38"	105° 49' 48"	21° 40' 10"	105° 48' 42"	F-48-56-D-a
núi Còn Nghê	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 11"	105° 47' 42"					F-48-56-D-a
núi Đãi	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 42' 19"	105° 48' 21"					F-48-56-D-a
núi Đèo Bún	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 42' 11"	105° 49' 39"					F-48-56-D-a
xóm Đoàn Kết	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 46"	105° 47' 38"					F-48-56-D-a
xóm Gốc Đa	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 38"	105° 48' 31"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hang Ne	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 42' 02"	105° 49' 23"					F-48-56-D-a
núi Hang Ne	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 49"	105° 49' 22"					F-48-56-D-a
núi Khiếm	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 12"	105° 48' 29"					F-48-56-D-a
xóm La Dịa	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 32"	105° 48' 53"					F-48-56-D-a
núi Phốc	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 41"	105° 47' 42"					F-48-56-D-a
xóm Theo Cày	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 13"	105° 47' 31"					F-48-56-D-a
núi Trại Cài	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 42"	105° 48' 33"					F-48-56-D-a
xóm Trại Cài 2	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 14"	105° 48' 29"					F-48-56-D-a
đường tỉnh 259	KX	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ			21° 36' 20"	105° 53' 42"	21° 36' 00"	105° 56' 25"	F-48-56-D-d
xóm Ao Nang	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 02"	105° 54' 02"					F-48-56-D-d
xóm Ba Cóc	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 38"	105° 55' 30"					F-48-56-D-d
xóm Bồ Cóc	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 44"	105° 54' 25"					F-48-56-D-b
núi Bồ Cóc	SV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 30"	105° 54' 50"					F-48-56-D-d
xóm Bờ Suối	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 08"	105° 56' 00"					F-48-56-D-d
xóm Chí Son	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 30"	105° 56' 38"					F-48-56-D-d
xóm Con Phượng	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 20"	105° 55' 42"					F-48-56-D-d
núi Con Phượng	SV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 35"	105° 55' 47"					F-48-56-D-d
xóm Đầm Diềm	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 46"	105° 53' 13"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Chốc	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 05"	105° 55' 38"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Mỏ	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 17"	105° 56' 13"					F-48-56-D-d
xóm Gốc Thị	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 34"	105° 55' 18"					F-48-56-D-d
xóm La Quán	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 28"	105° 54' 24"					F-48-56-D-d
dãy Lềnh Lồng	SV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 23"	105° 54' 58"					F-48-56-D-d
xóm Mỹ Lập	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 17"	105° 54' 56"					F-48-56-D-d
xóm Na Chanh	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 43"	105° 53' 49"					F-48-56-D-d
xóm Ngòi Chẹo	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 28"	105° 53' 58"					F-48-56-D-d
sông Ngòi Chẹo	TV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ			21° 36' 30"	105° 53' 45"	21° 34' 55"	105° 53' 43"	F-48-56-D-d
sông Ngòi Rồng	TV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ			21° 35' 40"	105° 56' 05"	21° 34' 55"	105° 53' 43"	F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Quang Minh	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 39' 52"	105° 55' 24"					F-48-56-D-d
núi Thổ Kỳ	SV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 49"	105° 54' 30"					F-48-56-D-d
xóm Trại Gai	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 47"	105° 54' 45"					F-48-56-D-d
xóm Trại Giáo	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 04"	105° 55' 07"					F-48-56-D-d
quốc lộ 1B	KX	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ			21° 41' 47"	105° 51' 11"	21° 41' 56"	105° 53' 39"	F-48-56-D-b F-48-56-D-a
mỏ đá Công ty Đá ốp lát	KX	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 42' 04"	105° 53' 21"					F-48-56-D-b
xóm Đồng Chuỗng	DC	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 43' 03"	105° 53' 11"					F-48-56-D-b
cầu Đồng Thư	KX	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 41' 51"	105° 52' 15"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Thu 1	DC	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 42' 08"	105° 52' 41"					F-48-56-D-b
núi Gốc Đa	SV	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 43' 14"	105° 53' 22"					F-48-56-D-b
núi Gốc Quéo	SV	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 42' 30"	105° 51' 33"					F-48-56-D-a
mỏ đá La Hiên	KX	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 41' 45"	105° 53' 30"					F-48-56-D-b
xóm Lân Tây	DC	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 41' 57"	105° 51' 43"					F-48-56-D-a
núi Lân Tây	SV	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 42' 03"	105° 51' 29"					F-48-56-D-a
núi Một	SV	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 43' 41"	105° 52' 07"					F-48-56-D-a
núi Nước Lạnh	SV	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 43' 11"	105° 51' 22"					F-48-56-D-a
cầu Quang Sơn	KX	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 42' 34"	105° 52' 10"					F-48-56-D-a
xóm Xuân Quang	DC	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 42' 52"	105° 51' 52"					F-48-56-D-a
phân trường 3	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Hỷ	21° 35' 46"	105° 59' 43"					F-48-56-D-d
xóm Bảo Nang	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Hỷ	21° 34' 39"	105° 58' 09"					F-48-56-D-d
xóm Cầu Đã	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Hỷ	21° 35' 14"	105° 58' 58"					F-48-56-D-d
xóm Chàng	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Hỷ	21° 34' 15"	105° 58' 42"					F-48-56-D-d
đồi Đảng	SV	xã Tân Lợi	H. Đồng Hỷ	21° 35' 06"	105° 56' 23"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Lâm	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Hỷ	21° 34' 55"	105° 56' 24"					F-48-56-D-d
xóm Na Tiếm	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Hỷ	21° 34' 47"	105° 57' 01"					F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Quần Ngựa	KX	xã Tân Lợi	H. Đồng Hỷ	21° 34' 43"	105° 57' 41"					F-48-56-D-d
suối Thái Thông	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Hỷ			21° 37' 40"	106° 00' 48"	21° 35' 04"	105° 58' 39"	F-48-56-D-d
đập Thống Nhất	KX	xã Tân Lợi	H. Đồng Hỷ	21° 34' 43"	105° 57' 20"					F-48-56-D-d
xóm Ba Đình	DC	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 42' 50"	105° 50' 00"					F-48-56-D-a
núi Bến Hang	SV	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 43' 46"	105° 52' 59"					F-48-56-D-b
núi Chòi Thượng	SV	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 44' 47"	105° 51' 21"					F-48-56-D-a
núi Đồi Trục	SV	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 44' 46"	105° 52' 59"					F-48-56-D-b
xóm Đồng Luông	DC	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 44' 05"	105° 52' 09"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Mẫu	DC	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 43' 35"	105° 50' 14"					F-48-56-D-a
núi Hang Trai	SV	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 44' 04"	105° 50' 41"					F-48-56-D-a
xóm Hồng Phong	DC	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 45' 24"	105° 54' 25"					F-48-56-B-d
núi Ke Danh	SV	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 45' 24"	105° 51' 29"					F-48-56-B-c
núi Khám	SV	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 43' 50"	105° 49' 54"					F-48-56-D-a
xóm Lân Quan	DC	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 45' 51"	105° 54' 43"					F-48-56-B-d
suối Làng Mới	TV	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ			21° 43' 16"	105° 50' 55"	21° 43' 16"	105° 49' 43"	F-48-56-D-a
núi Mon Chua	SV	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 44' 38"	105° 51' 47"					F-48-56-D-a
suối Ninh Nham	TV	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ			21° 45' 13"	105° 55' 13"	21° 43' 39"	105° 52' 22"	F-48-56-B-d, F-48-56-D-a
xóm Nông Nhằm	DC	xã Tân Long	H. Đồng Hỷ	21° 43' 40"	105° 50' 47"					F-48-56-D-a
dãy núi Ao Trời	SV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 42' 22"	105° 56' 52"					F-48-56-D-b
xóm Ba Quà	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 39' 36"	105° 55' 16"					F-48-56-D-b
suối Bạch Giương	TV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ			21° 41' 14"	105° 55' 29"	21° 41' 54"	106° 59' 50"	F-48-56-B-c
xóm Bồ Cu	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 37' 55"	105° 56' 31"					F-48-56-D-b
núi Bù Cu	SV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 40' 32"	105° 59' 05"					F-48-56-D-b
xóm Cầu Mai	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 40' 52"	105° 56' 57"					F-48-56-D-b
suối Cầu Mai	TV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ			21° 40' 22"	105° 58' 22"	21° 41' 17"	105° 56' 26"	F-48-56-D-a
xóm Đoàn Lâm	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 39' 24"	105° 57' 40"					F-48-56-D-b
núi Đoàn Lâm	SV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 39' 38"	105° 57' 12"					F-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hỏa	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 39' 45"	105° 54' 12"					F-48-56-D-b
xóm Hòa Khê 1	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 38' 07"	105° 55' 32"					F-48-56-D-b
xóm La Đàn	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 38' 43"	105° 54' 35"					F-48-56-D-b
suối Na Giang	TV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ			21° 39' 18"	105° 55' 28"	21° 37' 22"	105° 55' 13"	F-48-56-D-a
suối Ngọn Cát	TV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ			21° 41' 41"	105° 58' 56"	21° 42' 13"	105° 59' 29"	F-48-56-B-c
xóm Phả Lý	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 40' 13"	105° 56' 12"					F-48-56-D-b
xóm Thái Hưng	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 40' 23"	105° 55' 22"					F-48-56-D-b
xóm Thịnh Đức	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 39' 56"	105° 55' 57"					F-48-56-D-b
xóm Vân Hán	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 41' 16"	105° 58' 04"					F-48-56-D-b
núi Bắc Lâu	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 45' 42"	105° 51' 11"					F-48-56-B-c
suối Bắc Lầu	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 46' 15"	105° 50' 57"	21° 46' 42"	105° 50' 29"	F-48-56-B-c
đèo Bụt	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 03"	105° 50' 21"					F-48-56-B-c
núi Bụt	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 36"	105° 49' 56"					F-48-56-B-c
sông Cầu	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 45' 17"	105° 49' 34"	21° 50' 48"	105° 49' 07"	F-48-56-B-c
xóm Dạt	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 10"	105° 51' 03"					F-48-56-B-c
suối Đèo Bụt	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 47' 19"	105° 49' 57"	21° 46' 40"	105° 50' 07"	F-48-56-B-c
núi Đình	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 50' 17"	105° 48' 35"					F-48-56-B-c
núi Đồi Gianh	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 26"	105° 48' 04"					F-48-56-B-c
núi Hón	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 48' 53"	105° 48' 49"					F-48-56-B-c
xóm Khe Cạn	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 45' 14"	105° 48' 02"					F-48-56-B-c
suối Khe Đá	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 49' 04"	105° 48' 08"	21° 49' 17"	105° 49' 23"	F-48-56-B-c
xóm Khe Đà	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 49' 09"	105° 49' 02"					F-48-56-B-c
núi Khe Đà	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 49' 27"	105° 48' 47"					F-48-56-B-c
suối Khe Dạt	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 46' 29"	105° 51' 36"	21° 47' 09"	105° 50' 59"	F-48-56-B-c
suối Khe Dây	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 46' 54"	105° 49' 13"	21° 46' 44"	105° 49' 39"	F-48-56-B-c
suối Khe Gia	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 46' 52"	105° 48' 24"	21° 45' 43"	105° 49' 33"	F-48-56-B-c
xóm Khe Hai	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 50' 25"	105° 49' 11"					F-48-56-B-c
xóm Khe Mong	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 46' 03"	105° 49' 01"					F-48-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe My	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 48' 01"	105° 48' 55"	21° 48' 28"	105° 50' 24"	F-48-56-B-c
xóm Khe Nhưng	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 46' 13"	105° 49' 52"					F-48-56-B-c
suối Khe Nhưng	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 46' 11"	105° 50' 23"	21° 46' 05"	105° 49' 52"	F-48-56-B-c
xóm Khe Quân	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 45' 13"	105° 48' 25"					F-48-56-B-c
đèo Khe Quân	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 44' 50"	105° 48' 41"					F-48-56-B-a
suối Khe Quân	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 45' 39"	105° 48' 22"	21° 45' 16"	105° 49' 32"	F-48-56-B-c
núi Khe Ung	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 08"	105° 48' 44"					F-48-56-B-c
suối Khe Vầu	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 47' 18"	105° 49' 45"	21° 46' 46"	105° 49' 51"	F-48-56-B-c
suối Khe Vịt	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 45' 35"	105° 50' 50"	21° 45' 29"	105° 49' 42"	F-48-56-B-c
xóm Liên Phương	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 49' 39"	105° 48' 36"					F-48-56-B-c
núi Nhà Tây	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 46' 58"	105° 47' 55"					F-48-56-B-c
xóm Tam Va	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 53"	105° 50' 44"					F-48-56-B-c
núi Tam Va	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 48' 04"	105° 50' 57"					F-48-56-B-c
xóm Tân Lập	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 46' 30"	105° 49' 32"					F-48-56-B-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 46' 13"	105° 49' 52"					F-48-56-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 45' 27"	105° 49' 37"					F-48-56-B-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 45' 37"	105° 50' 06"					F-48-56-B-c
xóm Tèn	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 48' 48"	105° 49' 59"					F-48-56-B-c
núi Tèn	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 49' 41"	105° 50' 37"					F-48-56-B-c
xóm Vân Khánh	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 48' 19"	105° 50' 22"					F-48-56-B-c
xóm Đại Phong	DC	TT. Ba Hàng	H. Phổ Yên	21° 25' 07"	105° 52' 25"					F-48-68-B-a
xóm Kim Thái	DC	TT. Ba Hàng	H. Phổ Yên	24° 24' 45"	105° 52' 18"					F-48-68-B-a
đường tỉnh 261	KX	TT. Bắc Sơn	H. Phổ Yên			21° 27' 04"	105° 46' 59"	21° 27' 21"	105° 46' 06"	F-48-68-B-a
Công ty Chè Bắc Sơn	KX	TT. Bắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 27' 21"	105° 46' 31"					F-48-68-B-a
xóm Sơn Trung	DC	TT. Bắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 27' 09"	105° 46' 45"					F-48-68-B-a
phân xưởng A5	KX	TT. Bãi Bông	H. Phổ Yên	21° 25' 50"	105° 52' 46"					F-48-68-B-b
xóm Đại Cát	DC	TT. Bãi Bông	H. Phổ Yên	21° 25' 35"	105° 52' 43"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phù Cầu	DC	TT. Bãi Bông	H. Phổ Yên	21° 26' 20"	105° 52' 41"					F-48-68-B-b
nhà máy Z131	KX	TT. Bãi Bông	H. Phổ Yên	21° 25' 23"	105° 52' 53"					F-48-68-B-b
đường tỉnh 261	KX	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên			21° 24' 57"	105° 51' 15"	21° 25' 52"	105° 49' 42"	F-48-68-B-a
xóm Ấp Ngang	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 22"	105° 49' 54"					F-48-68-B-a
xóm Ba Xã	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 25' 42"	105° 51' 07"					F-48-68-B-a
xóm Bến	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 25"	105° 50' 32"					F-48-68-B-a
cầu Bến Đẫm	KX	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 25' 20"	105° 50' 12"					F-48-68-B-a
xóm Cây Xanh	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 25' 43"	105° 50' 12"					F-48-68-B-a
xóm Chiềng	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 37"	105° 50' 44"					F-48-68-B-a
xóm Chùa 2	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 26' 07"	105° 50' 42"					F-48-68-B-a
sông Công	TV	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên			21° 26' 44"	105° 49' 48"	21° 23' 50"	105° 51' 04"	F-48-68-B-a
xóm Dương	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 53"	105° 50' 04"					F-48-68-B-a
xóm Đài 1	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 26' 27"	105° 51' 25"					F-48-68-B-a
xóm Đài 2	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 26' 12"	105° 51' 39"					F-48-68-B-a
xóm Đầm	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 26' 28"	105° 50' 28"					F-48-68-B-a
xóm Đấp	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 55"	105° 50' 50"					F-48-68-B-a
xóm Mũn	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 25' 32"	105° 50' 39"					F-48-68-B-a
xóm Tân Lập	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 25' 19"	105° 50' 23"					F-48-68-B-a
kênh Tây	TV	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên			21° 26' 33"	105° 51' 17"	21° 25' 50"	105° 51' 35"	F-48-68-B-a
xóm Thác Nhái	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 27"	105° 50' 11"					F-48-68-B-a
xóm Thần	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 46"	105° 50' 27"					F-48-68-B-a
xóm Tuần	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 39"	105° 50' 26"					F-48-68-B-a
xóm An Phong	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 23' 29"	105° 53' 42"					F-48-68-B-b
xóm Cò	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 23' 07"	105° 53' 34"					F-48-68-B-b
xóm Dỏ	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 56"	105° 53' 35"					F-48-68-B-b
xóm Dộc	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 20"	105° 53' 48"					F-48-68-B-d
xóm Dùa	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 59"	105° 54' 06"					F-48-68-B-b
xóm Đồi	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 23' 05"	105° 53' 24"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 13"	105° 53' 57"					F-48-68-B-d
xóm Đông Thượng	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 59"	105° 53' 44"					F-48-68-B-b
xóm Nghè	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 24"	105° 53' 36"					F-48-68-B-d
xóm Săn	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 53"	105° 53' 22"					F-48-68-B-b
xóm Soi	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 21' 59"	105° 54' 08"					F-48-68-B-d
xóm Tân Ấp	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 36"	105° 52' 55"					F-48-68-B-b
xóm Tân Thành	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 20"	105° 52' 57"					F-48-68-B-d
xóm Trại Cẩm La	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 43"	105° 53' 45"					F-48-68-B-b
xóm Trại Đông Hạ	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 15"	105° 54' 07"					F-48-68-B-d
xóm Trung	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 26"	105° 53' 32"					F-48-68-B-b
xóm Việt Cường	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 39"	105° 54' 30"					F-48-68-B-b
xóm Việt Hồng	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 24"	105° 54' 16"					F-48-68-B-d
bệnh viện 91	KX	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 48"	105° 51' 33"					F-48-68-B-a
xóm An Bình	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 30"	105° 53' 37"					F-48-68-B-b
xóm Chiến Thắng	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 18"	105° 53' 02"					F-48-68-B-b
xóm Con Trê	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 59"	105° 54' 20"					F-48-68-B-b
xóm Dẫy	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 10"	105° 51' 30"					F-48-68-B-a
xóm Đình	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 06"	105° 52' 59"					F-48-68-B-b
xóm Đồng Lâm	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 26"	105° 51' 22"					F-48-68-B-a
kênh Giữa	TV	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên			21° 25' 35"	105° 53' 24"	21° 24' 30"	105° 53' 11"	F-48-68-B-b
xóm Hoàng Thanh	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 15"	105° 53' 57"					F-48-68-B-b
xóm Hoàng Vân	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 33"	105° 54' 09"					F-48-68-B-b
xóm Nam	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 06"	105° 52' 47"					F-48-68-B-b
ga Phổ Yên	KX	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 47"	105° 52' 31"					F-48-68-B-b
xóm Quán Vã	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 44"	105° 51' 42"					F-48-68-B-a
xóm Tân Hoa	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 43"	105° 53' 38"					F-48-68-B-b
xóm Tân Thành	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 54"	105° 53' 55"					F-48-68-B-b
xóm Thái Bình	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 45"	105° 53' 56"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thanh Hoa	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 00"	105° 53' 38"					F-48-68-B-b
xóm Vinh Xương	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 37"	105° 53' 14"					F-48-68-B-b
xóm Vườn Dẫy	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 59"	105° 53' 54"					F-48-68-B-b
xóm Yên Trung	DC	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 00"	105° 51' 50"					F-48-68-B-a
Nhà máy Z131	KX	xã Đồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 01"	105° 53' 43"					F-48-68-B-b
xóm Ấm	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 26' 01"	105° 52' 13"					F-48-68-B-a
xóm Cống Thượng	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 26' 50"	105° 53' 48"					F-48-68-B-b
xóm Diện	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 51"	105° 52' 27"					F-48-68-B-a
xóm Đồng Bát	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 26' 22"	105° 51' 43"					F-48-68-B-a
xóm Đồng Sinh	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 26' 17"	105° 51' 54"					F-48-68-B-a
xóm Giếng	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 28' 22"	105° 52' 37"					F-48-68-B-b
xóm Hăng	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 27' 20"	105° 53' 25"					F-48-68-B-b
xóm Hạnh	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 27' 14"	105° 53' 54"					F-48-68-B-b
xóm Hiệp Đồng	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 26' 56"	105° 52' 10"					F-48-68-B-a
xóm Liên Minh	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 26' 26"	105° 54' 12"					F-48-68-B-b
xóm Liên Sơn	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 26' 14"	105° 53' 42"					F-48-68-B-b
xóm Mãn Chiêm	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 28' 53"	105° 53' 03"					F-48-68-B-b
xóm Ngòai	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 28' 11"	105° 52' 43"					F-48-68-B-b
xóm Thành Lập	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 32"	105° 52' 16"					F-48-68-B-a
cầu Văn Dương	KX	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 28' 60"	105° 52' 19"					F-48-68-B-a
xóm Yên Mễ	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 27' 38"	105° 52' 47"					F-48-68-B-b
hồ Ba Chẽ	TV	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 01"	105° 47' 41"					F-48-68-B-a
xóm Ba Quanh	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 01"	105° 49' 01"					F-48-68-B-a
xóm Cầu Giao	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 13"	105° 48' 48"					F-48-68-B-a
xóm Chằm	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 25' 20"	105° 47' 58"					F-48-68-B-a
xóm Đầm Mương	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 27' 08"	105° 49' 21"					F-48-68-B-a
xóm Đậu	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 02"	105° 48' 09"					F-48-68-B-a
xóm Hồ 1	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 55"	105° 47' 40"					F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lầy	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 04"	105° 47' 30"					F-48-68-B-a
xóm Tân Lập	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 25' 08"	105° 49' 02"					F-48-68-B-a
xóm Thống Thượng	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 25' 50"	105° 49' 24"					F-48-68-B-a
quốc lộ 3	KX	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên			21° 23' 26"	105° 52' 13"	21° 24' 32"	105° 52' 15"	F-48-68-B-a
xóm Chùa	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 03"	105° 52' 11"					F-48-68-B-a
xóm Đình	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 13"	105° 52' 46"					F-48-68-B-b
xóm Đồi	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 30"	105° 51' 19"					F-48-68-B-a
xóm Giữa	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 58"	105° 51' 49"					F-48-68-B-a
xóm Giữa Thịnh	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 20"	105° 51' 35"					F-48-68-B-a
xóm Hạ	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 38"	105° 51' 42"					F-48-68-B-a
xóm Hộ Sơn	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 44"	105° 51' 17"					F-48-68-B-a
xóm Hoàng Sơn	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 18"	105° 51' 11"					F-48-68-B-a
xóm Lò	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 01"	105° 51' 01"					F-48-68-B-a
xóm Núi	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 48"	105° 52' 37"					F-48-68-B-b
xóm Trại	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 52"	105° 52' 16"					F-48-68-B-a
xóm 1	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 32' 10"	105° 43' 21"					F-48-56-C-d
xóm 2	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 31' 45"	105° 43' 32"					F-48-56-C-d
xóm 3	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 31' 31"	105° 44' 07"					F-48-56-C-d
xóm 5	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 31' 59"	105° 44' 17"					F-48-56-C-d
xóm 6	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 31' 19"	105° 43' 49"					F-48-56-C-d
xóm 7	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 31' 22"	105° 43' 24"					F-48-56-C-d
xóm 8	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 30' 34"	105° 44' 22"					F-48-56-C-d
xóm 10	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 32' 30"	105° 41' 52"					F-48-56-C-d
xóm 11	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 32' 53"	105° 41' 03"					F-48-56-C-d
hồ Núi Cốc	TV	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 34' 38"	105° 42' 07"					F-48-56-C-d
đường tỉnh 261	KX	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên			21° 28' 52"	105° 43' 29"	21° 27' 20"	105° 46' 08"	F-48-68-A-b
xóm Bến Đông	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 40"	105° 45' 37"					F-48-68-B-a
xóm Chãng	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 08"	105° 45' 25"					F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đầm Ban	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 12"	105° 44' 17"					F-48-68-A-b
sông Đất	TV	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên			21° 29' 56"	105° 43' 41"	21° 27' 21"	105° 47' 41"	F-48-68-A-b
xóm Đèo Nứa	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 25' 29"	105° 46' 12"					F-48-68-B-a
xóm Đồng Muốn	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 28' 13"	105° 45' 04"					F-48-68-B-a
xóm Đức Phú	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 26"	105° 46' 02"					F-48-68-B-a
xóm Hạ	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 41"	105° 46' 59"					F-48-68-B-a
xóm Khe Đù	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 31"	105° 43' 30"					F-48-68-A-b
xóm Nông Trường	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 29' 44"	105° 44' 18"					F-48-68-A-b
xóm Quân Cay	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 26' 29"	105° 45' 20"					F-48-68-B-a
xóm Quân Xóm	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 28' 06"	105° 43' 47"					F-48-68-A-b
xóm Slim Lồng	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 28' 32"	105° 45' 37"					F-48-68-B-a
xóm Tân Ấp	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 29' 05"	105° 44' 43"					F-48-68-A-b
xóm Thượng	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 28' 06"	105° 46' 14"					F-48-68-B-a
xóm Trung	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 29"	105° 46' 40"					F-48-68-B-a
xóm Bắc	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 55"	105° 53' 49"					F-48-68-B-b
xóm Cầu Tiến	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 24"	105° 52' 44"					F-48-68-B-b
xóm Đông	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 55"	105° 54' 07"					F-48-68-B-b
xóm Gò Thông	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 22' 35"	105° 52' 17"					F-48-68-B-a
xóm Hương Đình 1	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 22"	105° 52' 59"					F-48-68-B-b
xóm Nam	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 42"	105° 53' 54"					F-48-68-B-b
xóm Phong Niên	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 24' 15"	105° 53' 39"					F-48-68-B-b
xóm Quang Vinh	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 22' 45"	105° 52' 42"					F-48-68-B-b
xóm Tân Long 2	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 37"	105° 53' 15"					F-48-68-B-b
xóm Tân Trung	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 11"	105° 53' 17"					F-48-68-B-b
xóm Thành Lập	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 35"	105° 54' 14"					F-48-68-B-b
xóm Trinh Nữ	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 15"	105° 52' 03"					F-48-68-B-a
xóm Trung	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 03"	105° 52' 34"					F-48-68-B-b
xóm Trường Thọ	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 58"	105° 52' 54"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Xứ	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 24' 26"	105° 53' 00"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Tân Phú	H. Phổ Yên			21° 21' 49"	105° 54' 09"	21° 20' 49"	105° 53' 05"	F-48-68-B-d
xóm Đình	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 48"	105° 52' 57"					F-48-68-B-d
xóm Hương Đình	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 14"	105° 53' 02"					F-48-68-B-d
xóm Soi Cốc	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 20' 49"	105° 54' 02"					F-48-68-B-d
xóm Thanh Vân	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 29"	105° 53' 35"					F-48-68-B-d
xóm Trại	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 35"	105° 53' 12"					F-48-68-B-d
xóm Vân Trai	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 39"	105° 53' 56"					F-48-68-B-d
xóm Yên Gia	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 55"	105° 53' 17"					F-48-68-B-d
xóm An Bình	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 33"	105° 48' 14"					F-48-68-B-a
xóm An Hòa	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 49"	105° 48' 24"					F-48-68-B-a
xóm An Miên	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 37"	105° 48' 34"					F-48-68-B-a
xóm An Thịnh	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 19"	105° 48' 07"					F-48-68-B-a
xóm Ao Sen	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 22' 42"	105° 46' 46"					F-48-68-B-a
xóm Bia	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 43"	105° 47' 17"					F-48-68-B-a
núi Bờ Lâm	SV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 40"	105° 49' 15"					F-48-68-B-a
đèo Bụt	SV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 22' 14"	105° 46' 16"					F-48-68-B-c
xóm Cầu Dài	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 10"	105° 47' 41"					F-48-68-B-a
xóm Chùa	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 52"	105° 47' 14"					F-48-68-B-a
xóm Chùa Cỏ	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 47"	105° 48' 37"					F-48-68-B-a
hồ Cơ Phi	TV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 44"	105° 49' 05"					F-48-68-B-a
xóm Đanh	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 42"	105° 47' 42"					F-48-68-B-a
xóm Đặt	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 22"	105° 46' 60"					F-48-68-B-a
xóm Đồng Đông	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 37"	105° 47' 56"					F-48-68-B-a
xóm Gò Đồn	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 15"	105° 47' 35"					F-48-68-B-a
xóm Hạ Đạt	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 22' 37"	105° 46' 33"					F-48-68-B-a
xóm La Bở	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 29"	105° 48' 45"					F-48-68-B-a
xóm La Dẹ	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 32"	105° 48' 37"					F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm La Lang	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 24"	105° 46' 46"					F-48-68-B-a
xóm Long Thành	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 59"	105° 48' 04"					F-48-68-B-a
xóm Lũng	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 16"	105° 46' 33"					F-48-68-B-a
xóm Nhe	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 25' 02"	105° 45' 42"					F-48-68-B-a
đèo Nhe	SV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 45"	105° 45' 10"					F-48-68-B-a
xóm Nhội	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 26"	105° 46' 36"					F-48-68-B-a
xóm Rừng Ngại	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 15"	105° 48' 22"					F-48-68-B-a
núi Sẹo Gỗ	SV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 22' 53"	105° 47' 28"					F-48-68-B-a
hồ Suối Lạnh	TV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 24"	105° 46' 15"					F-48-68-B-a
xóm Thượng Vụ 1	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 12"	105° 48' 58"					F-48-68-B-a
xóm Thượng Vụ 2	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 32"	105° 48' 57"					F-48-68-B-a
xóm Tơm	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 06"	105° 47' 19"					F-48-68-B-a
xóm Vạn Phú	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 05"	105° 46' 34"					F-48-68-B-a
xóm Xuân Dương	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 29"	105° 48' 13"					F-48-68-B-a
xóm Xuân Hà 3	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 17"	105° 48' 34"					F-48-68-B-a
xóm Bíp	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 08"	105° 52' 10"					F-48-68-B-c
sông Công	TV	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên			21° 20' 29"	105° 51' 19"	21° 19' 37"	105° 53' 26"	F-48-68-B-d
cầu Đa Phúc	KX	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 19' 48"	105° 52' 07"					F-48-68-B-c
xóm Đoàn Kết	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 40"	105° 51' 54"					F-48-68-B-c
xóm Đông Triều	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 38"	105° 52' 51"					F-48-68-B-d
xóm Phù Lôi	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 19' 56"	105° 52' 47"					F-48-68-B-d
xóm Thượng	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 56"	105° 52' 22"					F-48-68-B-c
xóm Triều Lai	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 31"	105° 52' 27"					F-48-68-B-c
xóm Xây	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 01"	105° 52' 45"					F-48-68-B-d
sông Cầu	TV	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên			21° 24' 01"	105° 56' 18"	21° 22' 35"	105° 54' 42"	F-48-68-B-b
xóm Cổ Pháp	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 24' 07"	105° 55' 34"					F-48-68-B-b
xóm Đại Tân	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 24' 20"	105° 54' 48"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Điền Mục	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 25' 10"	105° 54' 33"					F-48-68-B-b
xóm Đông Ngàn	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 26"	105° 54' 54"					F-48-68-B-b
xóm Đồng Thượng	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 10"	105° 55' 24"					F-48-68-B-b
xóm Giã Thù	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 12"	105° 55' 03"					F-48-68-B-b
xóm Giã Trung	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 22' 56"	105° 55' 31"					F-48-68-B-b
xóm Hảo Sơn	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 48"	105° 55' 56"					F-48-68-B-b
xóm Ma Sao	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 04"	105° 54' 37"					F-48-68-B-b
xóm Nguyễn Hậu	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 22"	105° 55' 56"					F-48-68-B-b
xóm Quyết Tiến	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 24' 46"	105° 54' 43"					F-48-68-B-b
xóm Tân Thành	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 24' 09"	105° 54' 51"					F-48-68-B-b
xóm Tân Xuân	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 20"	105° 55' 36"					F-48-68-B-b
xóm Thái Cao	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 24' 35"	105° 55' 21"					F-48-68-B-b
xóm Thù Lâm	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 08"	105° 56' 05"					F-48-68-B-b
xóm Trung Quân	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 31"	105° 55' 04"					F-48-68-B-b
xóm Vân Định	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 45"	105° 55' 02"					F-48-68-B-b
xóm Xuân Trù	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 12"	105° 55' 44"					F-48-68-B-b
xóm Yên Trung	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 49"	105° 56' 07"					F-48-68-B-b
quốc lộ 3	KX	xã Trung Thành	H. Phổ Yên			21° 21' 06"	105° 52' 10"	21° 22' 31"	105° 52' 15"	F-48-68-B-c
xóm Am Lâm	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 22' 19"	105° 51' 48"					F-48-68-B-c
xóm Cẩm Trà	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 11"	105° 52' 03"					F-48-68-B-c
xóm Cầu Sơn	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 22' 42"	105° 51' 08"					F-48-68-B-a
sông Công	TV	xã Trung Thành	H. Phổ Yên			21° 22' 49"	105° 51' 01"	21° 20' 29"	105° 51' 19"	F-48-68-B-c
xóm Hợp Thịnh	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 45"	105° 51' 48"					F-48-68-B-c
xóm Kim Tinh	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 39"	105° 52' 20"					F-48-68-B-c
xóm Phú Thịnh	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 22"	105° 52' 03"					F-48-68-B-c
xóm Thanh Hoa	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 22' 18"	105° 52' 22"					F-48-68-B-c
xóm Thanh Xuyên	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 22' 04"	105° 52' 22"					F-48-68-B-c
xóm Thu Lỗ	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 53"	105° 51' 32"					F-48-68-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Xuân Vinh	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 18"	105° 51' 34"					F-48-68-B-c
xóm Ấp	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 26"	105° 50' 03"					F-48-68-B-a
xóm Ấp Mèn	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 10"	105° 48' 34"					F-48-68-B-a
xóm Bãi Chẩu	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 24' 27"	105° 49' 18"					F-48-68-B-a
xóm Bến Chẩy	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 42"	105° 50' 55"					F-48-68-B-a
xóm Chùa	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 35"	105° 50' 16"					F-48-68-B-a
xóm Cơ Phi	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 21"	105° 49' 47"					F-48-68-B-a
xóm Cổng Đồn	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 24' 26"	105° 49' 38"					F-48-68-B-a
xóm Đình	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 14"	105° 50' 13"					F-48-68-B-a
xóm Đồng Mục	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 07"	105° 48' 59"					F-48-68-B-a
xóm Đồng Sân	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 22"	105° 48' 53"					F-48-68-B-a
xóm Hạ Vụ	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 35"	105° 49' 07"					F-48-68-B-a
xóm Kim Sơn	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 22' 40"	105° 49' 57"					F-48-68-B-a
núi Ngạng	SV	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 24' 02"	105° 50' 01"					F-48-68-B-a
xóm Ngoài	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 19"	105° 50' 23"					F-48-68-B-a
xóm Nông Vụ	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 38"	105° 49' 36"					F-48-68-B-a
xóm Núi	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 16"	105° 50' 04"					F-48-68-B-a
xóm Núi Lá	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 03"	105° 49' 55"					F-48-68-B-a
xóm Tân Hòa	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 24' 02"	105° 49' 17"					F-48-68-B-a
xóm Trại Cang	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 56"	105° 49' 36"					F-48-68-B-a
xóm Vạn Kim	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 22' 50"	105° 50' 34"					F-48-68-B-a
quốc lộ 37	KX	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình			21° 28' 04"	105° 58' 01"	21° 26' 45"	105° 58' 36"	F-48-68-B-b
xóm Đoàn Kết	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 28' 23"	105° 58' 16"					F-48-68-B-b
cầu Đoàn Kết	KX	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 28' 01"	105° 58' 08"					F-48-68-B-b
xóm Hòa Bình	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 39"	105° 58' 49"					F-48-68-B-b
xóm La Sơn	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 24"	105° 58' 15"					F-48-68-B-b
xóm Làng Cả	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 56"	105° 58' 20"					F-48-68-B-b
xóm Mỹ Sơn	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 40"	105° 59' 38"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nguyễn 1	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 21"	105° 59' 26"					F-48-68-B-b
xóm Thi Đua	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 28' 19"	105° 58' 50"					F-48-68-B-b
xóm Thơm	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 07"	105° 59' 03"					F-48-68-B-b
xóm Úc Sơn	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 28' 02"	105° 58' 39"					F-48-68-B-b
cầu Úc Sơn	KX	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 45"	105° 58' 38"					F-48-68-B-b
xóm Bàn Đạt	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 32' 47"	105° 55' 25"					F-48-56-D-d
xóm Bờ Tấc	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 33' 54"	105° 57' 38"					F-48-56-D-d
xóm Cầu Mành	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 35' 10"	105° 54' 57"					F-48-56-D-d
xóm Đá Bạc	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 33' 39"	105° 56' 25"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Quan	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 34' 16"	105° 55' 45"					F-48-56-D-d
đập Đồng Trời	KX	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 33' 49"	105° 55' 37"					F-48-56-D-d
ga Khúc Rồng	KX	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 34' 54"	105° 55' 37"					F-48-56-D-d
sông Máng	TV	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình			21° 32' 37"	105° 54' 31"	21° 32' 27"	105° 54' 31"	F-48-56-D-d
xóm Nà Chặng	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 33' 17"	105° 55' 09"					F-48-56-D-d
núi Quần Ngựa	SV	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 34' 21"	105° 55' 31"					F-48-56-D-d
núi Rừng Dốc	SV	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 34' 14"	105° 57' 46"					F-48-56-D-d
xóm Việt Long	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 34' 40"	105° 55' 11"					F-48-56-D-d
xóm Chi Mê	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 29' 27"	105° 56' 58"					F-48-68-B-b
xóm Cô Dạ	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 29' 37"	105° 56' 08"					F-48-68-B-b
xóm Cổ Tạ	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 04"	105° 55' 55"					F-48-56-D-d
xóm Dinh	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 08"	105° 57' 40"					F-48-56-D-d
xóm Đại Lễ	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 28' 52"	105° 56' 10"					F-48-68-B-b
xóm Hóa	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 47"	105° 56' 37"					F-48-56-D-d
sông Máng	TV	xã Bảo Lý	H. Phú Bình			21° 30' 24"	105° 56' 04"	21° 28' 41"	105° 57' 09"	F-48-56-D-d F-48-68-B-b
xóm Mét	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 52"	105° 57' 46"					F-48-56-D-d
xóm Ngược	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 29' 18"	105° 56' 24"					F-48-68-B-b
xóm Quyên	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 34"	105° 57' 29"					F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thông	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 48"	105° 57' 09"					F-48-56-D-d
xóm Thượng	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 16"	105° 57' 01"					F-48-56-D-d
xóm Thượng Mối	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 11"	105° 56' 34"					F-48-56-D-d
xóm Vạn Già	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 29' 04"	105° 56' 32"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Đào Xá	H. Phú Bình			21° 32' 25"	105° 54' 26"	21° 30' 05"	105° 55' 44"	F-48-56-D-d F-48-68-B-b
xóm Chám	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 32' 35"	105° 54' 50"					F-48-56-D-d
ngòi Chanh	TV	xã Đào Xá	H. Phú Bình			21° 31' 18"	105° 55' 59"	21° 30' 05"	105° 55' 45"	F-48-56-D-d
xóm Dẫy	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 32' 24"	105° 54' 42"					F-48-56-D-d
xóm Đỉnh Hạng	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 30' 05"	105° 54' 53"					F-48-56-D-d
xóm Đoàn Kết	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 30' 37"	105° 55' 32"					F-48-56-D-d
xóm Phú Minh	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 30' 13"	105° 55' 20"					F-48-56-D-d
xóm Tân Sơn	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 32' 15"	105° 54' 55"					F-48-56-D-d
suối Vàng	TV	xã Đào Xá	H. Phú Bình			21° 32' 20"	105° 55' 52"	21° 31' 17"	105° 55' 26"	F-48-56-D-d
xóm Xuân Đào	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 31' 47"	105° 55' 15"					F-48-56-D-d
xóm Bình	DC	xã Điềm Thụy	H. Phú Bình	21° 27' 52"	105° 54' 06"					F-48-68-B-b
xóm Điềm Thụy	DC	xã Điềm Thụy	H. Phú Bình	21° 27' 47"	105° 55' 24"					F-48-68-B-b
xóm Hạnh	DC	xã Điềm Thụy	H. Phú Bình	21° 29' 11"	105° 54' 37"					F-48-68-B-b
núi Hạnh	SV	xã Điềm Thụy	H. Phú Bình	21° 28' 11"	105° 53' 41"					F-48-68-B-b
xóm Hộ Lệnh	DC	xã Điềm Thụy	H. Phú Bình	21° 28' 07"	105° 54' 17"					F-48-68-B-b
xóm Ngọc Sơn	DC	xã Điềm Thụy	H. Phú Bình	21° 27' 08"	105° 55' 38"					F-48-68-B-b
xóm Thuần Pháp	DC	xã Điềm Thụy	H. Phú Bình	21° 28' 20"	105° 55' 12"					F-48-68-B-b
xóm Trại Trám	DC	xã Điềm Thụy	H. Phú Bình	21° 27' 24"	105° 55' 44"					F-48-68-B-b
xóm Trạng	DC	xã Điềm Thụy	H. Phú Bình	21° 28' 37"	105° 53' 57"					F-48-68-B-b
xóm Trung	DC	xã Điềm Thụy	H. Phú Bình	21° 27' 47"	105° 54' 32"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Đồng Liên	H. Phú Bình			21° 34' 31"	105° 52' 27"	21° 32' 25"	105° 54' 25"	F-48-56-D-d
xóm Đá Gân	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 38"	105° 53' 48"					F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Đá Gân	KX	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 48"	105° 53' 38"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Ao	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 03"	105° 53' 43"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Cão	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 18"	105° 54' 16"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Tâm	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 37"	105° 52' 51"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Tân	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 33' 17"	105° 53' 31"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Vạn	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 33' 32"	105° 54' 14"					F-48-56-D-d
sông Máng	TV	xã Đồng Liên	H. Phú Bình			21° 34' 31"	105° 52' 27"	21° 32' 27"	105° 54' 31"	F-48-56-D-d
xóm Thùng Ong	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 51"	105° 54' 22"					F-48-56-D-d
xóm Trà Viên	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 33' 43"	105° 53' 39"					F-48-56-D-d
xóm Xuân Đám	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 32' 49"	105° 54' 09"					F-48-56-D-d
xóm An Thành	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 23' 56"	106° 01' 11"					F-48-69-A-a
xóm Đảng	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 39"	106° 01' 26"					F-48-69-A-a
núi Đót	SV	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 01"	106° 01' 46"					F-48-69-A-a
xóm Nguộn	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 49"	106° 00' 51"					F-48-69-A-a
xóm Núi	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 26"	106° 01' 24"					F-48-69-A-a
xóm Phầm Giàng	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 24' 42"	106° 01' 02"					F-48-69-A-a
xóm Phú Dương	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 32"	106° 00' 36"					F-48-69-A-a
xóm Quyết Thắng	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 26"	106° 00' 30"					F-48-69-A-a
xóm Tiến Bộ	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 25"	106° 00' 58"					F-48-69-A-a
xóm Trại Thâm	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 24' 33"	106° 00' 48"					F-48-69-A-a
xóm Xuốm	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 24' 32"	106° 01' 42"					F-48-69-A-a
sông Cầu	TV	xã Hà Châu	H. Phú Bình			21° 25' 28"	105° 57' 24"	21° 24' 01"	105° 56' 18"	F-48-68-B-b
xóm Củ	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 25' 10"	105° 56' 34"					F-48-68-B-b
xóm Đặc Trung	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 24' 42"	105° 55' 52"					F-48-68-B-b
xóm Đông	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 24' 34"	105° 56' 46"					F-48-68-B-b
xóm Hà Châu	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 24' 59"	105° 57' 01"					F-48-68-B-b
xóm Ngói	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 25' 08"	105° 57' 06"					F-48-68-B-b
xóm Táo	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 24' 27"	105° 56' 45"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trầm Hương	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 24' 31"	105° 56' 14"					F-48-68-B-b
xóm Bình Định	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 36"	105° 59' 32"					F-48-68-B-b
xóm Ca	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 08"	105° 58' 39"					F-48-68-B-b
xóm Cầu Dãi	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 25"	105° 59' 16"					F-48-68-B-b
xóm Chợ Đồn	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 17"	105° 58' 49"					F-48-68-B-b
xóm Điện	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 29"	105° 58' 22"					F-48-68-B-b
xóm Hòa Bình	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 46"	105° 58' 29"					F-48-68-B-b
xóm Kha Bình Lâm	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 44"	105° 59' 20"					F-48-68-B-b
xóm Kha Nhi	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 48"	105° 58' 11"					F-48-68-B-b
xóm Kha Thượng	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 13"	105° 58' 09"					F-48-68-B-b
xóm Mai Sơn	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 26"	105° 58' 04"					F-48-68-B-b
xóm Ngô Trù	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 24' 52"	105° 59' 33"					F-48-68-B-b
xóm Phú Lâm	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 27"	105° 59' 46"					F-48-68-B-b
xóm Soi	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 16"	105° 59' 03"					F-48-68-B-b
xóm Tân Thành	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 49"	105° 58' 59"					F-48-68-B-b
xóm Tây Bắc	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 24"	105° 58' 39"					F-48-68-B-b
xóm Trại	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 11"	105° 59' 28"					F-48-68-B-b
xóm Trung Tâm	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 01"	105° 58' 48"					F-48-68-B-b
xóm Xi	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 40"	105° 58' 51"					F-48-68-B-b
xóm Chiềng	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 35"	105° 59' 29"					F-48-68-B-b
cầu Chợ Đá	KX	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 16"	105° 59' 25"					F-48-68-B-b
xóm Lương Tạ 2	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 40"	105° 59' 52"					F-48-68-B-b
xóm Lương Thái	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 15"	105° 59' 52"					F-48-68-B-b
xóm Lương Trình	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 57"	105° 59' 38"					F-48-68-B-b
xóm Phú Hương	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 12"	106° 00' 17"					F-48-69-A-a
xóm Phú Lương	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 55"	106° 00' 37"					F-48-69-A-a
xóm Phú Mỹ	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 34"	106° 00' 26"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Việt Ninh	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 07"	105° 59' 35"					F-48-68-B-b
đường tỉnh 252	KX	xã Nga My	H. Phú Bình			21° 26' 15"	105° 56' 36"	21° 25' 31"	105° 56' 50"	F-48-68-B-b
xóm An Châu	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 23"	105° 56' 10"					F-48-68-B-b
xóm Bờ Trực	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 57"	105° 55' 58"					F-48-68-B-b
xóm Cầu Cát	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 03"	105° 55' 57"					F-48-68-B-b
xóm Diệm Dương	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 46"	105° 57' 04"					F-48-68-B-b
xóm Đại An	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 35"	105° 55' 21"					F-48-68-B-b
xóm Điếm	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 26' 12"	105° 57' 18"					F-48-68-B-b
kênh Đông	TV	xã Nga My	H. Phú Bình			21° 26' 55"	105° 54' 54"	21° 24' 52"	105° 55' 47"	F-48-68-B-b
xóm Đồng Hòa	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 06"	105° 54' 53"					F-48-68-B-b
xóm Kén	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 40"	105° 56' 18"					F-48-68-B-b
núi Ngọc	SV	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 26' 49"	105° 55' 19"					F-48-68-B-b
xóm Núi Ngọc	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 26' 29"	105° 55' 12"					F-48-68-B-b
xóm Phú Xuân	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 26' 18"	105° 55' 14"					F-48-68-B-b
xóm Tam Xuân	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 38"	105° 54' 46"					F-48-68-B-b
xóm Thái Hòa	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 07"	105° 55' 22"					F-48-68-B-b
xóm Bình Giang	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 09' 00"	105° 55' 21"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình			21° 29' 02"	105° 55' 05"	21° 28' 16"	105° 56' 53"	F-48-68-B-b
xóm Chiễn	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 40"	105° 56' 18"					F-48-68-B-b
xóm Hanh	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 42"	105° 55' 23"					F-48-68-B-b
cầu Mây	KX	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 28' 21"	105° 56' 55"					F-48-68-B-b
xóm Mịt	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 07' 60"	105° 56' 12"					F-48-68-B-b
xóm Nhã Lộng	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 09"	105° 56' 08"					F-48-68-B-b
cầu Quyết Tiến	KX	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 28' 23"	105° 55' 29"					F-48-68-B-b
xóm Sau	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 07' 55"	105° 55' 50"					F-48-68-B-b
xóm Soi	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 30"	105° 56' 10"					F-48-68-B-b
xóm Thanh Đàm	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 53"	105° 55' 34"					F-48-68-B-b
xóm Trại	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 21"	105° 55' 59"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Triều Dương	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 42"	105° 55' 41"					F-48-68-B-b
xóm Xúm	DC	xã Nhã Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 06"	105° 56' 00"					F-48-68-B-b
xóm Diễn	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 26' 60"	106° 01' 25"					F-48-69-A-a
xóm Diễn Cầu	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 17"	106° 01' 01"					F-48-69-A-a
xóm Lềnh	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 26' 21"	106° 01' 10"					F-48-69-A-a
xóm Lũa	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 30"	106° 02' 40"					F-48-69-A-a
xóm Ngò Thái	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 41"	106° 02' 36"					F-48-69-A-a
xóm Ngoài	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 11"	106° 01' 29"					F-48-69-A-a
xóm Ngọc Lý	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 11"	106° 02' 12"					F-48-69-A-a
xóm Ngọc Sơn	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 02"	106° 02' 34"					F-48-69-A-a
xóm Quại	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 26' 29"	106° 00' 57"					F-48-69-A-a
xóm Quẫn	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 28' 15"	106° 02' 07"					F-48-69-A-a
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 26' 40"	106° 02' 22"					F-48-69-A-a
xóm Tân Thịnh	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 32"	106° 01' 46"					F-48-69-A-a
xóm Vàng	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 26' 53"	106° 01' 41"					F-48-69-A-a
xóm Viên	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 02"	106° 01' 48"					F-48-69-A-a
xóm Cà	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 29' 07"	106° 00' 50"					F-48-69-A-a
xóm Chần Mấm	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 11"	106° 00' 39"					F-48-69-A-a
xóm Đồng Ca	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 00"	106° 01' 23"					F-48-69-A-a
xóm Giàn	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 29' 07"	105° 59' 34"					F-48-68-B-b
xóm Giếng Mật	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 44"	106° 01' 12"					F-48-69-A-a
xóm Hân	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 47"	106° 00' 55"					F-48-69-A-a
xóm Hậu	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 20"	106° 00' 28"					F-48-69-A-a
xóm Làng Lê	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 29' 00"	106° 01' 30"					F-48-69-A-a
xóm Màng Giữa	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 31"	106° 01' 35"					F-48-69-A-a
xóm Ngò	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 48"	106° 00' 14"					F-48-69-A-a
xóm Tè	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 29"	106° 00' 15"					F-48-68-B-b
xóm Thanh Lương	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 13"	106° 00' 11"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trại Giữa	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 43"	106° 01' 49"					F-48-69-A-a
xóm Trụ Sở	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 44"	106° 00' 38"					F-48-69-A-a
xóm U	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 25"	105° 59' 39"					F-48-68-B-b
xóm Vàng	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 51"	106° 02' 05"					F-48-69-A-a
xóm Vàng Ngoài	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 36"	106° 02' 22"					F-48-69-A-a
xóm Vầu	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 57"	105° 59' 57"					F-48-68-B-b
xóm Vực Giảng	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 51"	106° 00' 23"					F-48-69-A-a
xóm Bằng Sơn	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 32' 48"	105° 57' 56"					F-48-56-D-d
xóm Cầu Cong	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 13"	105° 59' 04"					F-48-56-D-d
xóm Cầu Ngầm	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 32' 26"	105° 57' 44"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Bầu	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 32' 22"	105° 56' 23"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Đậu	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 32' 44"	105° 57' 16"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Tiến 1	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 22"	105° 57' 30"					F-48-56-D-d
hồ Hố Cóc	TV	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 41"	105° 58' 59"					F-48-56-D-d
xóm Kê	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 35"	105° 58' 34"					F-48-56-D-d
xóm Kim Bảng	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 51"	105° 57' 20"					F-48-56-D-d
xóm La Tú	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 47"	105° 57' 57"					F-48-56-D-d
xóm Làng Cả	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 21"	105° 58' 03"					F-48-56-D-d
xóm Na Ri	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 14"	105° 57' 24"					F-48-56-D-d
xóm Ngò	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 04"	105° 56' 51"					F-48-56-D-d
xóm Nông Trường	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 33"	105° 56' 29"					F-48-56-D-d
nông trường Tân Khánh	KX	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 39"	105° 56' 20"					F-48-56-D-d
xóm Thông	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 33"	105° 56' 58"					F-48-56-D-d
xóm Trại Mới	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 00"	105° 56' 08"					F-48-56-D-d
xóm Tranh	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 07"	105° 58' 38"					F-48-56-D-d
xóm Tre	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 36"	105° 57' 35"					F-48-56-D-d
xóm Bạch Thạch	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 30"	105° 58' 23"					F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bờ La	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 33' 05"	105° 59' 28"					F-48-56-D-d
xóm Châu	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 30"	105° 59' 10"					F-48-56-D-d
xóm Đèo Khê	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 32' 45"	105° 59' 29"					F-48-56-D-d
xóm Hải Minh	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 31' 46"	105° 59' 06"					F-48-56-D-d
suối Hải Minh	TV	xã Tân Kim	H. Phú Bình			21° 32' 11"	105° 59' 33"	21° 29' 54"	105° 57' 56"	F-48-68-B-b, F-48-68-B-d
xóm La Đao	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 31' 45"	105° 58' 26"					F-48-56-D-d
xóm La Muôi	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 32' 37"	105° 58' 37"					F-48-56-D-d
xóm Mỏn Hạ	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 29' 33"	105° 58' 28"					F-48-68-B-b
xóm Mỏn Thượng	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 29' 45"	105° 58' 00"					F-48-68-B-b
xóm Na Đuốc	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 31' 07"	105° 58' 04"					F-48-56-D-d
xóm Núi Chùa	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 29' 56"	105° 59' 22"					F-48-68-B-b
xóm Quyết Tiến	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 32' 35"	105° 58' 49"					F-48-56-D-d
hồ Tân Kim	TV	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 20"	105° 59' 45"					F-48-56-D-d
xóm Thòng Bong	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 11"	105° 59' 08"					F-48-56-D-d
xóm Trại	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 59"	105° 58' 24"					F-48-56-D-d
sông Trại Phong	TV	xã Tân Kim	H. Phú Bình			21° 31' 58"	105° 58' 32"	21° 28' 57"	105° 57' 33"	F-48-68-B-b, F-48-68-B-d
xóm Trạng Đài	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 11"	105° 58' 14"					F-48-56-D-d
xóm Xuân Lai	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 29' 07"	105° 57' 55"					F-48-68-B-b
xóm Cầu Muối	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 32' 28"	106° 00' 46"					F-48-57-C-c
núi Dốc Đá	SV	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 31' 51"	106° 01' 40"					F-48-57-C-c
xóm Đồng Bầu Trong	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 31' 40"	106° 00' 47"					F-48-57-C-c
xóm Đồng Bốn	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 30' 10"	106° 00' 50"					F-48-57-C-c
xóm Hòa Lâm	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 30' 21"	106° 01' 25"					F-48-57-C-c
xóm La Lẻ	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 30' 06"	106° 00' 07"					F-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Bì	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 32' 05"	106° 00' 56"					F-48-57-C-c
đập Ngọn Đồng	KX	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 30' 07"	106° 00' 16"					F-48-57-C-c
xóm Non Tranh	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 30' 46"	105° 59' 37"					F-48-56-D-d
xóm Suối Lửa	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 31' 12"	106° 01' 34"					F-48-57-C-c
xóm Tân Yên	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 32' 49"	106° 00' 26"					F-48-57-C-c
xóm Trại Gạo	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 29' 53"	106° 01' 33"					F-48-69-A-a
xóm Vo	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 29' 45"	106° 00' 20"					F-48-69-A-a
núi Các	SV	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 45"	106° 00' 38"					F-48-69-A-a
xóm Đồng Phú	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 25' 58"	106° 00' 19"					F-48-69-A-a
xóm Đồng Trong	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 57"	106° 00' 14"					F-48-69-A-a
xóm Hòa Bình 1	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 54"	106° 00' 03"					F-48-69-A-a
xóm Nam Hương 3	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 25' 54"	106° 00' 39"					F-48-69-A-a
xóm Phú Thanh 2	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 27"	105° 59' 36"					F-48-68-B-b
xóm Phú Yên	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 32"	106° 00' 29"					F-48-69-A-a
xóm Quán	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 25' 18"	106° 00' 04"					F-48-69-A-a
xóm Tiền Phong	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 25' 40"	106° 00' 06"					F-48-69-A-a
xóm Trại Mít	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 53"	106° 00' 33"					F-48-69-A-a
quốc lộ 37	KX	xã Thượng Đình	H. Phú Bình			21° 29' 20"	105° 54' 34"	21° 30' 03"	105° 54' 08"	F-48-68-B-b, F-48-68-D-d
xóm Bồng Lai	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 32"	105° 55' 12"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Thượng Đình	H. Phú Bình			21° 31' 03"	105° 54' 50"	21° 29' 03"	105° 55' 06"	F-48-68-B-b, F-48-68-D-d
ngòi Đóng Dõng	TV	xã Thượng Đình	H. Phú Bình			21° 30' 48"	105° 54' 01"	21° 30' 03"	105° 54' 41"	F-48-56-D-d
xóm Đồng Hà	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 30"	105° 55' 38"					F-48-68-B-b
xóm Đồng Hồ	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 30' 51"	105° 55' 03"					F-48-56-D-d
xóm Gò Lại	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 46"	105° 55' 34"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hàng Tài	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 23"	105° 54' 36"					F-48-68-B-b
xóm Hòa Bình	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 14"	105° 55' 01"					F-48-68-B-b
xóm Hòa Thịnh	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 46"	105° 55' 18"					F-48-68-B-b
xóm Huống	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 52"	105° 54' 33"					F-48-68-B-b
xóm Ngọc Tâm	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 18"	105° 53' 57"					F-48-68-B-b
xóm Nhân Minh	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 17"	105° 53' 38"					F-48-68-B-b
xóm Rô	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 41"	105° 54' 37"					F-48-68-B-b
xóm Tân Lập	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 30' 04"	105° 54' 35"					F-48-56-D-d
cầu Thượng Đình	KX	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 19"	105° 54' 35"					F-48-68-B-b
cầu Thượng Đình 2	KX	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 38"	105° 54' 26"					F-48-68-B-b
xóm Trại Mới	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 30' 32"	105° 54' 58"					F-48-56-D-d
xóm Vũ Chấn	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 30' 35"	105° 54' 07"					F-48-56-D-d
xóm Đầm 2	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 26' 19"	105° 56' 06"					F-48-68-B-b
xóm Giữa	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 26' 53"	105° 56' 17"					F-48-68-B-b
xóm Nam 2	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 26' 37"	105° 55' 49"					F-48-68-B-b
xóm Soi 1	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 26' 36"	105° 56' 40"					F-48-68-B-b
xóm Trại	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 28' 04"	105° 56' 47"					F-48-68-B-b
xóm Úc Kỳ	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 27' 29"	105° 56' 42"					F-48-68-B-b
xóm Giữa	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 27' 08"	105° 58' 02"					F-48-68-B-b
xóm Hạnh Phúc	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 26' 50"	105° 56' 58"					F-48-68-B-b
xóm Hin	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 27' 37"	105° 57' 59"					F-48-68-B-b
xóm Kiều Chính	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 28' 31"	105° 57' 13"					F-48-68-B-b
xóm Ngoài	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 27' 17"	105° 57' 39"					F-48-68-B-b
xóm Thắng Lợi	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 27' 20"	105° 57' 00"					F-48-68-B-b
cầu Thác Lở	KX	TT. Đu	H. Phú Lương	21° 44' 04"	105° 42' 11"					F-48-56-C-b
xóm Thọ Lâm	DC	TT. Đu	H. Phú Lương	21° 43' 31"	105° 42' 11"					F-48-56-C-b
sông Đu	TV	TT. Giang Tiên	H. Phú Lương			21° 40' 04"	105° 43' 14"	21° 40' 21"	105° 44' 31"	F-48-56-C-b
xóm Giang Khánh	DC	TT. Giang Tiên	H. Phú Lương	21° 41' 04"	105° 44' 01"					F-48-56-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu Giang Tân	DC	TT. Giang Tiên	H. Phú Lương	21° 40' 30"	105° 43' 31"					F-48-56-C-b
cầu Giang Tiên	KX	TT. Giang Tiên	H. Phú Lương	21° 40' 11"	105° 44' 19"					F-48-56-C-b
mỏ than Phấn Mễ	KX	TT. Giang Tiên	H. Phú Lương	21° 40' 41"	105° 43' 43"					F-48-56-C-b
xóm 7	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 38' 26"	105° 45' 54"					F-48-56-D-a
quốc lộ 37	KX	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương			21° 38' 47"	105° 45' 22"	21° 38' 12"	105° 44' 37"	F-48-56-C-b, F-48-56-D-a
xóm Bá Sơn	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 37' 44"	105° 45' 22"					F-48-56-D-a
xóm Bãi Nha	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 38' 33"	105° 44' 47"					F-48-56-C-b
xóm Bờ Đậu	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 38' 43"	105° 45' 22"					F-48-56-D-a
xóm Cây Lán	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 38' 50"	105° 44' 51"					F-48-56-C-b
xóm Cây Thị	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 25"	105° 44' 33"					F-48-56-C-b
núi Chùa	SV	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 38' 23"	105° 45' 31"					F-48-56-D-a
xóm Cổ Lũng	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 37"	105° 43' 58"					F-48-56-C-b
xóm Đồi Chè	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 40' 10"	105° 44' 50"					F-48-56-C-b
xóm Đông	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 45"	105° 45' 59"					F-48-56-D-a
sông Đu	TV	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương			21° 38' 47"	105° 46' 36"	21° 39' 50"	105° 43' 44"	F-48-56-C-b, F-48-56-D-a
xóm Đường Goòng	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 11"	105° 44' 23"					F-48-56-C-b
cầu Giang Tiên	KX	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 40' 11"	105° 44' 19"					F-48-56-C-b
mỏ than Khánh Hòa	KX	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 37' 44"	105° 45' 37"					F-48-56-D-a
xóm Nam Sơn	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 37' 59"	105° 45' 32"					F-48-56-D-a
xóm Phan	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 43"	105° 45' 11"					F-48-56-D-a
cầu Phú Sơn 4	KX	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 48"	105° 46' 21"					F-48-56-D-a
trại giam Phú Sơn 4	KX	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 40' 13"	105° 45' 36"					F-48-56-D-a
quốc lộ 3	KX	xã Động Đạt	H. Phú Lương			21° 42' 49"	105° 43' 01"	21° 46' 37"	105° 42' 23"	F-48-56-A-d
xóm Ao Sen	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 46' 06"	105° 42' 52"					F-48-56-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cầu Lân	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 03"	105° 42' 57"					F-48-56-C-b
xóm Cây Châm	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 44' 00"	105° 41' 32"					F-48-56-C-b
xóm Cây Hồng	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 44' 49"	105° 43' 17"					F-48-56-C-b
xóm Chảo	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 40"	105° 41' 37"					F-48-56-C-b
xóm Cộng Hòa	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 46' 35"	105° 42' 44"					F-48-56-A-d
xóm Đồng Chằm	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 45' 41"	105° 42' 21"					F-48-56-A-d
xóm Đồng Nghè 2	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 36"	105° 40' 34"					F-48-56-C-b
xóm Đồng Nội	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 45' 16"	105° 41' 49"					F-48-56-A-d
sông Đu	TV	xã Động Đạt	H. Phú Lương			21° 41' 59"	105° 41' 28"	21° 43' 19"	105° 41' 59"	F-48-56-C-b
xóm Khe Nác	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 47' 51"	105° 43' 23"					F-48-56-A-d
suối Khe Nác	TV	xã Động Đạt	H. Phú Lương			21° 48' 01"	105° 43' 29"	21° 47' 09"	105° 42' 38"	F-48-56-A-d
xóm Lê	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 49"	105° 42' 21"					F-48-56-C-b
xóm Mạ	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 44' 45"	105° 42' 54"					F-48-56-C-b
xóm Phố Đuổm	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 45' 17"	105° 42' 43"					F-48-56-A-d
xóm Tân Lập	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 56"	105° 41' 57"					F-48-56-C-b
xóm Thái An	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 43"	105° 42' 33"					F-48-56-C-b
xóm Vườn Thông	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 44' 57"	105° 42' 13"					F-48-56-C-b
suối Bến Gió	TV	xã Hợp Thành	H. Phú Lương			21° 46' 05"	105° 38' 40"	21° 45' 52"	105° 37' 28"	F-48-56-A-d
xóm Kết Thành	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 45' 40"	105° 39' 29"					F-48-56-A-d
xóm Khôn Lân	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 44' 14"	105° 39' 00"					F-48-56-C-b
xóm Mãn Quang	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 45' 47"	105° 38' 53"					F-48-56-A-d
xóm Mới	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 45' 06"	105° 38' 40"					F-48-56-A-d
xóm Mon	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 44' 48"	106° 38' 59"					F-48-56-C-b
xóm Phú Pài	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 46' 12"	105° 39' 04"					F-48-56-A-d
xóm Phú Thành	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 46' 07"	105° 39' 24"					F-48-56-A-d
xóm Tiến Bộ	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 45' 14"	105° 39' 00"					F-48-56-A-d
núi Ton Dênh	SV	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 43' 44"	105° 39' 14"					F-48-56-C-b
cầu Bến Gió	KX	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 28"	105° 39' 22"					F-48-56-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cái	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 55"	105° 38' 46"					F-48-56-A-d
xóm Cây Thị	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 34"	105° 38' 50"					F-48-56-A-d
xóm Cọ	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 12"	105° 38' 47"					F-48-56-A-d
xóm Đầm Rum	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 47' 15"	105° 39' 17"					F-48-56-A-d
xóm Khau Lai	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 34"	105° 38' 48"					F-48-56-A-d
cầu Mặt Trăng	KX	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 45' 49"	105° 37' 47"					F-48-56-A-d
sông Nà Dau	TV	xã Ôn Lương	H. Phú Lương			21° 47' 31"	105° 40' 33"	21° 46' 16"	105° 40' 04"	F-48-56-A-d
xóm Nà Păng	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 48"	105° 38' 45"					F-48-56-A-d
xóm Nà Tủn	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 54"	105° 39' 18"					F-48-56-A-d
xóm Thôm Đông	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 47' 06"	105° 38' 56"					F-48-56-A-d
xóm Thôm Trung	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 48' 00"	105° 38' 42"					F-48-56-A-d
quốc lộ 3	KX	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương			21° 41' 16"	105° 43' 57"	21° 42' 49"	105° 43' 01"	F-48-56-C-b
xóm Bầu 1	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 47"	105° 42' 06"					F-48-56-C-b
xóm Bầu 2	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 22"	105° 41' 59"					F-48-56-C-b
xóm Bò 1	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 10"	105° 43' 28"					F-48-56-C-b
xóm Bún 2	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 40' 33"	105° 43' 07"					F-48-56-C-b
núi Chúa	SV	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 11"	105° 41' 04"					F-48-56-C-b
xóm Cọ 1	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 60"	105° 41' 58"					F-48-56-C-b
sông Đu	TV	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương			21° 43' 19"	105° 41' 59"	21° 40' 04"	105° 43' 14"	F-48-56-C-b
xóm Giang 1	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 40' 53"	105° 42' 34"					F-48-56-C-b
xóm Giang 2	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 40' 30"	105° 42' 33"					F-48-56-C-b
xóm Hái Hoa	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 06"	105° 42' 33"					F-48-56-C-b
xóm Hin	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 14"	105° 41' 39"					F-48-56-C-b
xóm Hoa 1	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 53"	105° 42' 30"					F-48-56-C-b
xóm Hoa 2	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 23"	105° 42' 46"					F-48-56-C-b
xóm Lân 1	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 48"	105° 42' 24"					F-48-56-C-b
xóm Lân 2	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 31"	105° 42' 21"					F-48-56-C-b
xóm Làng Chò	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 44"	105° 43' 50"					F-48-56-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Mài	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 39"	105° 43' 22"					F-48-56-C-b
xóm Mỹ Khanh	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 25"	105° 43' 55"					F-48-56-C-b
xóm Ngọc Tiến	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 04"	105° 41' 21"					F-48-56-C-b
xóm Phố Gia 2	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 58"	105° 43' 47"					F-48-56-C-b
xóm Phú Sơn	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 06"	105° 42' 21"					F-48-56-C-b
xóm Phú Yên	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 23"	105° 41' 52"					F-48-56-C-b
xóm Rốc Mâu	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 42"	105° 43' 46"					F-48-56-C-b
xóm Tân Hoà	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 14"	105° 43' 36"					F-48-56-C-b
xóm Tràng Học	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 33"	105° 43' 06"					F-48-56-C-b
xóm Ao Cống	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 43' 09"	105° 48' 02"					F-48-56-D-a
xóm Chang	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 44' 37"	105° 47' 52"					F-48-56-D-a
cầu Đá	KX	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 43' 41"	105° 47' 27"					F-48-56-D-a
đèo Khê	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 46' 10"	105° 47' 54"					F-48-56-B-c
núi Khe Ấm	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 56"	105° 47' 17"					F-48-56-B-c
suối Khe Ấm	TV	xã Phú Đô	H. Phú Lương			21° 46' 23"	105° 47' 06"	21° 45' 23"	105° 46' 25"	F-48-56-B-c
suối Khe Cái	TV	xã Phú Đô	H. Phú Lương			21° 45' 05"	105° 46' 57"	21° 42' 28"	105° 47' 54"	F-48-56-D-a
suối Khe Lanh	TV	xã Phú Đô	H. Phú Lương			21° 43' 27"	105° 49' 00"	21° 43' 08"	105° 48' 58"	F-48-56-D-a
xóm Khe Vàng 2	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 43' 17"	105° 47' 27"					F-48-56-D-a
xóm Khe Vàng 3	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 43' 44"	105° 47' 15"					F-48-56-D-a
suối Lềng	TV	xã Phú Đô	H. Phú Lương			21° 46' 00"	105° 46' 07"	21° 45' 30"	105° 46' 24"	F-48-56-B-c
núi Lềng	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 41"	105° 46' 23"					F-48-56-B-c
xóm Nà Sàng	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 46' 08"	105° 46' 51"					F-48-56-B-c
núi Péc	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 20"	105° 47' 18"					F-48-56-B-c
núi Phật	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 44' 28"	105° 47' 23"					F-48-56-D-a
xóm Phú Bắc	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 44' 47"	105° 47' 23"					F-48-56-B-c
đèo Phú Đô	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 49"	105° 46' 18"					F-48-56-B-c
xóm Phú Đô 2	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 47"	105° 46' 40"					F-48-56-B-c
xóm Phú Thọ	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 50"	105° 47' 01"					F-48-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tằn Măn	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 42' 50"	105° 48' 34"					F-48-56-D-a
xóm Vu 1	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 13"	105° 46' 50"					F-48-56-B-c
quốc lộ 37	KX	xã Phủ Lý	H. Phú Lương			21° 46' 14"	105° 40' 00"	21° 44' 32"	105° 41' 24"	F-48-56-A-d
xóm Đồng Chợ	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 45' 32"	105° 40' 35"					F-48-56-A-d
xóm Đồng Rôm	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 46' 10"	105° 40' 01"					F-48-56-A-d
sông Đu	TV	xã Phủ Lý	H. Phú Lương			21° 46' 16"	105° 40' 04"	21° 44' 34"	105° 41' 28"	F-48-56-A-d
xóm Eng	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 44' 45"	105° 39' 21"					F-48-56-C-b
xóm Gò Bông	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 44' 48"	105° 39' 55"					F-48-56-C-b
xóm Hiệp Hòa	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 44' 16"	105° 39' 33"					F-48-56-C-b
xóm Khe Ván	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 47' 19"	105° 40' 38"					F-48-56-A-d
xóm Khôn Rây	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 45' 17"	105° 40' 25"					F-48-56-A-d
xóm Nà Biểu	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 45' 56"	105° 40' 38"					F-48-56-A-d
xóm Nà Dau	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 46' 43"	105° 40' 35"					F-48-56-A-d
cầu Nà Lâu	KX	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 45' 19"	105° 40' 49"					F-48-56-A-d
xóm Nà Mọn	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 44' 41"	105° 40' 07"					F-48-56-C-b
xóm Tân Chính	DC	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 44' 53"	105° 40' 24"					F-48-56-C-b
núi Trang	SV	xã Phủ Lý	H. Phú Lương	21° 44' 46"	105° 40' 48"					F-48-56-C-b
quốc lộ 3	KX	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương			21° 37' 22"	105° 47' 25"	21° 38' 21"	105° 45' 59"	F-48-56-D-a
xóm Bến Giềng	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 38' 23"	105° 47' 06"					F-48-56-D-a
xóm Cao Sơn	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 37' 17"	105° 46' 36"					F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương			21° 40' 03"	105° 47' 21"	21° 37' 09"	105° 48' 23"	F-48-56-D-a
Trường Công nhân Kỹ thuật Mỏ	KX	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 38' 12"	105° 47' 29"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Xe	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 37' 39"	105° 48' 01"					F-48-56-D-a
núi Han	SV	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 38' 35"	105° 47' 55"					F-48-56-D-a
Trại giam Phú Sơn 4	KX	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 39' 22"	105° 46' 23"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Quang Trung 2	DC	xã Sơn Cẩm	H. Phú Lương	21° 38' 38"	105° 47' 19"					F-48-56-D-a
xóm Số 6	DC	xã Sơn Cẩm	H. Phú Lương	21° 37' 35"	105° 47' 11"					F-48-56-D-a
xóm Số 7	DC	xã Sơn Cẩm	H. Phú Lương	21° 38' 01"	105° 46' 42"					F-48-56-D-a
xóm Sơn Cẩm	DC	xã Sơn Cẩm	H. Phú Lương	21° 38' 02"	105° 47' 36"					F-48-56-D-a
núi Sơn Cẩm	SV	xã Sơn Cẩm	H. Phú Lương	21° 37' 59"	105° 46' 19"					F-48-56-D-a
xóm Thanh Trà	DC	xã Sơn Cẩm	H. Phú Lương	21° 39' 39"	105° 47' 31"					F-48-56-D-a
xóm Thanh Trà 1	DC	xã Sơn Cẩm	H. Phú Lương	21° 39' 19"	105° 47' 00"					F-48-56-D-a
xóm Bãi Bằng	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 52"	105° 44' 23"					F-48-56-C-b
xóm Cây Thị	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 45"	105° 46' 19"					F-48-56-D-a
xóm Đan Khê	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 53"	105° 46' 34"					F-48-56-D-a
suối Đồng Chùa	TV	xã Tức Tranh	H. Phú Lương			21° 42' 49"	105° 45' 31"	21° 42' 26"	105° 46' 43"	F-48-56-D-a
xóm Đồng Danh	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 59"	105° 45' 20"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Lường	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 43' 28"	105° 46' 20"					F-48-56-D-a
suối Đồng Lường	TV	xã Tức Tranh	H. Phú Lương			21° 43' 44"	105° 46' 39"	21° 43' 15"	105° 46' 20"	F-48-56-D-a
xóm Đồng Tâm	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 44' 19"	105° 45' 44"					F-48-56-D-a
suối Đồng Tâm	TV	xã Tức Tranh	H. Phú Lương			21° 45' 19"	105° 45' 41"	21° 44' 41"	105° 45' 55"	F-48-56-D-a
xóm Đồng Tiến	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 45' 21"	105° 45' 49"					F-48-56-B-c
xóm Gốc Cọ	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 43' 53"	105° 45' 59"					F-48-56-D-a
xóm Gốc Gạo	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 15"	105° 47' 23"					F-48-56-D-a
suối Khe Cái	TV	xã Tức Tranh	H. Phú Lương			21° 44' 41"	105° 45' 55"	21° 41' 54"	105° 47' 09"	F-48-56-D-a
xóm Khe Cốc	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 39"	105° 44' 38"					F-48-56-C-b
xóm Minh Hợp	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 43' 16"	105° 44' 37"					F-48-56-C-b
xóm Ngoài Tranh	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 52"	105° 46' 42"					F-48-56-D-a
xóm Thôm Găng	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 25"	105° 45' 36"					F-48-56-D-a
suối Thôm Găng	TV	xã Tức Tranh	H. Phú Lương			21° 42' 21"	105° 46' 11"	21° 42' 21"	105° 47' 03"	F-48-56-D-a
xóm Bình Long	DC	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 46"	105° 44' 44"					F-48-56-C-b
sông Cầu	TV	xã Vô Tranh	H. Phú Lương			21° 41' 40"	105° 47' 03"	21° 40' 01"	105° 47' 23"	F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cầu Bình	DC	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 31"	105° 44' 35"					F-48-56-C-b
suối Cầu Dạt	TV	xã Vô Tranh	H. Phú Lương			21° 42' 19"	105° 45' 07"	21° 40' 28"	105° 45' 13"	F-48-56-D-a
xóm Liên Đồng	DC	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 42"	105° 46' 28"					F-48-56-D-a
xóm Liên Hồng 3	DC	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 11"	105° 46' 11"					F-48-56-D-a
xóm Liên Hồng 7	DC	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 46"	105° 45' 43"					F-48-56-D-a
núi Lim	SV	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 47"	105° 46' 25"					F-48-56-D-a
xóm Phú Lương	DC	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 12"	105° 46' 31"					F-48-56-D-a
trại giam Phú Sơn 4	KX	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 39' 49"	105° 46' 29"					F-48-56-D-a
xóm Thống Nhất	DC	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 36"	105° 47' 04"					F-48-56-D-a
cầu Thống Nhất	KX	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 19"	105° 45' 30"					F-48-56-D-a
xóm Toàn Thắng	DC	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 21"	105° 47' 11"					F-48-56-D-a
núi Trà Lâu	SV	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 58"	105° 46' 57"					F-48-56-D-a
xóm Trung Thành	DC	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 33"	105° 45' 23"					F-48-56-D-a
xóm Việt Hưng	DC	xã Vô Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 47"	105° 44' 32"					F-48-56-C-b
suối Xoan Đào	TV	xã Vô Tranh	H. Phú Lương			21° 41' 13"	105° 45' 52"	21° 41' 40"	105° 47' 03"	F-48-56-D-a
quốc lộ 3	KX	xã Yên Đổ	H. Phú Lương			21° 49' 56"	105° 42' 59"	21° 46' 36"	105° 42' 24"	F-A-56-A-d
xóm An Thắng	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 49' 37"	105° 41' 22"					F-A-56-A-d
xóm Ao Then	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 50' 20"	105° 42' 29"					F-A-56-A-d
xóm Ba Tư	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 49' 41"	105° 42' 34"					F-A-56-A-d
xóm Cây Khế	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 49' 19"	105° 41' 42"					F-A-56-A-d
xóm Cây Trẹo	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 47' 33"	105° 42' 02"					F-A-56-A-d
xóm Đá Mài	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 49' 34"	105° 42' 00"					F-A-56-A-d
xóm Đồng Chùa	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 46' 59"	105° 41' 49"					F-A-56-A-d
xóm Gia Trống	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 48' 36"	105° 42' 00"					F-A-56-A-d
xóm Gốc Vải	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 46' 37"	105° 42' 04"					F-A-56-A-d
xóm Hạ	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 47' 53"	105° 40' 41"					F-A-56-A-d
xóm Hang Thắm	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 48' 26"	105° 43' 58"					F-A-56-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hin	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 47' 35"	105° 42' 54"					F-A-56-A-d
xóm Kẻm	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 47' 44"	105° 42' 52"					F-A-56-A-d
núi Khau Luông	SV	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 49' 21"	105° 43' 22"					F-A-56-A-d
xóm Khe Mác	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 48' 32"	105° 44' 06"					F-A-56-A-d
xóm Khe Thượng	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 46' 19"	105° 41' 46"					F-A-56-A-d
xóm Khe Trì	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 48' 40"	105° 43' 59"					F-A-56-A-d
cầu Khôn Lồng	KX	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 48' 32"	105° 41' 02"					F-A-56-A-d
xóm Lang	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 47' 17"	105° 42' 11"					F-A-56-A-d
xóm Lũng Cuội	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 48' 30"	105° 43' 46"					F-A-56-A-d
xóm Phố Trào	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 47' 46"	105° 42' 32"					F-A-56-A-d
xóm Thẩm Trào	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 49' 49"	105° 42' 22"					F-A-56-A-d
xóm Thanh Thế	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 47' 17"	105° 41' 42"					F-A-56-A-d
xóm Thượng	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 48' 35"	105° 41' 07"					F-A-56-A-d
xóm Trung	DC	xã Yên Đổ	H. Phú Lương	21° 48' 25"	105° 40' 41"					F-A-56-A-d
núi Ao Đồng	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 49' 02"	105° 45' 08"					F-A-56-B-c
sông Ao Đồng	TV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương			21° 49' 04"	105° 45' 36"	21° 48' 05"	105° 44' 20"	F-A-56-B-c, F-A-56-A-d
xóm Ao Lác	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 31"	105° 45' 19"					F-A-56-B-c
xóm Cầu Đá	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 28"	105° 46' 02"					F-A-56-B-c
xóm Cây Thị	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 41"	105° 46' 14"					F-A-56-B-c
xóm Đầu	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 47' 41"	105° 44' 48"					F-A-56-A-d
núi Đèo Bụt	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 09"	105° 46' 35"					F-A-56-B-c
xóm Đồng Bòng	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 44' 33"	105° 44' 40"					F-A-56-C-b
xóm Đồng Mỏ	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 47' 42"	105° 45' 43"					F-A-56-B-c
suối Đồng Xiêm	TV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương			21° 48' 04"	105° 45' 36"	21° 47' 06"	105° 45' 47"	F-A-56-B-c
núi Gianh	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 33"	105° 45' 29"					F-A-56-B-c
đèo Gianh	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 36"	105° 46' 01"					F-A-56-B-c
núi Hang Xa	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 47' 22"	105° 46' 23"					F-A-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kim Lan	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 44' 16"	105° 44' 02"					F-A-56-C-b
xóm Làng Lớn	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 47' 10"	105° 45' 36"					F-A-56-B-c
suối Lũng Cùng	TV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương			21° 46' 37"	105° 45' 50"	21° 45' 11"	105° 44' 35"	F-A-56-B-c
xóm Mương Găng	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 44"	105° 45' 43"					F-A-56-B-c
xóm Nà Mụ	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 45' 36"	105° 43' 44"					F-A-56-A-d
đèo Nam	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 59"	105° 45' 11"					F-A-56-B-c
núi Nhà Tây	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 57"	105° 46' 11"					F-A-56-B-c
xóm Ó	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 07"	105° 44' 33"					F-A-56-A-d
đèo Ó	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 11"	105° 45' 25"					F-A-56-B-c
đèo Ông Đông	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 47' 38"	105° 45' 22"					F-A-56-B-c
núi Tán	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 14"	105° 45' 27"					F-A-56-B-c
xóm Tiên Thông A	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 34"	105° 45' 04"					F-A-56-B-c
xóm Tiên Thông B	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 19"	105° 44' 13"					F-A-56-A-d
xóm Yên Thủy 1	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 45' 58"	105° 44' 31"					F-A-56-A-d
xóm Yên Thủy 2	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 45' 18"	105° 44' 10"					F-A-56-A-d
xóm Yên Thủy 5	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 43' 50"	105° 44' 18"					F-A-56-C-b
quốc lộ 3	KX	xã Yên Ninh	H. Phú Lương			21° 52' 57"	105° 46' 11"	21° 49' 56"	105° 42' 59"	F-48-56-B-a, F-48-56-A
xóm Ba Họ	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 50' 10"	105° 45' 11"					F-48-56-B-c
xóm Ba Luồng	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 53' 49"	105° 46' 01"					F-48-56-B-a
hồ Bình Dương	TV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 51' 29"	105° 44' 01"					F-48-56-A
sông Chợ Chu	TV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương			21° 52' 57"	105° 46' 12"	21° 54' 12"	105° 43' 35"	F-48-56-B-a F-48-56-A
núi Đan Đen	SV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 51' 31"	105° 45' 35"					F-48-56-B-c
xóm Đồng Danh	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 50' 35"	105° 43' 12"					F-48-56-A
sông Đồng Giang	TV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương			21° 50' 47"	105° 43' 39"	21° 52' 28"	105° 44' 45"	F-48-56-A
xóm Đồng Kèm 4	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 41"	105° 43' 55"					F-48-56-A
xóm Đông Phú 1	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 19"	105° 44' 24"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông Phú 2	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 59"	105° 44' 13"					F-48-56-A
xóm Khe Khoang	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 54' 11"	105° 45' 40"					F-48-56-B-a
núi Khôn Thung	SV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 00"	105° 45' 30"					F-48-56-B-c
khau Khưu	SV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 54' 34"	105° 45' 28"					F-48-56-B-a
xóm Làng Muông	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 53' 53"	105° 44' 46"					F-48-56-B-a
hồ Pác Nho	TV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 49"	105° 43' 56"					F-48-56-A
xóm Suối Bốc	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 41"	105° 45' 36"					F-48-56-B-a
xóm Suối Hang	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 01"	105° 44' 46"					F-48-56-A
xóm Yên Phú	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 51' 36"	105° 44' 10"					F-48-56-A
sông Yên Trạch	TV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương			21° 52' 22"	105° 43' 24"	21° 52' 28"	105° 44' 45"	F-48-56-A
xóm Bài Kinh	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 05"	105° 41' 46"					F-A-56-A
xóm Bản Cái	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 50' 59"	105° 40' 03"					F-A-56-A
núi Chu Pa	SV	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 22"	105° 40' 20"					F-48-56-A
hồ Cò Tẳng	TV	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 23"	105° 42' 00"					F-48-56-A
xóm Đin Đeng	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 06"	105° 42' 12"					F-A-56-A
xóm Đông Quốc	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 01"	105° 43' 16"					F-A-56-A
xóm Héo	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 51' 29"	105° 40' 26"					F-A-56-A
xóm Khau Đu	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 51' 36"	105° 42' 18"					F-A-56-A
xóm Khôn Cươm	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 51' 04"	105° 41' 42"					F-A-56-A
xóm Khôn Lặng	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 49' 55"	105° 40' 41"					F-A-56-A
hồ Nà Liên	TV	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 51' 48"	105° 40' 47"					F-48-56-A
xóm Nà Mẩy	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 50' 53"	105° 40' 55"					F-A-56-A
xóm Nà Pháng	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 50' 28"	105° 40' 12"					F-A-56-A
xóm Nông	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 23"	105° 42' 22"					F-A-56-A
hồ Thôm Căng	TV	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 51' 43"	105° 43' 06"					F-48-56-A
tổ Cổ Rồng	DC	TT. Đình Cả	H. Võ Nhai	21° 38' 00"	106° 04' 38"					F-48-57-A-c
cầu Đình Cả	KX	TT. Đình Cả	H. Võ Nhai	21° 45' 07"	106° 04' 26"					F-48-57-A-c
xóm Làng Lường	DC	TT. Đình Cả	H. Võ Nhai	21° 45' 25"	106° 03' 37"					F-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Rắn	KX	TT. Đình Cả	H. Võ Nhai	21° 45' 04"	106° 03' 54"					F-48-57-A-c
tổ Tiền Phong	DC	TT. Đình Cả	H. Võ Nhai	21° 45' 38"	106° 04' 18"					F-48-57-A-c
xóm An Bình	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 29"	106° 11' 36"					F-48-57-C-b
xóm An Long	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 29"	106° 10' 38"					F-48-57-C-b
xóm Bậu	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 05"	106° 11' 01"					F-48-57-C-b
xóm Bứa	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 37' 35"	106° 10' 10"					F-48-57-C-b
núi Cạm Lợn	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 40' 18"	106° 09' 50"					F-48-57-C-b
xóm Cây Trôi	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 05"	106° 10' 48"					F-48-57-C-b
xóm Chiến Thắng	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 42"	106° 09' 54"					F-48-57-C-b
xóm Chịp	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 37' 37"	106° 11' 02"					F-48-57-C-b
xóm Chùa	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 37' 58"	106° 10' 12"					F-48-57-C-b
đèo Duối	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 37' 37"	106° 10' 39"					F-48-57-C-b
xóm Đại Long	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 46"	106° 10' 34"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Tiến	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 57"	106° 09' 41"					F-48-57-C-b
đèo Giao	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 40' 13"	106° 09' 24"					F-48-57-C-b
núi Hang Ốc	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 38' 24"	106° 10' 33"					F-48-57-C-b
núi Lân Vong	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 38' 42"	106° 09' 56"					F-48-57-C-b
xóm Long Thành	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 40' 05"	106° 10' 56"					F-48-57-C-b
xóm Nà Đăm	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 20"	106° 09' 39"					F-48-57-C-b
xóm Nà Sọc	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 14"	106° 09' 53"					F-48-57-C-b
suối Nậm Cam	TV	xã Bình Long	H. Võ Nhai			21° 37' 23"	106° 11' 42"	21° 36' 29"	106° 10' 44"	F-48-57-C-d
xóm Ót Dải	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 20"	106° 10' 54"					F-48-57-C-b
xóm Phố	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 38' 45"	106° 11' 05"					F-48-57-C-b
xóm Quảng Phúc	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 37' 53"	106° 10' 44"					F-48-57-C-b
xóm Trại Rẽo	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 41"	106° 11' 15"					F-48-57-C-b
sông Trung	TV	xã Bình Long	H. Võ Nhai			21° 39' 13"	106° 09' 35"	21° 38' 41"	106° 11' 22"	F-48-57-C-b
xóm Vẽn	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 07"	106° 10' 13"					F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Xuất Tác	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 40' 46"	106° 11' 13"					F-48-57-C-b
xóm Bình Sơn	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 46' 04"	105° 58' 40"					F-48-56-B-d
suối Bốc	TV	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai			21° 47' 28"	105° 59' 31"	21° 46' 19"	105° 58' 19"	F-48-56-B-d
suối Đồng Heo	TV	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai			21° 45' 41"	105° 57' 02"	21° 44' 18"	105° 56' 21"	F-48-56-b-d, F-48-56-B-b
xóm Lam Sơn	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 46' 20"	105° 58' 29"					F-48-56-B-d
xóm Lân Thia	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 47' 08"	105° 57' 43"					F-48-56-B-d
xóm Mỏ Chì (khu B)	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 44' 50"	105° 57' 55"					F-48-56-D-b
suối Nhò	TV	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai			21° 46' 45"	105° 59' 24"	21° 46' 21"	105° 58' 59"	F-48-56-B-d
xóm Nước Hai	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 45' 17"	105° 57' 00"					F-48-56-B-d
suối Tin Khau	TV	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai			21° 45' 36"	105° 58' 59"	21° 45' 58"	105° 58' 37"	F-48-56-B-d
xóm Trường Sơn	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 45' 38"	105° 57' 27"					F-48-56-B-d
đường tỉnh 242	KX	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			21° 40' 30"	106° 06' 39"	21° 40' 01"	106° 09' 26"	F-48-57-C-a, F-4857-C-b
xóm Ba Phiêng (Ba Phjêng)	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 41"	106° 08' 59"					F-48-57-C-b
xóm Bặc Hà	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 37' 37"	106° 07' 02"					F-48-57-C-a
xóm Bắc Phong	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 58"	106° 07' 49"					F-48-57-C-b
xóm Chẽ	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 04"	106° 08' 07"					F-48-57-C-b
núi Chỏm Vung	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 37' 33"	106° 08' 28"					F-48-57-C-b
suối Đá Mài	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			21° 38' 07"	106° 07' 01"	21° 37' 56"	106° 06' 00"	F-48-57-C-a
xóm Đoàn Kết	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 51"	106° 08' 27"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Chuối	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 11"	106° 07' 44"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Quán	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 16"	106° 07' 50"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Rã	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 41' 37"	106° 08' 18"					F-48-57-C-b
suối Đồng Voi	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			21° 37' 59"	106° 06' 53"	21° 38' 12"	106° 05' 56"	F-48-57-C-b
xóm Đồng Vòi	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 38' 47"	106° 09' 29"					F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Giang	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 38' 49"	106° 05' 56"					F-48-57-C-a
núi Hang Huyện	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 09"	106° 06' 47"					F-48-57-C-a
núi Lân Vai	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 24"	106° 07' 40"					F-48-57-C-b
núi Lân Vong	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 38' 42"	106° 09' 56"					F-48-57-C-b
suối Làng Giang	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			21° 39' 32"	106° 07' 46"	21° 39' 06"	106° 05' 07"	F-48-57-C-b
xóm Làng Mười	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 38' 12"	106° 07' 01"					F-48-57-C-a
xóm Mỏ Bễn	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 42' 22"	106° 07' 06"					F-48-57-C-a
núi Mọ Yên	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 08"	106° 08' 28"					F-48-57-C-b
núi Nở	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 14"	106° 08' 55"					F-48-57-C-b
xóm Núi Lền	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 41' 12"	106° 06' 47"					F-48-57-C-a
xóm Phương Bá	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 36"	106° 07' 37"					F-48-57-C-b
hồ Quán Chẽ	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 38' 31"	106° 07' 32"					F-48-57-C-b
sông Rong	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			24° 40' 26"	106° 06' 36"	21° 39' 13"	106° 09' 35"	F-48-57-C-b
xóm Tân Tiến	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 41' 08"	106° 07' 09"					F-48-57-C-a
xóm Thân Dáng	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 42' 11"	106° 07' 45"					F-48-57-C-b
xóm Thịnh Khánh	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 58"	106° 07' 19"					F-48-57-C-a
núi Voi Đầm	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 32"	106° 06' 54"					F-48-57-C-a
suối Voi Đầm	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			21° 42' 09"	106° 07' 52"	21° 40' 36"	106° 07' 13"	F-48-57-C-b
quốc lộ 1B	KX	xã La Hiên	H. Võ Nhai			21° 41' 56"	105° 53' 39"	21° 43' 65"	105° 58' 19"	F-48-56-D-b
núi Ao Trời	SV	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 42' 47"	105° 58' 02"					F-48-56-D-b
núi Ba Làng	SV	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 43' 30"	105° 55' 57"					F-48-56-D-b
xóm Cây Bòng	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 44' 15"	105° 55' 04"					F-48-56-D-b
xóm Cây Thị	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 45' 15"	105° 55' 40"					F-48-56-D-b
núi Con Hổ	SV	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 42' 25"	105° 53' 46"					F-48-56-D-b
suối Đát	TV	xã La Hiên	H. Võ Nhai			21° 43' 57"	105° 55' 38"	21° 41' 42"	105° 55' 00"	F-48-56-D-b
xóm Đồi Sim	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 43' 10"	105° 57' 05"					F-48-56-D-b
xóm Đồng Đình	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 42' 23"	105° 55' 58"					F-48-56-D-b
xóm Đồng Dong	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 43' 34"	105° 54' 40"					F-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Gát	KX	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 43' 18"	105° 57' 21"					F-48-56-D-b
xóm Giai	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 44' 00"	105° 56' 00"					F-48-56-D-b
đồi Gốc Đa	SV	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 43' 15"	105° 54' 43"					F-48-56-D-b
xóm Hang Hon	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 42' 09"	105° 55' 29"					F-48-56-D-b
xóm Hiên Minh	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 42' 48"	105° 55' 47"					F-48-56-D-b
xóm Khôn Vạc	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 42' 53"	105° 54' 27"					F-48-56-D-b
xóm La Đồng	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 43' 16"	105° 56' 35"					F-48-56-D-b
xóm La Thê	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 43' 16"	105° 56' 55"					F-48-56-D-b
núi Lân Hồng	SV	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 43' 35"	105° 57' 17"					F-48-56-D-b
xóm Lang Lai	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 43' 16"	105° 57' 54"					F-48-56-D-b
xóm Lịch Sơn	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 43' 33"	105° 55' 12"					F-48-56-D-b
xóm Phố	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 42' 01"	105° 54' 49"					F-48-56-D-b
núi Thắm Bao	SV	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 44' 37"	105° 56' 11"					F-48-56-D-b
nhà máy Xi măng La Hiên	KX	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 42' 02"	105° 54' 05"					F-48-56-D-b
xóm Xuân Hòa	DC	xã La Hiên	H. Võ Nhai	21° 42' 52"	105° 56' 03"					F-48-56-D-b
quốc lộ 1B	KX	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai							
đèo Bụt	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 13' 47"	105° 56' 21"					F-48-57-C-a
xóm Cây Hồng	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 24"	106° 02' 28"					F-48-57-C-a
xóm Chiềng	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 18"	106° 02' 56"					F-A-57-A-c
núi Cộc	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 23"	105° 58' 42"					F-48-56-D-b
đèo Cút	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 14' 08"	105° 57' 30"					F-48-57-C-a
xóm Đá	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 37"	105° 58' 50"					F-48-56-D-b
xóm Đồng Chăn	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 37"	106° 03' 70"					F-48-57-C-a
xóm Hang	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 52"	106° 00' 21"					F-48-57-C-a
xóm La Hóa	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 51"	106° 01' 13"					F-48-57-C-a
xóm La Mạ	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 38"	106° 02' 02"					F-48-57-C-a
núi Lân Chì	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 21"	105° 59' 28"					F-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lân Cùng	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 43"	105° 59' 22"					F-48-56-D-b F-48-57-D-b
núi Lân Vâu	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 06"	105° 59' 56"					F-48-56-D-b
núi Làng Lai	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 32"	105° 58' 49"					F-48-56-D-b
dãy núi Lò Sén	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 12"	105° 58' 30"					F-48-56-D-b
xóm Mạ Cao	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 59"	106° 01' 31"					F-48-57-C-a
núi Mỏ Hánh	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 54"	106° 01' 21"					F-48-57-C-a
suối Mỏ Hánh	TV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai			21° 44' 55"	106° 04' 00"	21° 44' 38"	106° 00' 11"	F-48-56-A-c, F-48-56-C-a
xóm Nà Dương	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 52"	106° 02' 45"					F-48-57-C-a
xóm Non Ghẹo	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 25"	106° 01' 39"					F-48-57-C-a
xí nghiệp Phương Đông	KX	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 45"	105° 58' 26"					F-48-56-D-b
xóm Trúc Mai	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 48"	105° 59' 11"					F-48-56-D-b
cầu Trúc Mai	KX	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 39"	105° 58' 53"					F-48-56-D-b
núi Vệ Đồ	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 03"	105° 58' 51"					F-48-56-D-b
đèo Vương	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 14' 25"	105° 58' 24"					F-48-57-C-a
xóm Yên Ngựa	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 13"	106° 00' 50"					F-48-57-C-a
suối Búa	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 39' 32"	106° 03' 20"	21° 38' 32"	106° 03' 15"	F-48-57-C-a
núi Cây Bam	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 42' 30"	106° 01' 09"					F-48-57-C-a
núi Chúc Mai	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 43' 08"	105° 59' 47"					F-48-56-D-b
suối Dao	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 39' 19"	106° 04' 02"	21° 38' 20"	106° 03' 29"	F-48-57-C-a
suối Đá Mài	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 38' 59"	106° 03' 01"	21° 36' 51"	106° 04' 20"	F-48-57-C-a
núi Đồng Xa	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 42' 02"	106° 02' 05"					F-48-57-C-a
đèo Giang	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 09' 31"	106° 00' 04"					F-48-57-C-a
núi Gò Dài	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 43' 02"	106° 00' 23"					F-48-57-C-a
núi Hang Cốc	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 43' 30"	106° 00' 19"					F-48-57-C-a
xóm Kẹ	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 40' 16"	106° 04' 42"					F-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Kẹ	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 09' 56"	105° 59' 28"					F-48-57-C-a
xóm Khôn Đã	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 40' 25"	106° 03' 50"					F-48-57-C-a
xóm Khôn Nang	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 43' 10"	106° 01' 53"					F-48-57-C-a
suối Khôn Nang	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 42' 46"	106° 00' 04"	21° 43' 17"	106° 02' 42"	F-48-57-C-a
suối Khôn Ngoài	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 42' 20"	106° 00' 49"	21° 41' 29"	106° 01' 06"	F-48-57-C-a
suối Khôn Phung	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 42' 21"	106° 00' 11"	21° 41' 29"	106° 01' 06"	F-48-57-C-a
đèo Lác	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 38' 23"	106° 04' 41"					F-48-57-C-a
xóm Máng Lợn	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 37' 49"	106° 04' 40"					F-48-57-C-a
xóm Nác	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 38' 50"	106° 04' 14"					F-48-57-C-a
xóm Ngọc Mỹ	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 47"	106° 03' 29"					F-48-57-C-a
xóm Nhâu	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 33"	106° 01' 08"					F-48-57-C-a
núi Nhâu	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 60"	106° 01' 26"					F-48-57-C-a
suối Nhầu	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 41' 29"	106° 01' 06"	21° 41' 18"	106° 02' 52"	F-48-57-C-a
xóm Nho	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 04"	106° 04' 07"					F-48-57-C-a
suối Nho	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 41' 18"	106° 02' 52"	21° 41' 07"	106° 04' 37"	F-48-57-C-a
xóm Suối Trám	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 39' 13"	106° 02' 30"					F-48-57-C-a
xóm Thôm	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 26"	106° 03' 44"					F-48-57-C-a
suối Trám	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 39' 51"	106° 01' 36"	21° 38' 59"	106° 03' 01"	F-48-57-C-a
xóm Vang	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 24"	106° 02' 20"					F-48-57-C-a
suối Bản Đãi	TV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai			21° 53' 06"	106° 04' 37"	21° 52' 37"	106° 03' 18"	F-48-57-A-a
xóm Bản Nưa	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 30"	106° 04' 38"					F-48-57-A-c
xóm Bản Rãi	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 53' 10"	106° 04' 35"					F-48-57-A-a
xóm Cái	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 07"	106° 03' 40"					F-48-57-A-c
xóm Chang	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 51' 57"	106° 04' 10"					F-48-57-A-c
núi Cuối Sen	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 50' 46"	106° 05' 56"					F-48-57-A-c
xóm Hạ Lương	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 08"	106° 06' 27"					F-48-57-A-c
núi Khau Chó Mõ	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 53' 25"	106° 03' 24"					F-48-57-A-a
núi Khuổi Én	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 27"	106° 05' 45"					F-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Khuổi Hoa	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 51' 49"	106° 05' 18"					F-48-57-A-c
xóm Khuổi Un	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 53' 01"	106° 05' 26"					F-48-57-A-a
khau Khuổi Ún	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 24"	106° 06' 08"					F-48-57-A-c
xóm Nà Bọn	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 50' 20"	106° 05' 10"					F-48-57-A-c
xóm Nà Hấu	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 49' 50"	106° 05' 28"					F-48-57-A-c
xóm Nà Ràm	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 39"	106° 03' 19"					F-48-57-A-a
suối Nghinh Tường	TV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai			21° 50' 12"	106° 05' 27"	21° 53' 01"	106° 02' 02"	F-48-56-A-c, F-48-56-B-b
xóm Nhầu	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 50' 55"	106° 04' 59"					F-48-57-A-c
núi Pe Ka	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 54' 52"	106° 07' 36"					F-48-57-A-b
suối Sen	TV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai			21° 50' 35"	106° 06' 36"	21° 50' 13"	106° 05' 49"	F-48-57-A-c
xóm Thôm Phung	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 03"	106° 02' 57"					F-48-57-A-c
xóm Thôm Thao	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 51' 18"	106° 04' 22"					F-48-57-A-c
xóm Thượng Lương	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 54' 11"	106° 05' 50"					F-48-57-A-a
suối Thượng Lương	TV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai			21° 53' 56"	106° 05' 34"	21° 53' 24"	106° 05' 18"	F-48-57-A-a
khuổi Ún	TV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai			21° 53' 10"	106° 05' 53"	21° 53' 06"	106° 04' 37"	F-48-57-A-a
núi Xa	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 55' 13"	106° 05' 11"					F-48-57-A-a
núi Xa Hon	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 50' 01"	106° 05' 13"					F-48-57-A-c
núi Xa Khang	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 56' 11"	106° 05' 03"					F-48-57-A-a
núi Xa Khôn	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 54' 48"	106° 07' 45"					F-48-57-A-a
xóm Àu	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 17"	106° 07' 26"					F-48-57-A-d
xóm Ba Nhất	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 30"	106° 06' 39"					F-48-57-C-a
suối Cạn	TV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai			21° 46' 05"	106° 04' 58"	21° 45' 17"	106° 04' 42"	F-48-57-A-c
xóm Cao Biền	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 48' 13"	106° 05' 16"					F-48-57-A-c
xóm Cao Lầm	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 21"	106° 05' 13"					F-48-57-A-c
xóm Cầu Vẽ	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 59"	106° 05' 28"					F-48-57-A-c
núi Cơ	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 08"	106° 08' 46"					F-48-57-A-d
núi Con Voi	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 55"	106° 07' 00"					F-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Đình Cả	KX	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 06"	106° 04' 26"					F-48-57-A-c
xóm Đồng Lan	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 48"	106° 08' 00"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Mó	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 22"	106° 06' 36"					F-48-57-A-c
xóm Mỏ Gà	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 33"	106° 07' 27"					F-48-57-A-c, F-48-57-A-d
hang Mỏ Gà	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 38"	106° 07' 05"					F-48-57-A-c
cầu Mỏ Gà I	KX	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 34"	106° 07' 16"					F-48-57-A-c
cầu Mỏ Gà II	KX	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 34"	106° 07' 05"					F-48-57-A-c
xóm Nà Kháo	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 50"	106° 04' 57"					F-48-57-A-c
hang Nà Kháo	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 48' 23"	106° 04' 56"					F-48-57-A-c
núi Nà Phai	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 22"	106° 01' 55"					F-48-57-A-c
xóm Nà Pheo	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 08"	106° 06' 03"					F-48-57-A-c
núi Nam Long	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 48' 43"	106° 05' 01"					F-48-57-A-c
xóm Nghè	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 09"	106° 06' 59"					F-48-57-A-c
xóm Phật	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 41"	106° 06' 25"					F-48-57-A-c
xóm Phượng Hoàng	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 32"	106° 06' 56"					F-48-57-A-c
hang Phượng Hoàng	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 50"	106° 06' 57"					F-48-57-A-c
núi Sắc Tua	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 51' 22"	106° 05' 52"					F-48-57-A-c
xóm Suối Cạn	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 37"	106° 04' 49"					F-48-57-A-c
núi Tam Tấn	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 11"	106° 07' 53"					F-48-57-A-d
núi Tam Tấu	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 36"	106° 08' 27"					F-48-57-A-d
núi Thượng Căng	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 47"	106° 05' 57"					F-48-57-A-c
núi Tiên	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 46"	106° 06' 00"					F-48-57-A-c
cầu Vẽ	KX	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 43"	106° 05' 17"					F-48-57-A-c
xóm Bản	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 14"	106° 09' 23"					F-48-57-C-b
suối Bưởi	TV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai			21° 42' 17"	106° 13' 20"	21° 41' 25"	106° 11' 20"	F-48-57-C-b
xóm Cao	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 10"	106° 09' 03"					F-48-57-C-b
xóm Cũ	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 49"	106° 10' 11"					F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Dong	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 16"	106° 12' 27"					F-48-57-C-b
xóm Giữa	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 44"	106° 09' 38"					F-48-57-C-b
núi Hang Diêm	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 04"	106° 10' 12"					F-48-57-C-b
xóm Kẽn	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 42' 02"	106° 09' 38"					F-48-57-C-b
xóm Khôn Chấu	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 42' 37"	106° 13' 09"					F-48-57-C-b
xóm Là Mè	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 40' 42"	106° 09' 25"					F-48-57-C-b
xóm Mìn	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 22"	106° 09' 44"					F-48-57-C-b
xóm Nà Bả	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 32"	106° 10' 44"					F-48-57-C-b
xóm Nà Hang	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 44' 04"	106° 09' 38"					F-48-57-C-b
xóm Nà Khoan	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 52"	106° 09' 17"					F-48-57-C-b
đèo Ngà	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 40' 55"	106° 10' 54"					F-48-57-C-b
suối Pác Tác	TV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai			21° 44' 40"	106° 09' 55"	21° 42' 28"	106° 10' 01"	F-48-57-C-b
xóm Phương Đông	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 38"	106° 09' 41"					F-48-57-C-b
núi Rù Rấp	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 30"	106° 13' 49"					F-48-57-C-b
núi Tam Tấn	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 44' 38"	106° 10' 20"					F-48-57-C-b
núi Thần Tiên	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 49"	106° 10' 11"					F-48-57-C-b
núi Thốm Giang	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 42' 42"	106° 09' 13"					F-48-57-C-b
suối Xóm Bản	TV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai			21° 42' 18"	106° 09' 57"	21° 41' 42"	106° 09' 51"	F-48-57-C-b
xóm Xuất Tác	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 58"	106° 12' 16"					F-48-57-C-b
núi Xuất Tác	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 40' 46"	106° 11' 12"					F-48-57-C-b
xóm Bản Chương	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 53' 21"	105° 59' 32"					F-48-57-A-a, F-48-56-B-b
xóm Bó Quang	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 52"	106° 00' 14"					F-48-57-A-a
suối Bó Quang	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 55' 05"	106° 00' 00"	21° 54' 16"	106° 00' 22"	F-48-57-A-a
núi Búp Lan	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 32"	105° 58' 09"					F-48-56-B-b
khuổi Chạo	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 55' 30"	106° 00' 54"	21° 54' 29"	106° 00' 43"	F-48-57-A-a
xóm Chấu	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 53' 36"	105° 58' 17"					F-48-56-B-b
khuổi Cong	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 53' 38"	105° 57' 14"	21° 53' 38"	105° 58' 16"	F-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông Lỳ	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 29"	106° 01' 21"					F-48-57-A-a
núi Khau Âu	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 13"	105° 56' 40"					F-48-56-B-b
núi Khau Phăng	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 56' 43"	106° 02' 46"					F-48-57-A-a
xóm Khau Vàng	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 31"	106° 01' 15"					F-48-57-A-a
suối Khau Vàng	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 59' 28"	106° 02' 24"	21° 54' 47"	106° 01' 41"	F-48-57-A-a
xóm Khuổi Chao	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 04"	106° 00' 45"					F-48-57-A-a
núi Khuổi Lừa	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 31"	105° 59' 09"					F-48-56-B-b
xóm Khuổi Tát	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 50"	106° 02' 35"					F-48-57-A-a
khuổi Mèo	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 52' 16"	105° 58' 34"	21° 52' 44"	105° 58' 48"	F-48-56-B-b
xóm Nà Cà	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 05"	106° 00' 06"					F-48-56-B-b
núi Nà Dàng	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 53' 49"	106° 00' 38"					F-48-57-A-a
xóm Nà Lay	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 56"	105° 59' 21"					F-48-56-B-b
xóm Nà Nọi	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 52' 37"	106° 01' 06"					F-48-57-A-a
xóm Nghinh Tác	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 51' 53"	106° 00' 28"					F-48-57-A-c
suối Nghinh Tường	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 48' 43"	106° 07' 08"	21° 48' 43"	106° 07' 08"	F-48-57-A-a
núi Phia Nam (Phja Nan)	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 56' 04"	106° 00' 29"					F-48-57-A-a
núi Phiêng Diền (Phjêng Diền)	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 31"	105° 59' 30"					F-48-56-B-b
xóm Phú Cốc	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 46' 20"	106° 00' 03"					F-48-56-B-d F-48-56-B-b
núi Slẻ Lẹng	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 53' 10"	105° 57' 21"					F-48-56-B-b
núi Slình Kim	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 56' 09"	105° 58' 06"					F-48-56-B-b
xóm Tân Lập	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 28"	106° 02' 24"					F-48-57-A-a
khuổi Tát	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 56' 33"	106° 02' 21"	21° 53' 11"	106° 00' 12"	F-48-57-A-a F-48-57-A-c
khuổi Tinh	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 54' 36"	105° 57' 32"	21° 53' 40"	105° 58' 16"	F-48-56-B-b
khau Tưa	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 12"	105° 57' 32"					F-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Vàng	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 56' 18"	106° 01' 17"					F-48-57-A-a
khuổi Xóm	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 54' 58"	105° 57' 54"	21° 53' 38"	105° 58' 48"	F-48-56-B-b
suối Cái	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 47' 47"	105° 51' 15"	21° 47' 00"	105° 56' 11"	F-48-56-B-c, F-48-56-B-d
núi Cóc Chem	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 33"	105° 54' 15"					F-48-56-B-d
núi Gươm	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 47' 54"	105° 45' 55"					F-48-56-B-c
xóm Hạ Sơn Tày	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 48' 22"	105° 51' 38"					F-A-56-B-c
chùa Hoài	KX	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 51' 31"	105° 53' 20"					F-A-56-B-d
suối Khe Tập	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 49' 05"	105° 51' 04"	21° 48' 36"	105° 50' 24"	F-48-56-B-c
xóm Khuổi Pung	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 51' 27"	105° 53' 52"					F-A-56-B-d
suối Kim	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 50' 55"	105° 54' 52"	21° 51' 16"	105° 54' 18"	F-48-56-B-d
xóm Kim Sơn	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 48' 02"	105° 53' 58"					F-A-56-B-d
xóm Lân Hoài	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 51' 17"	105° 53' 11"					F-A-56-B-d
núi Lung Goài	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 46"	105° 53' 21"					F-48-56-B-d
núi Mạ Khao	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 51' 17"	105° 56' 34"					F-48-56-B-d
xóm Mỏ Thượng	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 52"	105° 54' 54"					F-A-56-B-d
núi Nà Chiêm	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 55' 59"	106° 00' 42"					F-48-56-B-d
núi Nà Lây	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 09"	105° 45' 41"					F-48-56-B-c
núi Nà Pảng	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 49"	105° 52' 42"					F-48-56-B-d
suối Nội	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 50' 40"	105° 53' 48"	21° 48' 48"	105° 53' 27"	F-48-56-B-d
núi Nùng Pảng	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 12"	105° 54' 24"					F-48-56-B-d
suối Pó	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 48' 32"	105° 54' 47"	21° 48' 11"	105° 54' 29"	F-48-56-B-d
núi Poóc Ngo	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 07"	105° 53' 09"					F-48-56-B-d
núi Tam Tu	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 49' 02"	105° 47' 29"					F-48-56-B-c
xóm Tân Kim	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 52' 44"	105° 54' 04"					F-A-56-B-b
núi Tèn	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 52' 08"	105° 53' 10"					F-48-56-B-d
suối Thác Kiệm	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 54' 07"	105° 56' 20"	21° 52' 30"	105° 55' 44"	F-48-56-B-b
xóm Trung Sơn	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 48' 14"	105° 53' 52"					F-A-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Vải	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 54' 06"	105° 56' 53"					F-48-56-B-b
xóm Xuyên Sơn	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 49' 48"	105° 54' 46"					F-A-56-B-d
đập Xuyên Sơn	KX	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 49' 55"	105° 54' 54"					F-48-56-B-d
xóm An Thành	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 47' 58"	105° 57' 19"					F-48-56-B-d
suối Huổi Tát	TV	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai			21° 50' 13"	105° 58' 47"	21° 48' 36"	105° 58' 01"	F-48-56-B-d
núi Khao Nia	SV	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 50' 15"	105° 58' 59"					F-48-56-B-d
xóm Khuổi Mèo	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 51' 31"	105° 57' 06"					F-48-56-B-d
xóm Lục Thành	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 48' 22"	105° 57' 47"					F-48-56-B-d
xóm Lũng Cà	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 50' 16"	105° 58' 19"					F-48-56-B-d
xóm Lủng Cóm	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 50' 50"	105° 59' 27"					F-48-56-B-d
xóm Lũng Hoài	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 49' 13"	105° 59' 24"					F-48-56-B-d
núi Mạ Khao	SV	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 51' 17"	105° 55' 34"					F-48-56-B-d
núi Nghinh Tác	SV	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 51' 30"	105° 59' 16"					F-48-56-B-d
xóm Tân Sơn	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 47' 03"	105° 56' 23"					F-48-56-B-d
xóm Tân Thành	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 48' 44"	105° 57' 58"					F-48-56-B-d
suối Thượng Nung	TV	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai			21° 48' 36"	105° 58' 01"	21° 46' 59"	105° 56' 13"	F-48-56-B-d
xóm Trung Thành	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 49' 08"	105° 57' 41"					F-48-56-B-d
xóm Ba Nhất	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 44' 15"	106° 05' 56"					F-48-57-C-a
suối Cầu Chéo	TV	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai			21° 42' 10"	106° 04' 55"	21° 41' 19"	106° 04' 45"	F-48-57-C-a
xóm Chòi Hồng	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 40"	106° 07' 15"					F-48-57-C-a
xóm Đèn	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 54"	106° 04' 25"					F-48-57-C-a
xóm Đồng Danh	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 06"	106° 04' 55"					F-48-57-C-a
xóm Đồng Ẻn	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 42' 49"	106° 04' 15"					F-48-57-C-a
xóm Đồng Mỏ	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 24"	106° 05' 22"					F-48-57-C-a
núi Đồng Mỏ	SV	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 52"	106° 05' 09"					F-48-57-C-a
xóm Đồng Ruộng	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 42' 07"	106° 03' 43"					F-48-57-C-a
xóm Đồng Tác	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 57"	106° 04' 57"					F-48-57-C-a
núi Hang Cáo	SV	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 44' 02"	106° 06' 28"					F-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khôn Ruộng	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 42' 36"	106° 05' 42"					F-48-57-C-a
suối Làng Đèn	TV	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai			21° 41' 39"	106° 04' 28"	21° 42' 15"	106° 05' 27"	F-48-57-C-a
núi Lều	SV	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 39"	106° 05' 38"					F-48-57-C-a
xóm Mỏ Bễn	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 17"	106° 06' 07"					F-48-57-C-a
xóm Mỏ Đinh	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 41"	106° 05' 03"					F-48-57-C-a
núi Một	SV	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 56"	106° 05' 57"					F-48-57-C-a
xóm Nà Bo	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 09"	106° 06' 47"					F-48-57-C-a
xóm Nà Đông	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 27"	106° 05' 43"					F-48-57-C-a
sông Rong	TV	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai			21° 44' 14"	106° 04' 32"	21° 04' 26"	106° 06' 36"	F-48-57-C-a
núi Sơn Đầm	SV	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 16"	106° 06' 22"					F-48-57-C-a
xóm Tân Đào	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 42' 20"	106° 06' 05"					F-48-57-C-a
xóm Tân Thành	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 25"	106° 04' 01"					F-48-57-C-a
xóm Thành Tiến	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 53"	106° 03' 25"					F-48-57-C-a
xóm Tràng	DC	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 40' 57"	106° 05' 41"					F-48-57-C-a
núi Trăng	SV	xã Tràng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 02"	106° 04' 45"					F-48-57-C-a
khuổi Cà	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 50' 46"	106° 03' 04"	21° 50' 13"	106° 02' 24"	F-48-57-A-c
suối Cao	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 50' 31"	106° 00' 43"	21° 50' 13"	106° 02' 24"	F-48-57-A-c
xóm Đồng Đình	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 48' 23"	106° 00' 44"					F-48-57-A-c
xóm Khe Cái	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 49' 53"	106° 03' 49"					F-48-57-A-c
suối Khe Cái	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 50' 00"	106° 03' 47"	21° 50' 35"	106° 04' 00"	F-48-57-A-c
xóm Khe Noi	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 50' 14"	106° 01' 10"					F-48-57-A-c
xóm Khe Rạc	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 47' 18"	106° 01' 36"					F-48-57-A-c
suối Khe Rạc	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 47' 56"	106° 01' 16"	21° 47' 20"	106° 01' 26"	F-48-57-A-c
xóm Khe Rịa	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 48' 50"	106° 02' 42"					F-48-57-A-c
núi Mỏ Non	SV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 48' 29"	106° 04' 07"					F-48-57-A-c
xóm Na Cà	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 50' 19"	106° 02' 42"					F-48-57-A-c
xóm Nà Mấy	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 47' 40"	105° 59' 15"					F-48-56-B-d
xóm Nà Rang	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 48' 36"	106° 01' 06"					F-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nấm	SV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 46' 27"	106° 01' 58"					F-48-57-A-c
khau Nao	SV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 51' 45"	106° 01' 55"					F-48-57-A-c
khau Nịa	SV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 51' 02"	106° 00' 56"					F-48-57-A-c
suối Rịa	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 48' 40"	106° 02' 46"	21° 49' 19"	106° 01' 34"	F-48-57-A-c
xóm San Kan	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 47' 41"	106° 03' 03"					F-48-57-A-c
khau Sơn	SV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 50' 18"	106° 02' 07"					F-48-57-A-c
xóm Suối Lạn	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 50' 42"	106° 04' 08"					F-48-57-A-c
xóm Suối Niếng	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 51' 03"	106° 03' 24"					F-48-57-A-c
suối Thượng Nhung	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 47' 38"	106° 03' 00"	21° 21' 48"	106° 01' 16"	F-48-57-A-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng